

BÁCH KHOA

SỐ 95 — NGÀY 15 - 12 - 1960

KHẢO-LUẬN

NGUYỄN-PHÚC-SA	Viện-trợ các nước kém mở mang.
HOÀNG-MINH-TUYNH	Hiệp - Chứng - quốc trước ngã ba đường (II).
PHẠM-HOÀNG	Gian khổ trong đấu- tranh.
NGUYỄN-VĂN-HAU	Nguyễn-Hữu-Cảnh.
NGUYỄN-VĂN-THU	Vài nét đại - quan về lượt tương-đối.
BÙU-KẾ	Thuận-An.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Florence Nightingale (1820-1910).
CỖ-LÊU	Tình - hình xuất - bản sách ở Pháp.
BÙI-HỮU-SÙNG	Phê - bình văn - học Phê-bình miệng.

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

QUÁCH-GIAO	Hoài cổ-nhân.
MINH-ĐỨC	Lá thư hải-ngoại.
ĐOÀN-THÊM	Không còn nữa.
VÕ-PHIẾN	Giã từ.
HOÀNG-KHANH	Chiều.
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	Khóc đầu tri-kỷ.
BÙI-KHÁNH-ĐẢN	Tâm-sự thôn nghèo.
A. T. (tịch J. P. Sartre)	Ba người tử tù.
NGUYỄN-NGU-Í	Đi coi triển-lãm sách Pháp.



Dễ dùng vào
KỸ - NGHỆ
NÔNG - NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG TY SHELL VIỆT NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

VINACO

35, đường Phủ.Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN:

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MAY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MAY CHỮ, MAY TOAN
MAY VIỀN ẤN
MAY BƠM NƯỚC
MAY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VON 560.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon

TAT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG

Lại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

*Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoan
Quốc - Gia Việt - Nam*

**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**



VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn - Huệ — SAIGON

Điện-thoại số : 21.624 — 25 — 26

ĐƯỜNG NGOẠI-QUỐC

S
A
I
G
O
N

VIENTIANE và SENO — Mỗi thứ Tư và thứ
Bảy bằng DC. 4

PHNOMPENH — Mỗi thứ Ba, thứ Năm
thứ Sáu và thứ Bảy

SIEMREAP — Mỗi thứ Ba và thứ
Bảy

BANGKOK — Mỗi thứ Ba và thứ
Sáu

HONGKONG

PARIS

— Mỗi thứ Hai

— Mỗi thứ Năm

Bằng
DC. 3
và
DC. 4

Bằng Super
Constellation

TỔNG ĐẠI-LÝ :

B. O. A. C.

AIR INDIA INTERNATIONAL

JAPAN AIRLINES

K. L. M.

AIR FRANCE (trừ SAIGON)

ROYAL AIR CAMBODGE

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

**AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE**

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

148-150, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,

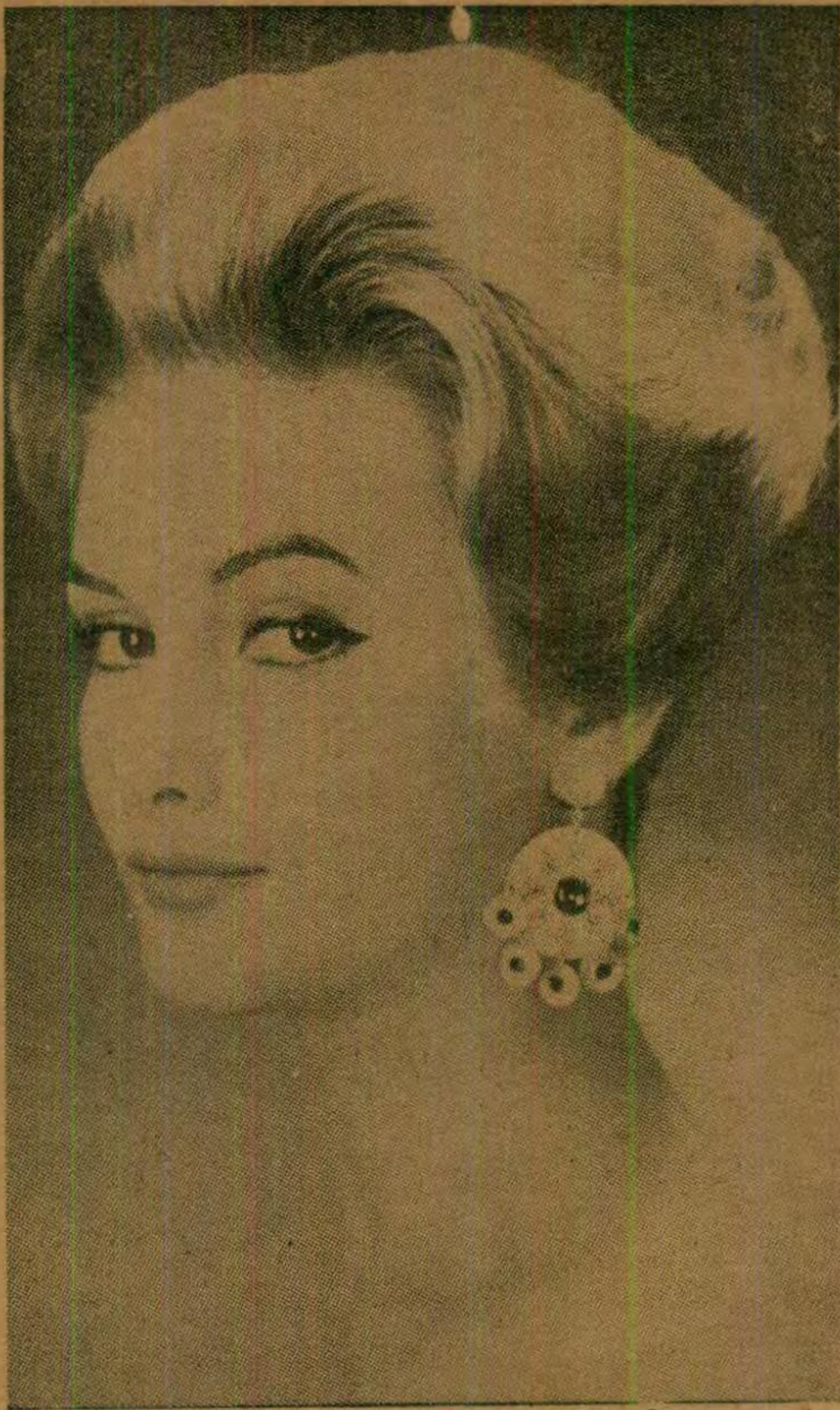


DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

PHÒNG
UỐN
TÓC
★
SỬA
SẮC
ĐẸP



BẢO AN 213^D Tự Do
SAIGON

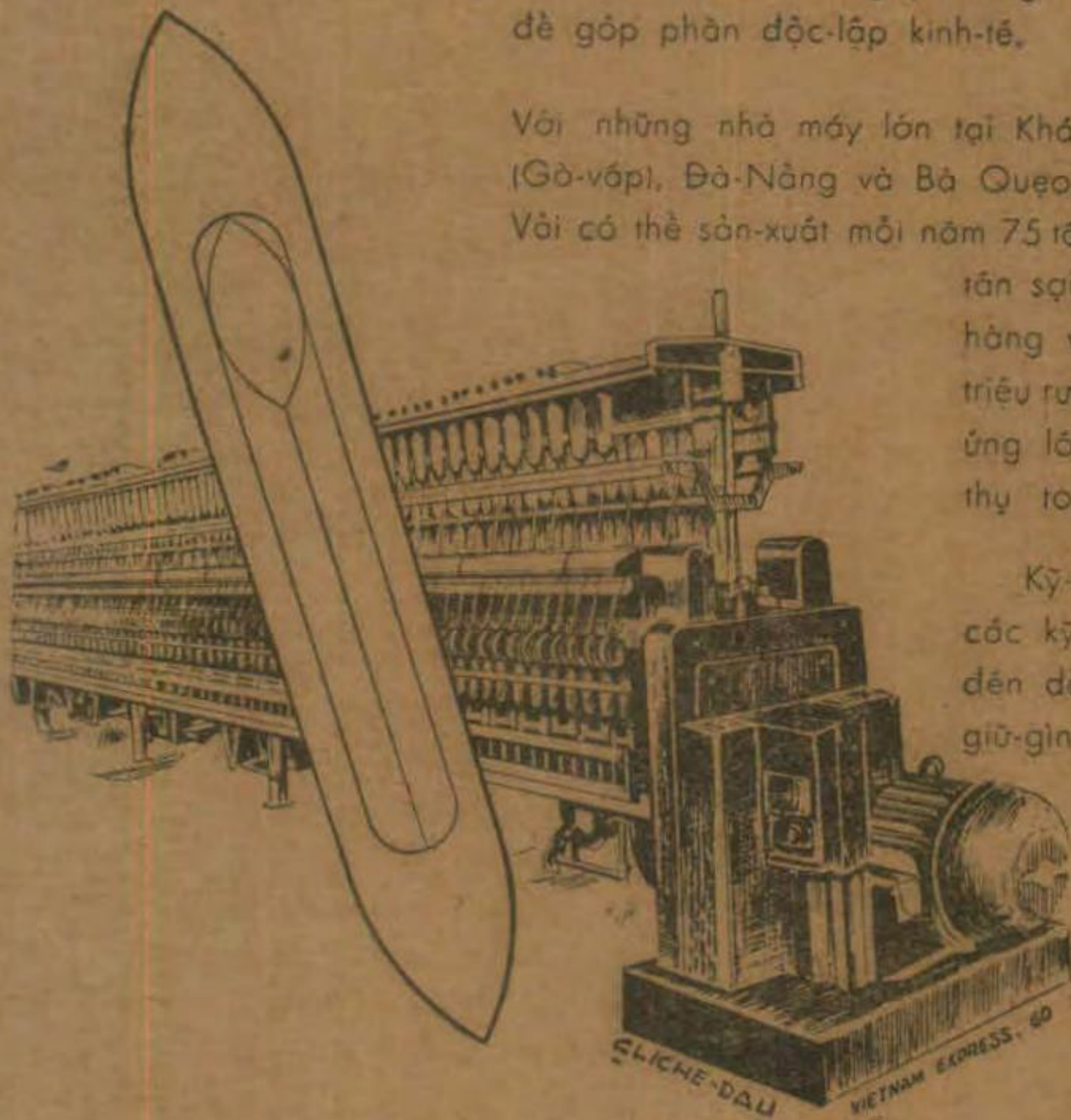
KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI

Kỹ-Nghệ Bông Vải và Tơ Sợi là một ngành hoạt động tối quan-trọng cho nước nhà.

Dưới quyền điều-khiển của các kỹ-sư và kỹ-thuật-gia Việt-Nam, các Công-ty Bông Vải nỗ-lực kiến-thiết để góp phần độc-lập kinh-tế.

Với những nhà máy lớn tại Khánh-Hội, An-Nhon (Gò-váp), Đà-Nẵng và Bà Quẹo, các Công-ty Bông Vải có thể sản-xuất mỗi năm 75 tấn chỉ may, 23 ngàn tấn sợi, 17 triệu rưỡi thước hàng vải và nhuộm lối 4 triệu rưỡi thước, đủ để cung-ứng lối 40% tổng số tiêu-thụ toàn-quốc.

Kỹ-nghệ này cũng như các kỹ-nghệ khác đều cần đến dầu để chạy máy và giữ-gìn dụng-cụ.



HÃNG DẦU STANVAC

góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBIL OIL — MOBIL DIESEL, v.v.

BACH-KHOA

Số 95 — Ngày 15-12-1960

	Trang
NGUYỄN-PHÚC-SA	<i>Viện-trợ các nước kém mở mang</i> . 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Hiệp - chúng - quốc trước ngã ba đường (II)</i> 9
PHẠM-HOÀNG	<i>Gian khổ trong đấu-tranh</i> 14
NGUYỄN-VĂN-HÀU	<i>Nguyễn-Hữu-Cảnh</i> 15
NGUYỄN-VĂN-THƯ	<i>Vài nét đại-quan về luật tương-đối</i> . 21
BÙU-KẾ	<i>Thận-An</i> 35
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>Florence Nightingale (1820-1910)</i> . 41
CÔ-LIÊU	<i>Tình-hình xuất-bản sách ở Pháp</i> . 49
BÙI-HỮU-SÙNG	<i>Phê-bình văn-học : Phê-bình miệng</i> . 55
QUÁCH-GIAO	<i>Hoài cổ-nhân (thơ)</i> 68
MINH-ĐỨC	<i>Là thư hải-ngoại</i> 69
ĐOÀN-THÊM	<i>Không còn nữa (thơ)</i> 73
VÕ-PHIẾN	<i>Giã từ</i> 74
HOÀNG-KHANH	<i>Chiều (thơ)</i> 83
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	<i>Khóc dầu tri-kỷ</i> 84
BÙI-KHÁNH-ĐẢN	<i>Tâm-sự thôn nghèo (thơ)</i> 90
A.T.	<i>Ba người tử tù (dịch J. P. Sartre)</i> . 91
NGUYỄN-NGU-Í	<i>Đi coi triển-lãm sách Pháp</i> . . . 95

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- | | |
|------------------|---|
| HOÀNG-MINH-TUYNH | : Hiệp-Chúng-quốc trước ngã ba đường. |
| BỬU-KẾ | : Cửa bể Thuận-An. |
| NGUYỄN-PHÚC-SA | : Mục sống. |
| NGUYỄN-VĂN-THƯ | : Luật tương-đối trước quá trình biến dịch của sự vật. |
| ĐOÀN-THÊM | : Đọc các thi-phẩm của S. John Perse giải-thưởng Nobel 1960. |
| VÕ-QUANG-YẾN | : Nobel khoa-học 1960. |
| TRỊNH-THIÊN-TỨ | : Ngành ngư-nghiệp trên thế-giới. |
| THIỆU-SƠN | : Ông Phan - Khôi đã phê-bình ông Nguyễn-Văn-Vĩnh như thế nào ? |
| NGUYỄN BẠT-TUY | : Nghề mành ở Tam-Quan. |
| NGUYỄN-TRẦN-HUÂN | : Nhân-loại-học — Nhân-chủng học. |
| NGUYỄN-HIẾN-LÊ | : Danh-nhân : IBN-SÉOUD người đã tạo nên một quốc-gia phú-cường giữa vùng sa-mạc. |
| TRẦN-VĂN-KHÊ | : Lối « Ca Huế » và lối « Nhạc tài-tử ». |
| BÙI-HỮU-SÙNG | : Khúc-ca lễ Giáng-sinh. |
| VŨ-HẠNH | : Vàng Hời (truyện ngắn). |
| XUÂN-TÙNG | : Trận banh đầu (truyện ngắn). |
| NGUYỄN-CHÂU | : Hung thần La-Mã (truyện dịch). |
| CÔ-LIÊU | : Quyền phép (truyện rút ngắn). |
| NGHIÊU-NHỤT | : Cầu phước (truyện dịch) |
| NGUYỄN-VĂN-XUÂN | : Xóm mới (truyện ngắn) |
| LƯU-KIỂM | : Chuyện làng (truyện ngắn). |

VIỆN TRỢ

CÁC NƯỚC KÉM MỎ MANG

NGUYỄN-PHÚC-SA

SỰ viện-trợ cho các nước kém mỏ mang được coi như một công-tác trọng-tâm để duy-trì hòa-bình thế-giới, mục-dích tối hậu của Liên-hiệp-Quốc và của những người có thành tâm thiện chí. Nếu khả-năng của mỗi người chưa được phát-huy, nguyện-vọng chính đáng chưa được thỏa-mãn, tài-nguyên chưa được thiết để khai-thác để mang lại đời sống xung-mãn, măm mông ghen tị, thù hằn giữa các dân-tộc còn nảy nở và căn-bản của nền hòa-bình bị lung lay.

Những nước được ưu đãi, khi mang tiền của, tài kỹ-thuật giúp đỡ các nước thua kém mình, cũng thường nhân mạnh vào mục-dích cao quý phụng-sự hoà-bình như trên, tuy trong thực-tế vẫn có một vài hậu-ý tư-ký.

Khi nói đến viện trợ, tưởng cũng nên định rõ mấy điểm sau đây.

Về phương diện quản-trị, người ta phân biệt viện trợ đa phương và viện trợ song phương. Các nước hội-viên hàng năm đóng góp vào ngân-sách của tổ-chức Liên-hiệp-quốc hay những tổ-chức phụ thuộc như tổ-chức lao-động, tổ-chức văn-hóa, tổ-chức lương nông v.v... giao hẳn việc phân phối viện-trợ cho một cơ-quan biệt-lập, vì vậy viện-trợ được mệnh danh là viện-trợ đa phương. Trái lại, khi sự viện trợ căn cứ trên sự điều-định hay một thỏa-hiệp ký kết giữa hai chánh-phủ tặng dũ và thụ hưởng, vấn-đề chỉ liên quan đến hai nước nên viện-trợ được gọi là song phương. Mỗi hình-thức đều có ưu khuyết điểm, tùy theo mục-dích nhằm đạt được và điều-kiện của các thành-phần liên-hệ.

Danh từ viện-trợ không phải chỉ có ý nghĩa cho không. Khi một chánh phủ hay Ngân hàng quốc-tê cho một

VIỆN-TRỢ CÁC NƯỚC KÉM MỜ MANG

nước hậu-tiền vay tiền với những điều-kiện dễ dãi để thực-hiện những dự-án khuếch-trương kinh-tê, xã-hội, việc cho vay này cũng nằm trong khuôn khổ viện-trợ, vì mục-đích không phải để lấy lời như những trái chủ khác. Những nước thụ-hưởng viện-trợ đều phải góp phần ít nhiều vào việc điều-hành chương-trình viện-trợ, thí dụ đóng niên liễm vào ngân-sách cơ-quan viện-trợ, đài-thọ kinh-phí địa-phương. Cho nên trong nhiều trường hợp, người ta thay thế danh-từ viện-trợ bằng danh-từ hợp-tác.

Sau hết, người ta phân biệt viện-trợ kỹ-thuật và viện-trợ kinh-tê hay viện-trợ tư-bản. Những nước kém mờ mang thường nhiều người chuyên-môn để nghiên-cứu, quan-niệm, tổ-chức, và điều-hành những guồng máy cần thiết cho công cuộc phát-triển. Các nước tiền-bộ hay tổ-chức quốc-tê giúp chuyên-viên, giáo sư, dụng-cụ trang-bị trường học, phòng thí-nghiệm, tặng học bổng để công-dân các nước kém mờ mang đi ngoại-quốc học tập. Nhờ vậy, kỹ-thuật tân tiền được truyền qua các nước còn thua kém. Đây là viện-trợ kỹ-thuật. Trái lại, khi sự viện-trợ theo hình-thức cho tiền để nhập-cảng dụng-cụ trang-bị hay hàng tiêu-thụ thông thường vì nước thụ hưởng thiếu ngoại-tệ, hoặc để xây cất cơ-sở vì tài-nguyên trong nước không đủ cung-ứng, sự giúp đỡ ấy được gọi là viện-trợ kinh-tê hay viện-trợ tư bản. Lẽ tất nhiên, hai hình-thức viện-trợ này phải bổ túc lẫn nhau mới giải-quyết được những vấn-đề khó khăn và rộng lớn đặt ra

cho các nước kém mờ mang. Thí dụ ta muốn thiết-lập kỹ-nghệ giấy, ta cần chuyên-gia nghiên - cứu thị trường, nguyên-liệu, phương-pháp sản-xuất, vẽ đồ-án nhà máy, chọn địa - điểm thuận tiện. Ta cần huấn-luyện chuyên-gia để điều-hành nhà máy. Nếu ta muốn vay tiền để tài-trợ dự-án, không ai nhận bỏ tiền nếu dự-án của ta chưa được nghiên-cứu kỹ lưỡng để bảo-đảm việc dùng tiền hữu hiệu.

Nhân-loại mới ý-thức mạnh mẽ sự cần thiết của công cuộc viện-trợ với mục-đích vị tha cao đẹp từ đại chiến thứ hai, nhờ sự sáng suốt và lý-tưởng của nhà lãnh-đạo phe tự-do trong khối đồng-minh. Với những hy-vọng chứa chan đặt nơi tổ-chức Liên-hiệp-quốc, người ta không thể chọn hình thức viện-trợ nào khác viện-trợ đa phương, tuy các nước đàn anh như Huê-Kỳ góp phần lớn nhứt vào công cuộc chung. Cơ quan cứu tế và phục-hưng quốc-tê (United Nations relief and rehabilitation administration, viết tắt UNRRA) bắt đầu hoạt - động ngay sau khi đại chiến thứ hai chấm dứt. Những nước bị chiến tranh tàn phá được giúp đỡ thực phẩm, thuốc men, quần áo, vật dụng để giải quyết tình-trạng thiếu thốn cấp-bách. Vì lý do chánh - trị nội-bộ, Nga-sô đã từ chối viện-trợ của UNRRA. Tại một vài nước đồng minh khác, viện-trợ của cơ-quan này đã bị vụng dụng, phẩm vật viện-trợ hoặc không đến tay dân chúng, hoặc đã không được gìn giữ để hư hại rất mau chóng.

Sự viện-trợ của Liên-hiệp-Quốc và các tổ-chức phụ-thuộc phần nhi là

viện-trợ kỹ-thuật, chú trọng trước hết đến việc cung-cấp dịch-vụ chuyên-viên ; học bổng và dụng-cụ dùng vào việc nghiên-cứu, giáo-huần chỉ chiếm một phần rất nhỏ. Về phần Liên-hiệp-Quốc, xin kể : chương - trình hoạt-động xã-hội, thiết-lập theo quyết-nghị số 58 (1946) bổ-túc do quyết-nghị số 418 (1950) ; chương-trình viện-trợ để phát - triển kinh - tế, thiết - lập theo quyết-nghị số 200 (1948) ; chương-trình viện-trợ hành-chánh, thiết-lập theo quyết-nghị số 246 (1948) bổ-túc do quyết-nghị số 723 (1953). Thực ra đây là những chương - trình nhỏ bé, không dành riêng cho các nước hậu-tiền. Điều đáng lưu ý là một quốc-gia có thể thụ hưởng viện - trợ mặc dầu chưa gia - nhập Liên-hiệp-quốc, thí dụ trường-hợp Việt-Nam.

Hiện nay nước ta cũng là hội-viên và được hưởng viện - trợ của các tổ-chức quốc-tế phụ-thuộc Liên-hiệp-Quốc sau đây : tổ-chức lao-động, tổ-chức y-tế, tổ-chức văn-hóa, tổ-chức lương-nông, tổ-chức viễn-thông, tổ-chức khí-tượng, tổ-chức hàng-không dân-sự và tổ-chức nguyên-tử-lực.

Nhằm mục-đích ứng phó với nhu-cầu của những quốc - gia kém mở mang, Liên-hiệp-quốc đã đặt chương-trình viện-trợ kỹ-thuật nói rộng do quyết-định số 222 (tháng 8-1949) và 304 (tháng 11-1949). Chương - trình này được tài-trợ bằng một quỹ riêng biệt, thâu tiền đóng góp của các quốc-gia tặng dư và thụ hưởng. Việc thi-hành do cơ-quan viện-trợ kỹ-thuật Liên-hiệp-Quốc hay các tổ-chức phụ

thuộc đảm - nhiệm, tùy theo thẩm quyền của mỗi tổ-chức. Từ 1950 đến 1958, chương - trình nói rộng đã xư dụng 156 380.000 mỹ - kim, chia ra 110.860.000 mỹ-kim dịch-vụ chuyên-viên, 27.986.000 mỹ-kim học-bổng và 17.534.000 mỹ-kim dụng-cụ.

Do quyết - nghị ngày 14 tháng 11 năm 1958, đại-hội-đồng Liên-hiệp-Quốc đã cho phép Ông Tổng-thư-ký tổ-chức một đoàn chuyên-viên quản-trị (chương-trình OPEX). Chuyên-viên Liên-hiệp-Quốc thường chỉ nhận lãnh những nhiệm-vụ cố-văn ; trái lại chuyên - viên thuộc chương - trình quản - trị sẽ được giao phó những nhiệm-vụ thừa hành, y như một viên-chức quốc - gia. Liên-hiệp-quốc và và chánh - phủ thụ hưởng chia nhau đài - thọ lương bổng của chuyên-viên quản-trị.

Ngân-sách của chương-trình nói rộng không cho phép tài-trợ những dự-án tương-đối tồn tiền nhưng có ảnh-hưởng xấu rộng. Quỹ đặc-biệt của Liên-hiệp-quốc (SPECFUND) thiết-lập theo quyết-nghị số 1240 (1959) nhằm vận - dụng phương - tiện quan-trọng hơn để đạt những kết - quả cụ-thể. Số tiền dự thâu vào quỹ cũng như sự lựa chọn viên Tổng-giám-độc chứng tỏ ý-chí hướng hoạt-động của Quỹ vào những dự - án có tính cách kinh - doanh. Quỹ sẽ không nhận tài trợ những dự-án đòi hỏi về phía quỹ dưới 250.000 mỹ - kim. Dự - án phải có tính cách tiền đầu - tư và gồm những hoạt - động nghiên - cứu, đào - tạo nhân - viên

VIỆN-TRỢ CÁC NƯỚC KÉM MỜ MANG

chuyên-môn. Những dự-án giáo-dục tổng-quát hay giáo-dục kỹ-thuật sơ-đẳng không được chấp thuận.

Tất cả những vụ viện-trợ tư-bản của Liên - hiệp - quốc đều dành cho Ngân - hàng quốc - tế trùng - tu và khuếch-trương và Quỹ tiền tệ quốc-tế. Hoạt-động của Quỹ tiền tệ giới hạn trong việc bảo-vệ giá-trị tiền tệ của quốc-gia ; trái lại Ngân-hàng quốc-tế và cơ-quan phụ thuộc như quốc-tế tài-chánh-cuộc (I. F. C.) và hội quốc-tế khuếch - trương (I D A) giúp các nước hội-viên nghiên-cứu và tài-trợ những dự-án phát-triển kinh-tế xã-hội. Hội quốc - tế khuếch - trương thành-lập năm 1959, gần đây đã bắt đầu hoạt - động. Mười lăm nước đã nhận hùn 690 triệu mỹ-kim để tiền tới số vốn dự trù 1 tỷ mỹ-kim. Huê-Kỳ hùn 320 triệu, Anh-quốc 131 triệu, Tây-Đức 53 triệu, Gia-Nã-Đại 38 triệu, Ý-Đại-Lợi 18 triệu. Hội sẽ cho vay với điều-kiện dễ dãi hơn ngân-hàng quốc-tế hay quốc-tế tài-chánh-cuộc.

Như trên đã nói, ngoại trừ trường-hợp Liên-hiệp-quốc và các tổ-chức phụ thuộc, sự viện - trợ có tính cách song phương. Nhưng hình-thức kết hợp các nước tặng dũ và thụ hưởng không mâu-thuẫn với những giao ước riêng giữa hai nước : thí dụ tổ-chức Kề-Hoạch Colombo, tổ-chức các quốc-gia Mỹ-châu, khối cộng-sản. Tổ-chức Kề-Hoạch Colombo có một văn-phòng và một hội-đồng hiệp-tác kỹ-thuật tại Colombo cùng hội - nghị tư vấn hàng năm luân phiên họp tại các quốc-gia

hội - viên ; tuy vậy mọi việc viện-trợ đều giải - quyết bằng cánh thương-lượng giữa hai quốc-gia liên-hệ mà thôi.

Huê-Kỳ đã đi tiên phong với kế-hoạch Marshall, đề ra năm 1948. Nền kinh-tế các nước Tây Âu bị kiệt quệ khi thế - giới chiến tranh thứ hai chấm dứt. Các nước này không thể tự lực phục-hồi khả-năng mậu-dịch ; việc thương-mại giữa mỗi nước với Huê-Kỳ và giữa các nước ấy với nhau sẽ bị đình trệ ; một cuộc khủng-hoảng trầm-trọng sẽ xảy ra với tất cả ảnh-hưởng tai hại cho thế-giới. Có người lo xa cộng-sản sẽ thừa cơ nắm chính quyền tại nhiều nước. Thực ra kế-hoạch Marshall không được quan-niệm như một phương-sách chống cộng. Nếu sau khi Tiếp-Khắc lọt vào tay cộng-sản, các nước Tây Âu, với sự thúc đẩy của Huê-Kỳ, đã ký kết minh-ước Bắc-Đại-Tây-Dương thì bên phía Á châu, Huê-Kỳ đã không giúp đỡ chánh-phủ của Thông-Chê Tường-giới-Thạch, khiến cho cộng-sản dễ-dàng thôn-tính lục địa Trung-Hoa. Một phần cũng vì nhiều giới Huê-Kỳ thất vọng trước sự xử-dụng viện-trợ UNRRA !

Đối với những nước kém mờ mang, Tổng-Thống H. Truman đã đề ra « điểm thứ 4 ». Từ đó sự viện-trợ của Huê-Kỳ đã được phổ cập đến nhiều nước. Nhiều chương - trình được song song thi hành như « nung đỡ phòng thủ », « viện-trợ kỹ-thuật », « công luật 480 », « viện-trợ kinh-tế ». Một phần viện-trợ cho không đã

được thay thế bằng việc cho vay qua Quỹ Tín dụng khuếch trương (Development Loan Fund).

Các nước trước kia thuộc khối thịnh vượng Anh đã tung ra kế-hoạch Colombo hồi tháng giêng năm 1950. Các nước kém mở mang được khuyến khích soạn thảo kế-hoạch phát-triển và những hội-viên phú cường cam-kết tích-cực giúp đỡ để thực hiện những kế-hoạch ấy. Sau này, nhiều quốc-gia khác ở Nam và Đông-Nam-Á gia-nhập tổ-chức Kế-Hoạch Colombo, hiện thời gồm các hội-viên sau đây : Anh quốc, Mỹ-quốc, Gia-nã-Đại, Úc-đại-Lợi, Tân tây-Lan, Ấn-độ, Hối quốc, Tích-lan, Miên-điện, Népal, Mã-lai, Tân-gia-Ba, Việt-Nam, Cambodge, Lào, Thái-Lan, Nam-Dương, Phi-luật-Tân, Nhứt-bồn, Brunéi, Sarawak. Sự viện-trợ hoàn-toàn đặt trên căn-bản song phương. Văn phòng tại Colombo chỉ giữ nhiệm-vụ ghi chép và thông-báo chứ không hề có quyền quản-trị viện-trợ. Sự phân-biệt giữa các nước tặng-dữ và thụ-hưởng dần-dần bị phai nhòa ; nhiều nước đồng thời nhận viện-trợ nhưng cũng cò-gắng giúp các nước khác trong những lãnh-vực mà chính họ đã ghi được thực-hiện đáng kể. Do đó, danh từ viện-trợ đã được thay thế bằng danh-từ hợp-tác.

Khởi cộng-sản cũng có những chương-trình viện-trợ nội-bộ hay đối với các quốc-gia không cộng-sản. Viện-trợ của Nga-Xô, Tiệp-Khắc, Trung-Cộng cho các nước cộng-sản chủ-hầu là biện-pháp giữ chặt các nước này

trong phạm-vi ảnh-hưởng cộng-sản. Tại các nước tự-do, viện-trợ tạo nên một bàn đạp để cho cộng-sản lợi-dụng khi thời-cơ thuận-tiện.

Nói chung, bất cứ hai quốc-gia nào cũng có thể thỏa-thuận với nhau một chương-trình viện-trợ song-phương.

Viện-trợ của các nước bạn và của Liên-Hiệp-Quốc đã mang lại cho nước ta những gì ?

Trước hết, viện-trợ Huê-Kỳ giữ vai trò rất quan-trọng trong nền kinh-tế nước nhà. Hầu hết mọi lãnh-vực hoạt-động đã thụ-hưởng sự giúp-đỡ lớn-lao. Viện-trợ Mỹ giúp ta thăng-bằng ngân-sách và thăng-bằng xuất, nhập-cảng, lại còn tài-trợ công-cuộc giáo-dục, y-tê, mở-mang đường-xá, phát-triển canh-nông, kỹ-nghệ, đào-tạo cán-bộ v.v . . .

Viện-trợ Liên-Hiệp-Quốc cung-cấp dịch-vụ chuyên-viên và một số học-bổng. Tháng 11 năm 1955, Liên-Hiệp-Quốc gửi sang Việt-Nam một phái-đoàn nghiên-cứu kinh-tế do giáo-sư Carter Goodrich cầm đầu. Phúc-trình của phái-đoàn mở đầu công việc soạn thảo kế-hoạch ngũ niên của ta.

Liên-Hiệp-Quốc tiếp-tục giúp ta chuyên-viên về kinh-tế, tài-chánh, thông-kê, địa-dư, hầm-mỏ, canh-nông, y-tê, giáo-dục, lao-động, hợp-tác-xã, ngư-nghiệp . . .

Trong Kế-Hoạch Colombo, có nước giúp ta cả phần kỹ-thuật lẫn phần tư-bản, có nước chỉ giúp phần kỹ-thuật mà thôi. Công cuộc di-cư, dinh-diễn,

VIỆN-TRỢ CÁC NƯỚC KÉM MỜ MANG

những chương-trình giống-giọt chăn-nuôi, thủy-nông, những trường đại-học và kỹ-thuật đã nhận viện-trợ đáng kể ; ngoài ra nhiều công-chức và sinh viên của ta được cấp học bổng để du học.

Về trị-giá, viện-trợ Pháp chỉ kém viện trợ Mỹ. Các trường đại-học và cao-học được giúp-đỡ giáo-sư, dụng-cụ phòng thí-nghiệm, sách giáo-khoa ; Chánh-phủ Pháp đã góp phần vào công cuộc cải-cách điển-địa bằng cách bồi hoàn chủ điển Pháp và giao sổ ruộng

của họ để chánh-phủ Việt-Nam phân chia cho tá-diễn ; nhiều công-sở đã nhận được chuyên-viên hay dụng-cụ hàng năm, Pháp cũng tặng sinh - viên và công-chức của ta một sổ học bổng để học tập tại Pháp.

Sự viện-trợ của Tây-Đức, hiện thời hướng về ngành kỹ-thuật, có nhiều hy-vọng bành-trướng trong tương-lai. Sau hết các nước Ý, Hòa-Lan, Bỉ cũng tặng Việt-Nam ít nhiều học bổng.

Bảng kê sau đây cho ta một ý-niệm rõ-rệt về trị giá viện-trợ :

— Mỹ-quốc (từ 1951 đến 1959)	1.280 triệu mỹ kim
— Liên-hiệp-quốc (từ 1956 đến 1962 — dự án ưu tiên 1 được chấp thuận)	1.917.764 mỹ kim
— Pháp (1954-1959)	7.385 triệu francs cũ
— Úc (tính đến hết năm 1959)	1.159.600 bảng Úc
— Gia-nã-Đại (—)	472.500 đô la
— Anh-quốc (—)	82.400 bảng Anh
— Nhật-bồn (—)	19 triệu yens
— Đức-quốc (dụng-cụ)	1 triệu marks

Công-cuộc viện-trợ là một bằng chứng hùng hồn của tình tương-thân tương-trợ giữa các dân-tộc. Mặc dầu các nước thụ-hưởng không mong ý lại mãi mãi vào các nước tiến tiến, trong thực-tế công-cuộc phát-triển một nước kém mờ-mang khác hẳn công cuộc phục hưng một nền kinh-tế đã có nề nếp. Các nước kém mờ-mang phải cố-gắng lâu dài nhưng cố gắng này chỉ đem lại kết-quả nếu có sự giúp-đỡ của các nước giàu mạnh hơn.

Các nước tặng-dữ đã hy-sinh rất nhiều. Tiếc thay những sự hy-sinh ấy đã không hoàn-toàn dùng vào việc

phát-triển kinh-tế và xã-hội. Một phần hy-vọng đặt nơi tổ - chức đời sống quốc-tê đã bị tiêu-tan vì sự chông báng giữa hai khối, vì những mưu mô thông trị của cộng-sản.

Chương-trình võ-trang đã làm giảm khả-năng viện-trợ của những nước tân tiến ; viện - trợ quân - sự chiếm những ngân-khoản quan trọng. Nhân-loại sống trong lo sợ chiến - tranh ; hàng trăm triệu người bị lỗ cơ-hội hưởng đời sống tươi đẹp hơn ! Những kẻ tạo nên tình trạng đó thực đã chịu trách nhiệm nặng-nề trước lịch-sử.

NGUYỄN-PHÚC-SA

BÁCH KHOA XCV

II. — CHẾ - ĐỘ CŨ, NHÂN VẬT MỚI

HOÀNG-MINH-TUYNH

(tiếp theo B. K. số 94)

NGUỜI dân Mỹ, dù thuộc tầng lớp xã-hội nào và dù trình-độ trí-thức cao thấp ra sao, trong khoảng thời gian gần đây, đều tỏ ra hoặc kinh ngạc hoặc phẫn nộ tới cực điểm, tùy theo tính tình của từng người. Họ thắc mắc hoặc tức bực tự hỏi vì đâu Hiệp-chúng-quốc mỗi ngày một mất lần bạn hữu. Không có tháng nào qua mà Hiệp-chúng-quốc không mất một hay hai nước bạn. Từ hai mươi năm nay, Hiệp-chúng-quốc đã tung hàng chục, hàng trăm tỷ mỹ kim ra khắp hoàn-cầu, vậy những khoản tiền lớn lao ấy đã dùng vào những công cuộc gì và các nước hưởng dụng khoản tiền mồ hôi nước mắt của người dân Mỹ chẳng lẽ lại vô ơn đến thế hay sao ? Phải làm cách nào để chấm dứt

một tình-trạng khó hiểu đến phi lý và phải làm cách nào để tiêu xài quốc sản một cách hữu ích hơn mới được ?

Lời giải đáp cho câu hỏi nêu trên của một thiều số, rất là giản dị : nhà giàu thì có bao giờ được ai thương mến, và tri ân vốn không phải sự thường thấy có trong tâm địa con người. Tốt hơn hết là nên cắt đứt những khoản tiêu xài hoang phí không đem lại được kết quả gì thiết thực cả.

Đó chỉ là lời giải đáp của một thiều số, còn lời giải đáp của đại đa số thì cao đẹp hơn nhiều. Đại đa số người Mỹ quan-niệm rằng : cái đại họa của nhân loại ngày nay phát sinh ra nguyên bởi sự người thương dân Mỹ không hiểu biết người thương dân Nga và ngược lại, cũng như

người da đen Mỹ quốc không hiểu biết người da trắng Mỹ quốc. Nếu chỉ một vài triệu người Nga có dịp tới thăm nước Mỹ, ở lại sáu tháng hay một năm tại gia đình của người Mỹ và nếu người Mỹ cũng có thể qua viếng nước Nga như thế, thì mọi sự đều có thể thu xếp ổn thoả. Xưa nay nhiều người vẫn cho rằng trong lịch sử nhân loại, tiến bộ là kết quả của đấu tranh không ngừng: họ nghĩ không có giải thích nào về lịch sử nhân loại sai lầm hơn nữa được.

Đơ-lớt hay Ai-xen-hao ?

Ý tưởng xây dựng thiên đường trên trái đất nguyên bằng sự qua lại thăm viếng lẫn nhau như thế có thể khiến cho người hoài nghi mỉm cười thương hại, nhưng người ấy dù hoài nghi đến đâu cũng phải thăm phục tấm lòng vị tha của hàng triệu người dân Mỹ, đàn ông cũng như đàn bà, tấm lòng vị tha phải công nhận là rất hiếm có trong nhân loại hiện nay. Bảo người Mỹ là những kẻ chỉ biết chăm lo làm sao kiếm cho được thật nhiều « đô la » là điều sai lầm, cũng như bảo người Pháp là những kẻ chỉ biết chơi bời phóng túng hay bảo người Việt-Nam là những kẻ chỉ biết ăn gian, nói dối, chuyên việc lừa gạt thiên hạ.

Thật ra hiện nay tại Hiệp-Chúng-quốc không phải thiếu những người có khả năng phân tích được sâu xa nguyên nhân thất bại của chính sách nước họ. Trong số những người này, có rất nhiều giáo sư đại học, nhất là giáo sư đại-học Harvard, trung tâm lớn lao nhất của Mỹ quốc về tự do chủ nghĩa. Nhiều người thấy các nhà chính trị Mỹ thường tỏ vẻ khinh miệt các nhà trí-thức Mỹ và thấy các nhà trí-thức

này thường được mệnh danh bằng cái danh từ không mấy tốt đẹp là « egg-heads » (1), vẫn có khuynh hướng nghĩ rằng ảnh-hưởng của các giáo sư đại học không có gì quan trọng trong công luận Hiệp-Chúng-quốc lắm. Nhưng cứ xem như trong kỳ tuyển cử tổng thống vừa qua, khi hay tin báo chí loan tin nếu đảng Dân-chủ đắc thắng thì Cambridge (tiểu bang Massachusetts) — trụ-sở của trường Đại-học Harvard — sẽ đứng ra thống-trị Hiệp-Chúng-quốc, ông Nixon phải vội vã triệu tập ngay trong « brain-trust » của ông một số giáo sư của trường Đại-học Tân Anh-cát-lợi để đưa ra đối phó với thứ khí giới tối nguy hiểm ấy, ta đủ biết quan điểm của các vị giáo sư về các vấn-đề chính trị hay kinh-tế Hiệp-chúng-quốc hiện nay đã bắt đầu trở nên đáng kể.

Đối với tổng-thống Ai-xen-hao, các brain-trusts của Harvard thường không dám chỉ trích thẳng (như khi nói về ông, họ thường đem một nhân vật lịch-sử là đại tướng — tổng thống Grant ra lên án; khi họ nói về nhân vật này, ai cũng biết là họ nói về tổng thống Ai-xen-hao).

Còn đối với ông Phốt tơ Đơ-lớt (Foster Dulles), họ không tiếc lời mạt sát thậm tệ. Theo lời họ thì nguyên-nhân của tất cả những bề trái trong chính sách Mỹ-quốc gần đây đều gây ra bởi sự sụp đổ của chế độ do ông Đơ-lớt thiết lập. Họ cũng công nhận ông cố bộ trưởng ngoại giao trước khi từ bỏ chức vụ ít ngày đã trông thấy giông tố gần đến bên mình, nhưng ông không còn đủ thì giờ để thiết lập một hệ thống khác nữa.

Bức chân dung các nhà chỉ trích trên phác họa về ông Đơ-lớt

1.— Hạng « đầu trứng » tức đầu sỏi.

không có chút chi giống với bức chân dung Tổng Thống Ai-xen-hao thường vẫn phác họa về ông này là « vị bộ trưởng ngoại giao giỏi nhất trong lịch-sử Hiệp-chúng-quốc ». Theo bức chân dung do các nhà chỉ trích phác họa thì ông Đơ-lót chỉ là một ông trạng sư khôn khéo, có khi quá khôn khéo, theo một số người. Ông tưởng có thể tạo cho Hiệp-chúng-quốc địa vị siêu đẳng trong hoàn cầu bằng cách kiếm ra một vài khẩu hiệu thật kêu, có khả năng làm chấn động quần chúng và Quốc - hội ; còn việc cần thiết là biết phân tích cho thật sâu xa tình hình quốc tế đang ở trong bước rối ren thì ông tỏ ra bất lực, bất lực hoàn toàn. Ông lại là người cứng đầu, không biết nghe theo lời khuyên bảo của ai. Đối với ông, cái hệ thống bao la của bộ ngoại giao cùng với tất cả chuyên viên, cố vấn, đại sứ chỉ là những người làm công việc của nhân viên bưu cục, nghĩa là chỉ làm có công việc chuyển giao thư từ, điện tín.

Có vị giáo sư rất nổi danh nọ (nghe nói hình như ông là cố vấn cho một nhân vật có thể mời ra thay thế ông Herter trong ghế ngoại giao) phê bình về công cuộc của ông Phốt-tơ Đơ-lót như dưới đây :

« Chính sách « *brinkmanship* » (1) và « phục thù mãnh liệt » đã trở nên vô nghĩa từ khi người Nga chế tạo được trái phá nguyên tử và trái phá khinh khí. Chính sách ấy làm sao có thể áp dụng được ? Nếu ngày kia, người Nga xâm lấn một nơi nào đó trong hoàn cầu, liệu chúng ta có thể đáp ứng tức khắc bằng cách dùng trái phá nguyên tử mà oanh tạc nước Nga, trong

khi chúng ta biết người Nga cũng có thể hủy hoại tức khắc Nữu-uớc và Los Angeles không ?

Ông Đơ-lót cứ bầu víu mãi vào một chính sách đã lỗi thời từ mười năm nay. Tuy nhiên, những tiếng kêu như « phục thù mãnh liệt » thường khiến cho các vị nghị sĩ trong Quốc-hội khoái-trá. Ông từng tìm cách ép buộc các nước chưa tham-gia vào khối nào, ký kết liên minh quân sự với Hiệp-chúng-quốc, mà không hiểu rằng các nước này vừa mới thu hồi độc lập, không có lợi lộc về vật chất và cũng không có khả năng về tâm lý để kết thúc những liên minh quân sự với ai. Như trường hợp Ấn - độ. Chúng ta kết thúc liên minh quân sự với Ấn-độ để làm gì ? Cứ để cho ông Nê-ru rút kinh-nghiệm trong cuộc sống chung hòa bình với Bắc - kinh ra sao, có phải có lợi cho chúng ta hơn không ? Ông Phốt-tơ Đơ-lót còn tỏ ý muốn chấp nhận tất cả những nhà độc tài thối nát và bị dân chúng ghét bỏ nhất, làm liên minh, chỉ vì những người này rêu rao có chủ trương chống cộng thật âm ỉ. Chính chính sách này đã đưa chúng ta đi từ thất bại này tới thất bại nọ và đã làm cho công luận các nước trên trở nên đối kháng với chúng ta. Lại nói đến chính sách của ông về Châu Mỹ La-tinh. Kỳ tuyên cử năm 1952, ông Đơ-lót đọc một bài diễn văn rất dài đã kích chính quyền đang Dân chủ đã bỏ lơ vấn đề Châu Mỹ La-tinh, thế mà từ đấy nay, chính ông đứng điều khiển chính sách đối ngoại của Hiệp-chúng-quốc trong suốt bảy năm trường, người ta cũng chẳng thấy ông làm nổi được công chuyện gì về mặt đó hết. Quý vị hẳn còn nhớ khẩu hiệu « giải phóng » các dân tộc bị Cộng-sản áp chế của ông và cả sự giận dữ của ông lúc bấy giờ, khi có một

(1) Chính sách của nhóm người đang đứng bên bờ vực sâu.

HIỆP-CHÚNG-QUỐC TRƯỚC NGÃ BA ĐƯỜNG

vài người can đảm dám chủ trương rằng « chương trình của ông không thể gì thực hiện được ».

Những lời chỉ trích nghiêm khắc trên chỉ là những lời chỉ trích của một thiểu số trí thức, ta không nên coi đó là những lời tiêu biểu cho một tư trào rộng lớn trong công luận Mỹ. Đối với người dân Mỹ trung bình, Phớt-tơ Đơ-lót đã được đứng vào hàng ngũ các bậc vĩ nhân đáng tôn sùng trong Vạn-thần-miếu và chỉ trích chính sách của ông có nghĩa là chỉ trích chánh sách của « Ike ». Hay nói cách khác, có nghĩa là đã kích một trong những điều tối kỵ của toàn bộ Hiệp-chúng-quốc hiện nay vậy.

Một « Master plan » (1)

Các « brain-trusters » của trường đại học Harvard không phải chỉ chỉ trích quá khứ Họ còn tìm cách xây dựng một « Master plan » nhằm đưa chính sách Mỹ quốc ra khỏi vòng luẩn quẩn đầy những mâu thuẫn bức mình, những công thức rỗng tuếch và những thất bại cay chua. Đó là cả một chương trình mà vị « leader cương quyết » sẽ phải đem ra thi hành trong « những năm sáu mươi ». Cứ theo như lời vị giáo sư trên, thì chương trình ấy đại khái gồm những khoản sau đây trước hết cần phải tăng cường tiềm lực quân sự để đuổi kịp người Xô-viết, nhất là về hỏa tiễn. Hiện nay không một người Mỹ nào nghi ngờ khả năng kỹ thuật vĩ đại của nước họ không cho phép họ đạt được tới đích một cách mau lẹ. Thứ nữa cần phải chuẩn bị cho xứ sở có đủ phương tiện đối phó kịp thời trong trường hợp xảy ra những cuộc « xung đột địa phương » mà cả hai

bên cùng nhận thấy không « tiện » đưa ra sử dụng những thứ vũ khí phá hoại quyết liệt. nỗ lực tái vũ trang ấy chưa đủ, Hiệp-chúng-quốc còn phải thương thuyết với Liên-xô để chấm dứt những cuộc thử vũ khí nguyên tử ; sự thương thuyết không những cần để cho hai bên cùng có dịp tỏ rõ thiện chí của mình mà còn để cho không khí quốc tế bớt phần căng thẳng, hầu đi tới những thỏa hiệp có lợi cho hòa bình chung. Sau thỏa hiệp chấm dứt những cuộc thử vũ khí nguyên tử, sẽ tới thỏa hiệp giải trừ nguyên tử là thỏa hiệp đáng mừng hơn hết cho tất cả nhân loại. Dù sao những vũ khí nguyên tử đã trở thành vũ dụng bởi sức phá hoại quá ghê gớm của nó và bởi cả hai bên đối thủ cùng giữ nó làm bừa bối của mình.

Nhờ đấy, Hiệp-chúng-quốc sẽ thoát ra khỏi ngõ bí đã lâm phải từ mười năm nay và sẽ bớt được những khoản chi tiêu làm lũng đoạn nền kinh tế quốc dân rất mực nặng nề.

Đối với các nước trong « thế giới đệ tam », Hiệp-chúng-quốc phải thi hành một chính sách khuyến khích sự « bất tham gia » (2) và tặng-dữ cho họ những khoản viện trợ thật lớn lao, có thể qua trung gian của các cơ-quan Liên-Hiệp-quốc. Từ nay Hiệp-chúng-quốc không còn thể giúp đỡ cho những tay độc tài quân phiệt, uy danh thật lừng lẫy mà hậu thuẫn quần chúng thì chẳng có gì. Thí dụ như Đại tá Nasser chẳng hạn. « Có thể trừ một vài trường hợp đặc biệt, có những lý do đặc biệt cần phải duy trì không kể ». Trong những trường-hợp

(1) Master plan : Kế hoạch chính yếu.

(2) Không tham gia vào bất luận khối nào trong hai khối.

khác, Hiệp-chúng-quốc không thể ngăn ngại can thiệp kín đáo vào trong những việc thuộc nội bộ của những quốc gia đã nhận viện trợ của mình và đang bị các nhà độc-tài khống chế. Trường-hợp ông Menderès chực nhờ viện trợ của Mỹ quốc và phù trợ của vị đại sứ Hoa - thịnh - Đồn đề bầu núa lấy chính quyền tại Thổ-Nhĩ-Kỳ, không thể đề tái diễn nữa (1).

Chương trình tốt đẹp trên, chúng ta là những người ngoại quốc đối với Hiệp-chúng-quốc không có đủ phương tiện để quyết đoán nó sẽ được thi hành hay không.

(1) Cho tới trước ngày cuộc chính biến xảy ra tại Thổ-nhĩ-Kỳ, Đài Phát-thanh Mỹ-quốc, trong mục phát thanh dành cho nước này, vẫn tiếp tục nói như thường lệ. Mãi tới khi vị đại sứ Hiệp-chúng-quốc can thiệp, Đài trên mới không nói tới Thổ-nhĩ-kỳ nữa.

Nhưng chúng ta có thể chắc chắn một điều : đó là « chính cương » mà các vị lãnh đạo, các nhà cầm quyền và các người trí thức sáng suốt của Hiệp-chúng-quốc hiện đang dốc lòng tin tưởng tuyệt đối và cũng cho là căn bản cần thiết phải dựa vào đề đi đến những phân tích sâu xa, xác thực khác, trước một thế giới biến chuyển mau lẹ từ giờ khắc một. Ít nhất, chúng ta cũng thấy Hiệp - chúng - quốc không phải là không có những nhân vật thức thời biết nhìn nhận ra những nhu cầu của thời đại mình và quyết tâm vận động cho những ý-kiến mới mẻ và kiến hiệu của mình được áp dụng để cứu dân cứu nước. Họ cũng biết rút ra những bài học tự trong những sai lầm của quá khứ, cố gắng đi tìm một chân lý để cấu tạo nên một thế giới tốt đẹp hơn và tự do hơn bây giờ.

HOÀNG-MINH-TUYNH

Chim tinh vệ

Con gái vua Viêm-đế ngày xưa vượt biển chết chìm, hóa ra con chim tinh vệ, một loại chim nhỏ ở biển ngày ngày ngậm đá từ núi Tây về lấp biển Đông cho hả giận. Do đấy, có điển : « *Điền hải chí* », *chỉ lấp biển* như chỉ chim tinh vệ, chỉ chỉ khí lớn lao, kiên trì, không bao giờ hao-nhụt. Đôi khi, cũng dùng để chỉ chí-khí phục-thù, báo oán vì thâm hận câu : « *Tinh vệ hàm thạch* », *chim tinh vệ ngậm đá*, cũng có ý-nghĩa như trên.

Dòng tư-tưởng...

Gian khổ trong đấu tranh

Người đời thường nói : « muốn sinh tồn phải đấu tranh », đấu tranh với bản thân, đấu tranh với ngoại giới. Cuộc đấu tranh ấy rất gian khổ và càng gian khổ hơn mỗi khi người đấu tranh không đủ bản lĩnh để thắng nội ngoại giới và nhất là bản thân, khiến cho cuộc sinh hoạt càng thêm phức tạp, phiền hà.

Vậy muốn giảm bớt gian khổ trong đấu tranh, điều thiết yếu phải chăng là chúng ta cần nỗ lực nghiêm khắc với chính mình, nỗ lực chiến đấu chống lại những hèn yếu, đam mê, sa ngã của chính mình.

Chúng ta càng chiến đấu thắng lợi thì không những gian khổ càng giảm bớt, mà chúng ta càng tích trữ được nhiều nghị lực hơn để đi tới thành công viên mãn.

PHẠM-HOÀNG

BÁCH KHOA XCV

NGUYỄN-HỮU-CẢNH

Thượng-đẳng Khai-quốc
công-thần đời Nguyễn

NGUYỄN-VĂN-HẦU

ĐẶT chân lên mảnh đất miền Nam, đi sâu vào lòng « Lục-tỉnh », nhất là tỉnh An-Giang, nếu du-khách chịu để ý một chút về các từ-miếu, tất sẽ lầy lăm lã mà tự hỏi tại sao có một vị thần lại được dân-chúng rất mực tôn-sùng ; tôn-sùng đến nỗi có một quận nọ, trừ một vài xã, mỗi xã, đều có đền thờ, tục gọi « Dinh Ông ».

Nếu khách có tò-mò hỏi thăm dân-chúng về lai-lịch vị thần ấy thì bất luận già trẻ, sẽ hạ thấp giọng xuống và đại khái trả lời : — « Ông Chương-binh » Lê ấy mà, một vị quan đang cựu lúc sống có công đánh Thổ (1) an dân và khi chết rồi vẫn còn khí thiêng giúp vua đồng-chúng. Ông đã thành thần và hiển-hách lắm ! ».

Muốn hiểu thêm về gốc-gác vị thần ấy trong *Việt-Nam sử-lược* hoặc một vài quyển sử nào khác, khách sẽ thấy thất-vọng vì tài-liệu đơn-sơ và sẽ không khỏi thắc-mắc vì Chương-binh Lê là ai ? Rồi Lê-Tài-Hầu, Vinh-An-Hầu, Lê-Thành-Hầu, Nguyễn-Hữu-Kính, Nguyễn-Hữu-Cảnh là ai nữa mà khách từng nghe thấy hoặc ở cửa miệng dân-gian, hoặc ở các tấm biển treo ở các đền thờ, hoặc tên các đường phố ?

Thì đây, trên giấy nơn mực thơm, kẻ cầm bút hy-vọng được góp phần tìm hiểu với các bạn du-khách hiền lịch-sử ấy.

(1) Thổ, tức Thổ-dân ; ở miền Nam gọi người Thổ hay Đàng-Thổ, tức là chỉ người Cao-Miền.

NGUYỄN-HỮU-CẢNH THƯỢNG-ĐẰNG...

Thế-Phả họ Nguyễn-Hữu

Trở về nguồn gốc xa-xăm trong tôn-phả Nguyễn-thị, thì thủy-tổ họ này là ông Nguyễn-Trãi (1380-1442).

Nhị-Khê-Hầu, đệ nhất công-thần đời Lê.

Ông Trãi sinh ra ông Sùng.

Ông Sùng sinh ra ông Nghĩa.

Ông Nghĩa sinh ra ông Doãn (Hoàng-Quốc-Công triều Lê).

Ông Doãn sinh ra ông Nguyễn-Đức-Trung (Trinh-Quốc-Công triều Lê).

Con trai Trinh - Quốc - Công là Nguyễn-Hữu-Vĩnh (Hằng-Quận-Công triều Lê). Con gái là bà Ngọc-Huyền, làm Chánh-Hậu triều Lê-Thánh-Tôn ở cung Sung-Nghi, sinh-mẫu vua Lê-Hiến-Tôn.

Ông Vĩnh sinh ra ông Nguyễn-Hữu-Đạc (Tùng-Dương-Hầu triều Lê).

Ông Đạc sanh ra ông Dẫn (Cầm-Hoa-Hầu triều Lê).

Ông Dẫn sanh ra ông Nguyễn-Triều-Văn (Triều-văn-Hầu triều Lê).

Ông Văn sanh ra ông Nguyễn-Hữu-Dật (1). Ông Dật giúp triều Nguyễn, có công đánh Trịnh lấy đợc các tỉnh Nghệ-An, Quảng-Bình.

Con trưởng ông Dật là Nguyễn-Hữu-Hào (Hào-Lương-Hầu) (2). Con thứ ba là Nguyễn-Hữu-Cảnh, có công đánh Chiêm-Thành, Chân-Lạp và có công khai-thác đất Đông-Phò (nay là Sài-Gòn), lập phủ Gia-Định, đương thời người ta gọi à ông Hắc-Hồ (3).

Xét từ Nhị-Khê-Hầu Nguyễn-Trãi đến đây, trải 11 đời, hầu hết đều có công to danh lớn, sanh trong thời Lê và ra phò Lê, duy có hai đời sau, từ ông Nguyễn-Hữu-Dật tới Nguyễn-Hữu-Cảnh mới theo về chúa Nguyễn và làm quan triều Nguyễn.

(1) Ông Nguyễn-Hữu-Dật trước Chiêu-Vũ-Hàn.

(2) Muốn biết tiền-sử các ông này, xin xem thêm *Bulletin des Amis du Vieux Huế* — 1914.

(3) Nguyễn-Thúc : *Thơ Nôm Phước-Môn ; Bảng thế-hệ họ Nguyễn-Hữu*, in lần thứ nhất, trang 26, 27.

« Ôi! ngây thơ... »

Jean Hus, một nhà cải-cách tôn-giáo Tiệp-Khắc, bị Công-đồng Constance lên án đốt sống. Đang khi ông bị trói chặt và chịu cực hình trên dàn lửa cháy ngùn-ngụt, có một bà già tới liệng thêm một thanh củi, như có ý phụ-họa vào việc lên án ông. Jean Hus nhìn bà già làm một việc vô ích, cất tiếng than : « *O sancta simplicitas !* », *O sainte simplicité, Ôi, ngây thơ đến mức trác-tuyệt*. Người đời sau thường dùng câu than mỉa mai trên ám chỉ những hành-vi, cử chỉ của hạng người phụ-họa, theo người một cách vô ý-thức.



Đình thờ Nguyễn-Hữu-Cảnh tại Châu-Phú, Châu-Đốc
(Nguyên gốc do Thoại-Ngọc-Hầu Nguyễn-Văn Thoại cắt)

Xét sâu chút nữa, ta thấy Nguyễn-Hữu-Dật theo phò chúa Nguyễn từ thời Sãi-Vương Nguyễn-Phúc-Nguyên năm thứ sáu (1619), vì lý-do bắt phục họ Trịnh. Năm ấy Hữu-Dật mới 16 tuổi, nhờ giỏi văn rành võ và có tài biện-thuyết, nên được bổ làm văn-chức trong triều.

Từ đó, trên hoạn-lộ, ông được thăng trật rất mau ; cùng với Nguyễn-Hữu-Tiền, Đào-Duy-Từ là những tay đồng-thời giúp rập rất giỏi cho chúa Nguyễn.

Nguyễn-Hữu-Cảnh, mà có chỗ chép là Nguyễn-Hữu-Kính (1) hoặc Nguyễn-

Hữu-Kiên (2), như đã nói, là con Nguyễn-Hữu-Dật, em Nguyễn-Hữu-Hào, cháu nội Nguyễn-Triều-Văn. Vì có kỳ-công nên sinh-thời được tấn-phong chức Chương-binh, và khi mất, được truy-tặng Hiệp-tân công-thần, đặc tấn Chương-dinh tướng-quân, Lễ-Thần-Tài-Hầu (3).

Từ đó về sau, đời Minh-Mạng được truy-tặng Vĩnh-An-Hầu (4), đời Tự-Đức được phong Lễ-Thành-Hầu (5).

(2) Đại-Nam nhất-thống-chí ; bản dịch của Tu-Tri Nguyễn-Tạo, nhà Văn-Hoá xuất-bản, tập hạ, trang 52, chép là Nguyễn-Hữu-Kiến.

(3) Bản chép tay bằng quốc-âm đề tại đình Châu Phú. Bản chiếu chỉ của vua Gia-Long năm thứ tư, đề ngày mùng 2 tháng 10, cũng gọi Nguyễn-Hữu-Cảnh là Chương cơ Lễ-Tài-Hầu.

(4) Đại-Nam tiền-biên liệt-truyện, cuốn 3.

(5) Cao Hữu-Giáp : Châu-Phú thôn, Tôn thần sự tích và sắc Thành-hoàng tại Châu-Phú (Xem ảnh bản chữ Hán).

(1) Việt-Nam sử-lược, nhà xuất-bản Tân-Việt, in lần thứ tư, trang 328, 331 đều chép là Nguyễn-Hữu-Kính.

Tên châu, tên sông và tên đền thờ chỗ ông dừng binh đều được đặt là *Lê-Công* (tức ông Lê) (1) đã tỏ lòng ghi nhớ.

Như vậy, ta sẽ không còn thắc-mắc gì mà không quả-quyết rằng những danh từ : *Chưởng-Binh-Lê*, *Lê-Tài-Hầu*, *Lê-Thành-Hầu*, *Nguyễn-Hữu-Cảnh*, hay *Nguyễn-Hữu-Kính*... đều chỉ chung một *Nguyễn-Hữu-Cảnh*, vị Thượng-đẳng khai-quốc công-thần đời Nguyễn chứ không còn có ai khác nữa.

Truyền-thuyết cho « *Chưởng-binh-Lê* đã hiệp với *Đốc-binh-Vàng* để chống lại quân Xiêm — do Lê-Văn-Khôi cầu viện — rồi tử-trận, nên dân - chúng lập đền thờ tại *Chợ-Mới* » không lấy gì làm bằng-cứ chắc-chắn. Bởi vì hiện nay, tại các đền thờ ở đây, trong sắc vua ban hoặc trong *Tôn-thần sự-lịch*, đều có nói rõ là thờ *Lê-Thành-Hầu Nguyễn - Hữu-Cảnh*, con *Nguyễn-Hữu-Dật*, công-thần đời chúa *Hiển-Tông Nguyễn-Phúc-Chu* (1691 — 1725). Trận đánh nhau với Xiêm xảy ra với triều *Minh-Mạng* (1820 — 1840) do *Trương-Minh-Giang* chỉ-huy, hai thời-gian cách nhau rất xa, không thể có sự lầm-lẫn được. Và lại *Lê-Thành-Hầu Nguyễn - Hữu-Cảnh* nhất định không hề có tử-trận như truyền-thuyết nói trên.

**Phò chúa Nguyễn
chấm dứt cuộc Nam-tiến
Chiêm-Thành**

Nguyễn - Hữu - Cảnh gốc ở « *Quý huyện* » (2), tức huyện *Tông-Sơn*, làng *Gia-Miêu*, tỉnh *Thanh-Hóa*. Thiều thời

theo cha đánh giặc lập được công-cán, được ban chức *Cai-cơ*.

Đời chúa *Hiển - tông Hiếu - minh Hoàng-đề* (*Nguyễn-phúc-Chu*) năm thứ nhất (1692), có vua nước *Chiêm-thành* là *Bà-tranh* làm phản, nhóm họp dân binh, xây cất đồn lũy, cướp-bóc và sát-hại dân-cư ở phủ *Diên-ninh* (*Diên - khánh*). Chúa *Nguyễn* sai *Nguyễn-Hữu-Cảnh* làm *Thống-binh* hiệp với *Tham-mưu Nguyễn-Đình-Quang* dẫn quân chinh-phạt (3)

Nước *Chiêm-thành* nguyên từ đời *Nguyễn-Hoàng*, năm *Mậu-dần* (1578), chúa đã sai ông *Lương-văn-Chánh* làm *Trần-biên quan*, đẩy lui họ rồi chiêu-tập nhân-dân và ở *Phú-yên* (4). Đến năm *Tân-hợi* (1611) quân *Chiêm* mưu-phản, chúa *Nguyễn* sai chủ-sự *Văn-Phong* vào đánh dẹp, lập ra phủ *Phú-Yên*, gồm hai huyện *Đổng-Xuân* và *Tuy-Hòa*, cho lệ-thuộc *Dinh Quảng-Nam*, giao cho *Văn-Phong* ở lại đóng giữ (5).

Đời *Nguyễn - Phúc - Nguyên*, năm 1629, *Văn-Phong* ở đất *Chiêm* nổi lên làm phản. Phó-tướng *Nguyễn-Phúc-Vinh* vâng lệnh chúa *Nguyễn* cầm quân đánh dẹp, lập ra doanh *Trần-Biên*.

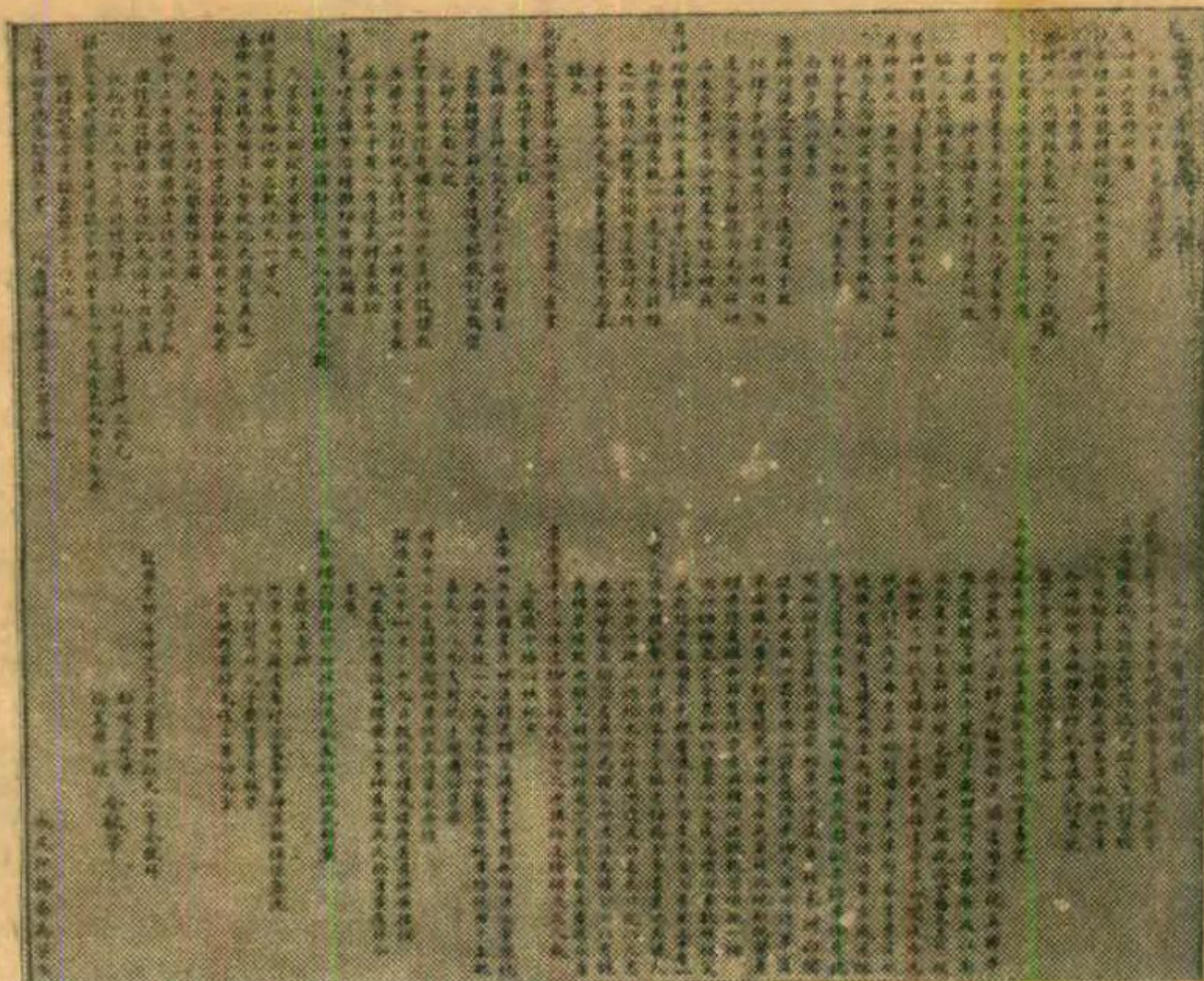
(1) *Đại-Nam nhất-thống-chí*, phần *An - Giang* tỉnh, mục *Sơn-Xuyên* và mục *Từ-miếu* Bản dịch của *Nguyễn-Tạo*, tập hạ, trang 52, 63, 72.

(2) *Quý huyện* là nơi quê-quán họ nhà vua.

(3) Theo *Đại-Nam Chính-biên liệt-truyện*, sơ tập, quyển 33, tờ 21. Bản dịch của *Bừu-Cầm*. *Văn-Hóa nguyệt-san* tháng 11, số 36, trang 1246.

(4) *Đại-Nam tiền-biên liệt-truyện* quyển 3, tờ 16.

(5) *Đại-Nam nhất-thống-chí* và *Généalogie des Nguyễn avant Gia-Long* par *Tôn-Thất-Hân* — *Bulletin des Amis du Vieux Hué* — 1920 trang 295.



Bảng « Tông-Thần sự-lịch »
(đề tại đình Châu-Phú, Châu-Độc)

Đời chúa Nguyễn-Phúc-Tân, năm 1653, vua Chiêm là Bà-tâm xâm lấn Phú-Yên. Chúa sai Cai-cơ Hùng-Lộc làm Thông-binh, Xá-sai Vũ-Minh làm Tham-muru, lãnh 3000 binh đi đánh giặc Chiêm. Quân ta dùng hòa-công, đại thắng; Bà-tâm chạy trốn. Từ ấy ta chiếm đất Chiêm đến sông Phan-Lang, lập phủ Thái-Khang và Diên-Ninh (1).

Vậy từ năm 1611, ta mới vào Phú-Yên, và năm 1653, ta đã tiến tới Khánh-Hoà. Bởi vì quân Chiêm đã nhiều lần tạo-phản chống trả nên phen nầy (năm 1692) chúa Nguyễn quyết-định thôn-tính nước Chiêm.

(1) Theo Đại-Nam chính-biên liệt-truyện, sơ tập, quyển 33, tờ 21. Bản dịch của Bửu-Cầm. Văn-Hóa nguyệt-san tháng 11, số 36, trang 1246.

Nguyễn-Hữu-Cánh, như trên vừa cho biết, vâng lệnh chúa làm Chông-binh phạt Chiêm Thành. Ông bắt được vua Chiêm là Bà-tranh và thần-tử là Tả-trà-viên Kê-bà-tử (2) cùng thân-thuộc của vua Chiêm là Bá.ân đem về giam tại núi Ngọc-Trản, đổi nước Chiêm-Thành làm trấn Thuận-Thành, sai Cai-cơ Nguyễn-Trí-Thắng giữ Phồ-Hải, Cai-cơ Nguyễn-Tân-Lễ giữ Phan-Lý, Cai đội Chu-Kiên-Thắng giữ Phan-Lang, để phòng bị dư-đảng của vua Chiêm ở Thuận-Thành.

Tháng 8 năm ấy, chúa Nguyễn đổi trấn Thuận-Thành làm phủ Bình-Thuận, cho Tả-trà-viên Kê-bà-tử làm

(2) Tả-trà-viên là tên một chức quan chứ không phải tên riêng một người như Việt-Nam sử lược đã chép.

NGUYỄN-HỮU-CẢNH THƯỢNG-ĐẰNG...

khám-ly, ba người con của Bà-ân làm Đốc-độc để xếp đặt mọi việc trong phủ-hạt. Nhưng trước khi cho những người này trở về xứ cũ để phủ-dụ dân của họ, Chúa Nguyễn bắt buộc họ phải ăn mặc theo phong-tục nước ta.

Tháng chạp năm ấy, có người Tàu tên A-Ban hiệp cùng Hữu-trà-viên Ốc-nha thất ở Thuận-Thành làm loạn.

Chúa Nguyễn sai Cai-cơ Nguyễn-Hữu-Cảnh đem binh đi đánh, dẹp tan đảng giặc. Kê-bà-tử trình rằng : » « Từ ngày cải cách đến nay, ở đây nạn đói hoành-hành, dân - chúng ốm đau khốn-khổ rất nhiều ». Hiểu thấu việc ấy, chúa Nguyễn động lòng thương xót, cho phục lại tên cũ (tức Thuận-Thành), phong Kê-bà-tử làm Thuận-Thành trấn Phiên-Vương để phủ-tập quân-binh và dân-chúng trong trấn, và phải hằng năm triều-cống như cũ. Những ăn kiem, yên mã và nhân-khẩu mà quân ta đã bắt lấy được của Chiêm-Thành ngày trước đều được

trả lại hết cho chủ mới (tức Phiên-Vương Kê-bà-tử), lại cấp cho Kê-bà-tử 30 kinh - binh để bảo - vệ chủ quyền (1).

Nhân có công chinh - phạt đó, Nguyễn-Hữu-Cảnh được thăng chức Chương - cơ, lãnh trấn-thủ Bình-Khương-dinh (2).

Nước Chiêm-Thành từ đó bị đồng-hoá theo ta và đến năm Đinh-sửu (1697) thì sáp nhập hẳn vào bản đồ nước Việt. Ta có thể coi trận đánh của Lê-Hoàn dưới đời Tiễn-Lê là trận thử sức đầu tiên của ta với quân Chiêm để mở đầu Nam-tiền, và trận đánh của Nguyễn-Hữu-Cảnh dưới thời Quốc-Chúa là trận chung-kết để quyết-định vận-mạng cuối-cùng của dân - tộc Chiêm-Thành. (còn tiếp)

NGUYỄN-VĂN-HẦU

(1) Theo Đại-Nam chính-biên liệt-truyện, sơ tập, quyển 33, tờ 21. Bản dịch của Bửu-Cầm. Văn-Hóa nguyệt-san tháng 11, số 36, trang 1247.

(2) Đại-Nam tiền-biên liệt-truyện, quyển 3, và bản Tôn-thần sự-tích tại đình Châu-Phú (xem ảnh bản chữ Hán về Tôn-thần sự-tích).

ĐÍNH CHÍNH

Bách-Khoa số 92, trong bài « Tế cầu văn » của cụ Thủ-Khoa-Huân, của Nguyễn - Văn - Hầu, có in sai những chỗ sau đây, xin sửa lại cho đúng :

trang 17, cột 1, dòng 14 : *hồng bản* xin đọc *không bản*.

cột 2, dòng 6 : *ấy hồi* xin đọc *mấy hồi*.

dòng 8 : *hèn rượu* xin đọc *chén rượu*.

trang 18, cột 2, dòng 6 : *qua về* xin đọc *quay về*.

trang 19, cột 2, từ dòng 1 đến dòng thứ 6, xin đọc :

Hỡi ôi !

Hết tướng ba ơn ;

Tim về một ngõ.

Bầy vóc mình thoát đã nằm trơ ;

Bặt tám tiếng sao không dậy sửa !

Nhớ chó xưa :

.....
trang 20, cột 2, dòng 11, *theo bài Tế cầu* xin đọc *sau bài Tế cầu*.

trang 21, cột 1, dòng 3, *buồng dừa* xin đọc *bóng dừa*.

cột 2, dòng 4, *hành hình* xin đọc *bị hành hình*.

VÀI NÉT ĐẠI - QUAN VỀ LUẬT TƯƠNG-ĐỐI VÀ CÁC LÝ-THUYẾT PHỤ-THUỘC

✱ — NGUYỄN-VĂN-THU

THỜI gian là một phương-thức để ghi sự : trên chiều thời gian có quá khứ, có hiện tại, và có tương-lai. Một việc đã xảy ra hồi nào, trước việc gì, sau việc gì...

Không gian là một hình-thức để trí vật : một vật hiện hữu thì vật ấy ở chỗ nào, chiếm vị-trí ra sao.

Thời gian và không gian là hai thứ khung để lồng sự vật, hai yếu-tố cần thiết để cảm thụ, nhận thức nghĩa là so sánh, phân biệt, phê phán, chỉ định, lấy bỏ, tiên liệu và chờ đợi.

Không căn cứ vào thời gian và không gian thì sự vật không thể kiến lập được, quan niệm không thành và nhận thức không nổi.

Quan-niệm thông thường về thời gian ra sao ?

Điều thứ nhất là thời gian chỉ có một chiều : từ quá khứ ta tiến về tương-lai, ta

chỉ sống xuôi thời gian chứ không thể sống ngược lại thời gian được. Khi ta nói ngược thời gian tức là ta dùng lý-trí, dùng tưởng-tượng chứ thật ra trên thực-tế, sự vật không hề giật lùi theo ý ta muốn.

Điều thứ hai là ta ý-niệm thời gian qua không gian. Một năm là quãng thời gian mà quả đất quay quanh mặt trời một vòng. Một năm lại chia ra làm một số tháng và số ngày. Ngày là thời gian của quả đất giờ mình trong lúc chạy trên quỹ-đạo. Nói vòng quanh mặt trời, vòng quanh mình tức là không gian đã lẫn vào trong ý-niệm thời gian. Nhưng người ta thường quên cả sự kiện này.

Điều thứ ba là thời gian trôi một cách đồng đều, phút phút, giây giây dài ngắn bằng nhau, giờ nào cũng như giờ nào không co, không dãn.

Quan-niệm thông thường về không gian ra sao ?

Một vật hiện hữu phải chiếm một chỗ nhất định trong vũ-trụ ; chiếm một chỗ tức là chiếm một gian khoảng trong vũ-trụ. Trước khi ở đó thì vị-trí ấy tuy không có chứa vật gì nhưng vẫn có một chỗ sẵn gọi là chỗ không. Bây giờ một vật có hình sắc hiện hữu vụt biến mất hoặc tan ra mây, ra khói thì cái khối hình sắc không còn nhưng một khoảng không-trung dung tích bằng khối hình sắc ấy sẽ thay thế vào để đợi đến khi có một vật khác lại chiếm chỗ.

Vậy không gian là nơi để bài liệt các vật. Nói có một vật tức là chiếm một chỗ trong không gian. Có tức là có trong không gian, nói một cách khác, không gian là cái khung rộng để xếp sự vật. (Nói sự vì có những hiện tượng xảy ra trong không gian).

Đối với thức tâm ta, không gian là một loại cảm giác. Vì cảm giác có thể trắc lượng được nên cũng có thể trắc lượng được không gian. Người ta gọi là khối không gian trắc lượng bằng dung-tích.

Nếu ta lấy một khối không gian dung-tích bằng quân xúc sắc vuông sáu mặt làm đơn-vị đo lường, ta có thể xếp những khối xúc sắc như thế nối liền với nhau trên dưới tả hữu trước sau cho đến khi đến chật một gian khoảng nào đó. Không gian chỗ ấy có bao nhiêu đơn-vị xúc sắc. Số đơn vị xúc sắc tức là số khối hay là dung-tích của không gian.

Lại nữa đem một quân xúc sắc không gian chia ra làm một vạn khối nhỏ bé đều nhau, mỗi khối nhỏ bé lại chia ra làm một vạn khối nhỏ bé nữa, cứ thế chia mãi chia mãi, ta vẫn còn không gian để mà chia. Ta không chia bằng dụng cụ, ta có thể chia bằng trí

tưởng tượng, ta không thể nào chia hết được. Nếu ta nhân ta có thể nhân mãi cũng chỉ gặp một thứ hư không dù bội số có to đến đâu chăng nữa.

Người ta nói không gian vô cùng vô tận cả hai cực : cực vi và cực đại. Một mặt khác suốt mọi chiều không gian Nam Bắc Đông Tây tứ duy thượng hạ, các phương các hướng đều nhất dạng đồng đẳng cho nên không gian chỗ nào cũng in như chỗ nào.

Ý niệm không gian thời-gian là ý niệm yếu-tố chủ chốt để quan niệm và diễn tả sự vật, lập luận thuyết trắc lượng mọi hiện tượng thể nghiệm vũ-trụ và thành lập các loại khoa.

Dựa vào những ước lượng được kiến lập trên căn bản thời gian không gian, ta làm nhà cửa xây cầu cống, tính tiền điện nước, trả công người làm và đòi lương Chánh-Phủ.

Tất cả đều xác lý và đúng sự, nghĩa là khoa-học vững chãi, quan niệm thời, không ứng sự và hợp lý lắm.

Cho đến lúc có một người không nghĩ như mọi người ra trình diện trước nhân loại và tuyên bố vào giữa sự kinh-ngạc của các nhà bác-học rằng quan niệm cổ-diễn về thời gian và không gian ấy có đúng nhưng chỉ đúng được một phần, nghĩa là đúng một cách tương đối.

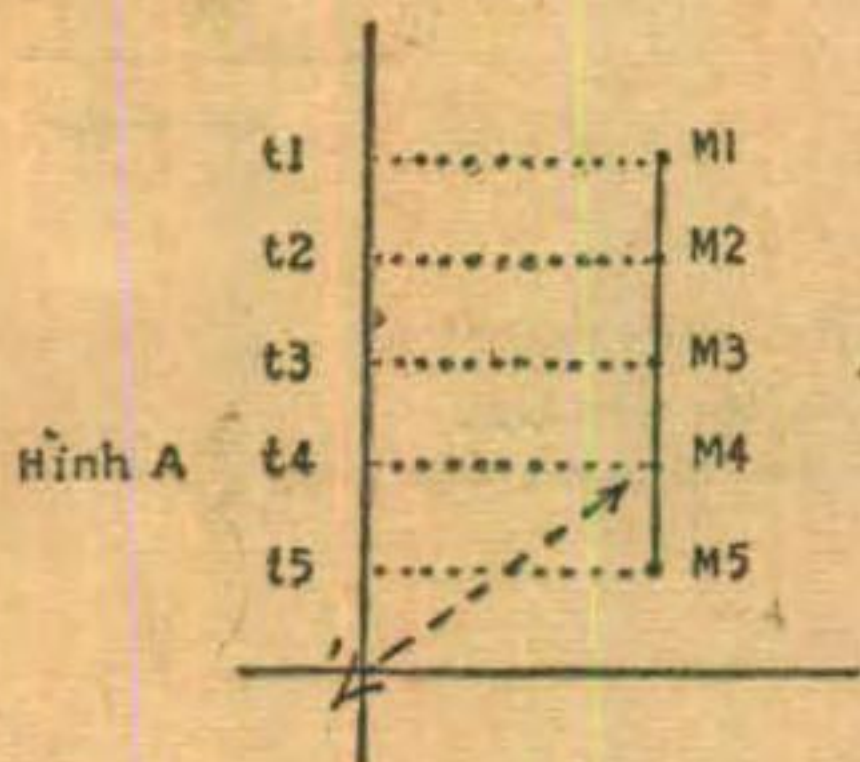
Luật tương đối ra đời :

Luật tương-đối phán đoán các kết quả của khoa học và định lại giá trị của các cuộc quan sát. Luật tương đối bình luận về nguyên lý vũ trụ, thực thể ánh sáng năng lực, mực tối đa của vận tốc và ý-nghĩa các hấp lực của các khối hợp chất.

Về giá trị của các cuộc quan sát ta có thể nhờ vài thí dụ về tính cách tương đối của những kết quả trắc lượng.

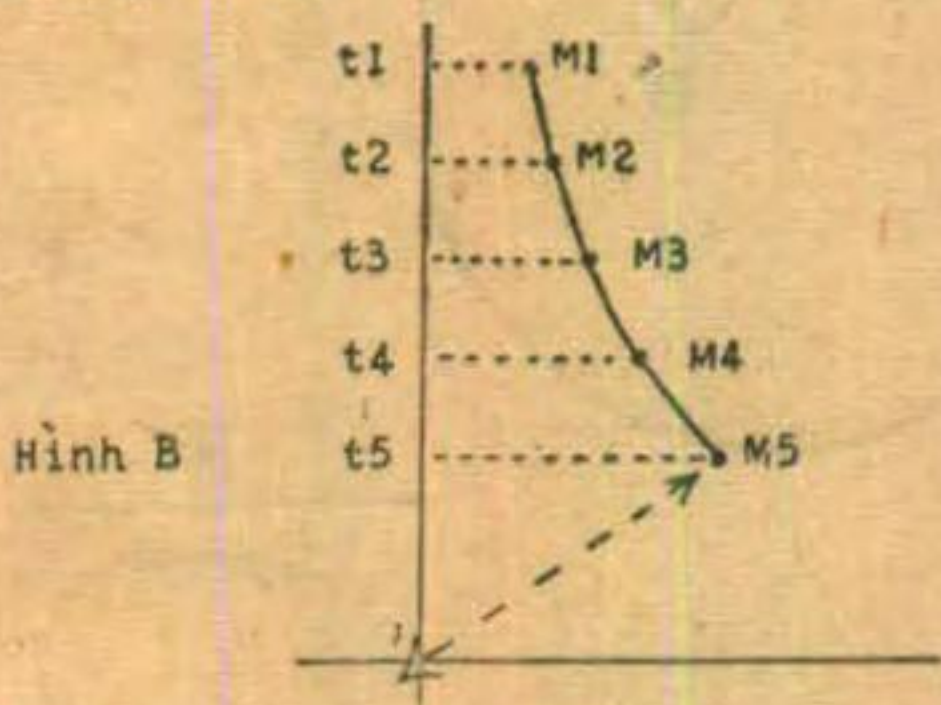
Một người đứng trên thượng tầng nhà lầu trước sân ga, bỏ một vật nặng M rơi xuống đất. Có hai quan - sát-viên ra ghi hiện tượng, với điều-kiện, là lấy ngay vị trí mình đứng làm căn cứ điểm của hệ thống ghi nhận hiện tượng vật M rơi.

A đứng ở dưới sân ga trước mặt nhà lầu



Hình A : Quan sát viên đứng yên.

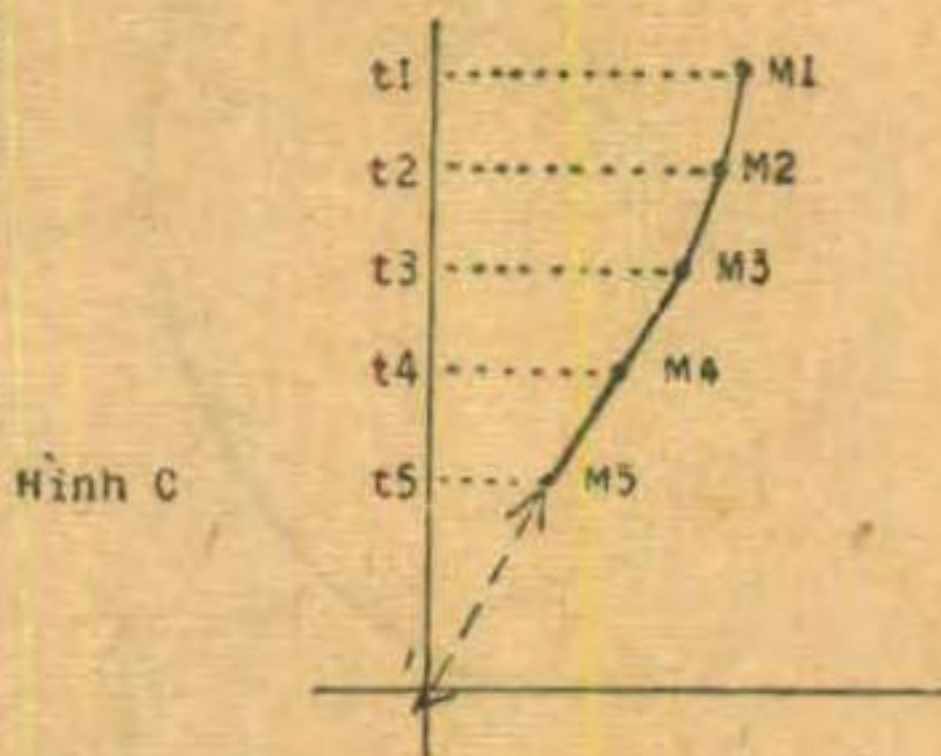
B đứng trên toa tàu đi trước mặt nhà lầu. Xe lửa đứng yên, hai người đều trông thấy như nhau : Vật M từ cao rơi xuống thấp theo đường thẳng.



Hình B : Quan sát viên ở trên tàu và tàu chạy xa xa.

Bây giờ xe lửa chạy, người đứng dưới đất thấy vật vẫn rơi theo đường thẳng. Người trên xe lửa, mỗi phút một xa vật M trong lúc M vẫn rơi từ trên xuống dưới.

Nếu căn cứ vào xe lửa chạy mà ghi hiện tượng thì kết quả sẽ giống như xe lửa đứng yên mà toa nhà chạy ngược chiều với tốc độ bộ máy và đường M rơi sẽ là một đường vòng chữ.

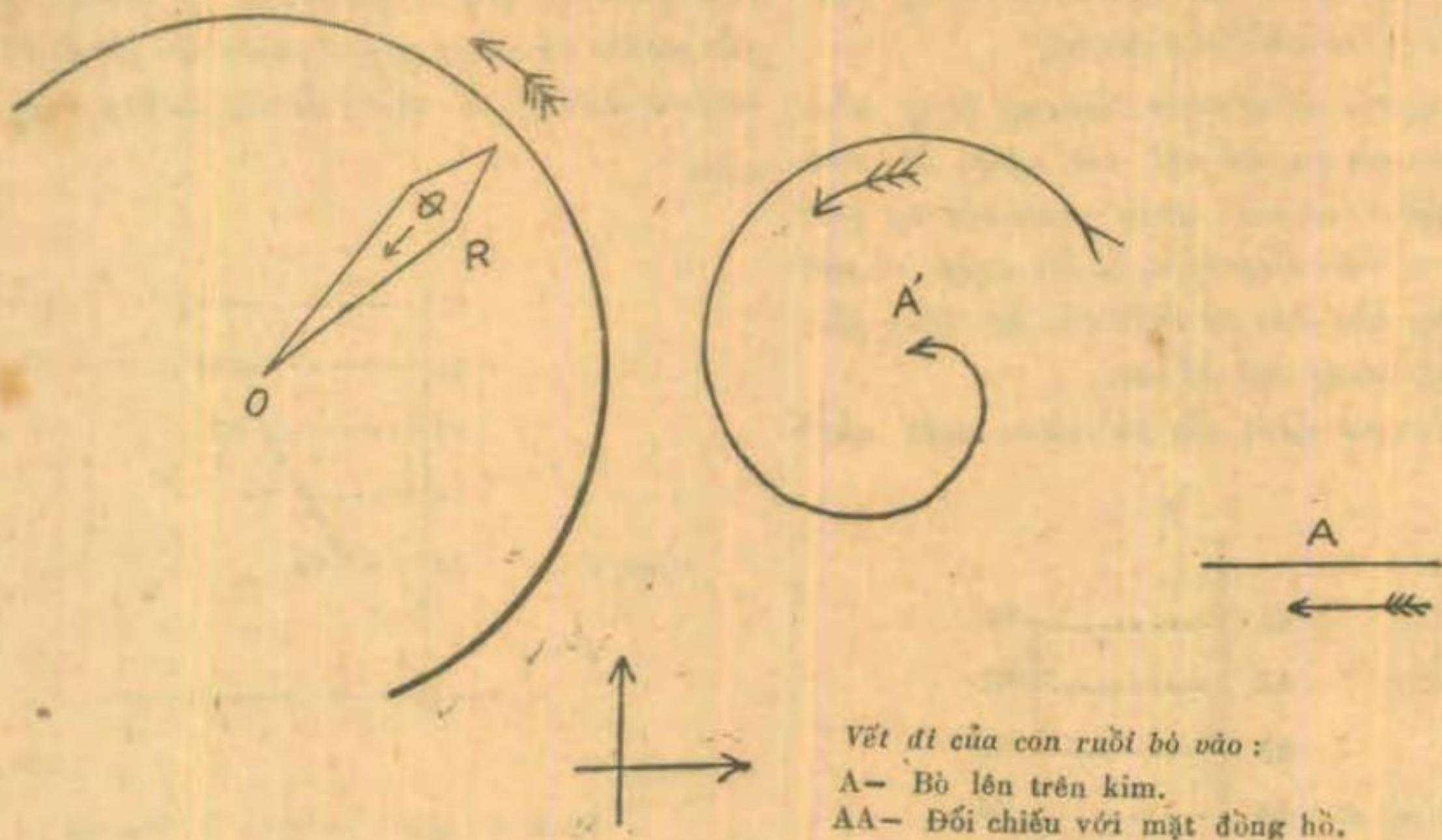


Hình C : Quan sát viên ở trên tàu và tàu chạy lại gần.

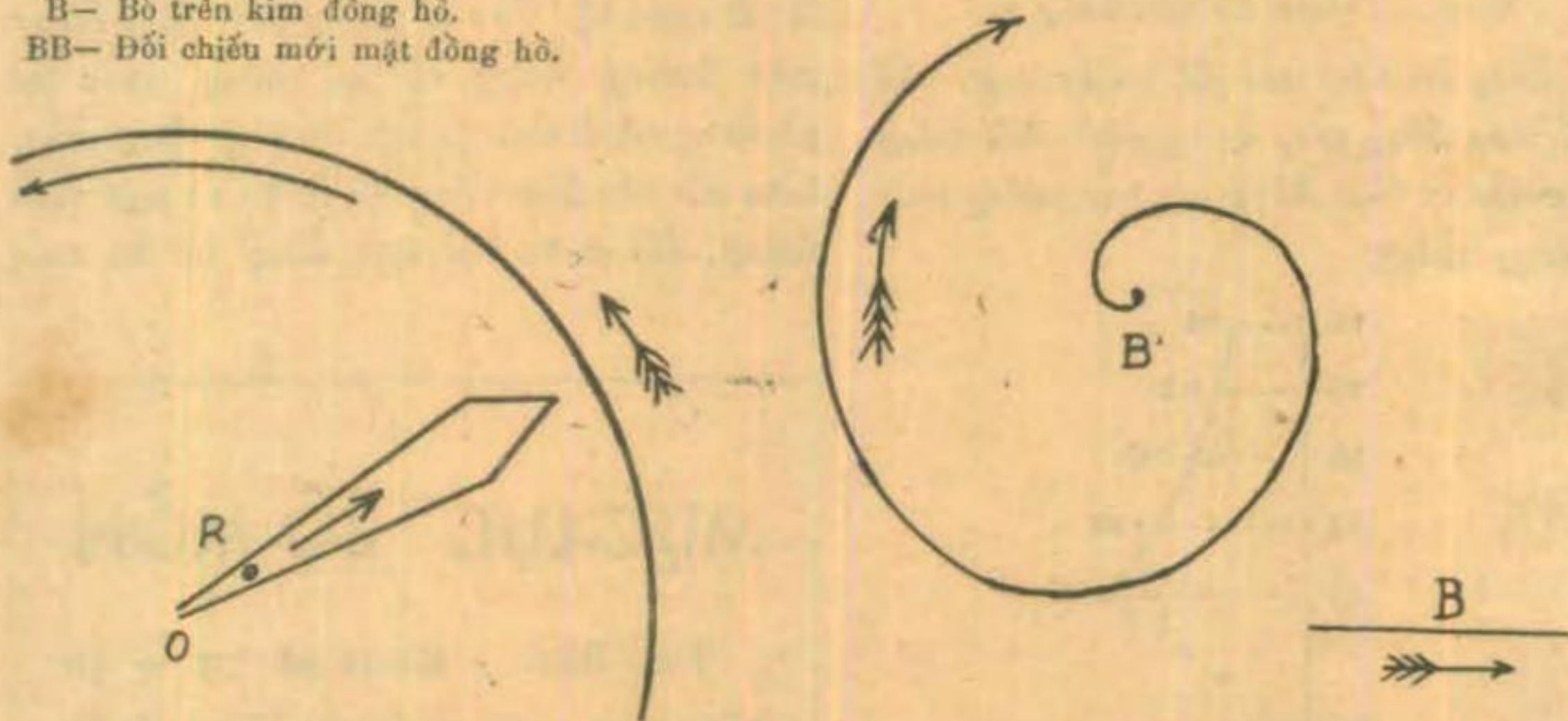
Thế cho nên cùng một hiện tượng vẫn đề chọn hệ thống ký sự (Système de références) là rất quan hệ. Với hệ thống này thì ta được một đường thẳng với hệ thống khác thì phương trình thức là một đường vòng chữ. Căn cứ vào kim đồng hồ thì ta có một vạch thẳng, đối chiếu với mặt đồng hồ thì rudi

MỤC-LỤC BỘ-MÔN

Từ Bách - Khoa số 73 — 96 sẽ in vào cuối số Bách-Khoa 96 để các bạn đóng tập Bách-Khoa tiện tra cứu các bài đã đăng trong suốt năm thứ tư của Bách-Khoa 1960.



Vết đi của con ruồi bò ra.
 B— Bò trên kim đồng hồ.
 BB— Đối chiếu mới mặt đồng hồ.



Một con ruồi bò trên kim đồng hồ, vẽ một đường thẳng trên kim.

Nếu đồng hồ đứng yên thì, đối chiếu với mặt đồng hồ, con ruồi vẫn vẽ đường thẳng.

Nếu kim đồng hồ quay, con ruồi vẫn vẽ

đường thẳng trên kim, nhưng đối chiếu với mặt đồng hồ, thì con ruồi vẽ một đường xoáy chôn ốc. Nếu con ruồi bò từ đầu kim đến cán kim thì vòng chôn ốc xoay quấn vào gần trụ. Nếu con ruồi bò ra thì vòng chôn ốc nở rộng từ trong ra ngoài.

bò theo đường xoáy chôn ốc. Muốn tìm hiểu một hiện tượng thì phải căn cứ vào một hệ thống ghi nhận.

Muốn so sánh hai hiện tượng thì phải chọn một hệ-thống quan-sát duy nhất để căn cứ vào mà đối chiếu những biến chuyển của hai hiện tượng thì sự nhận định mới có giá trị.

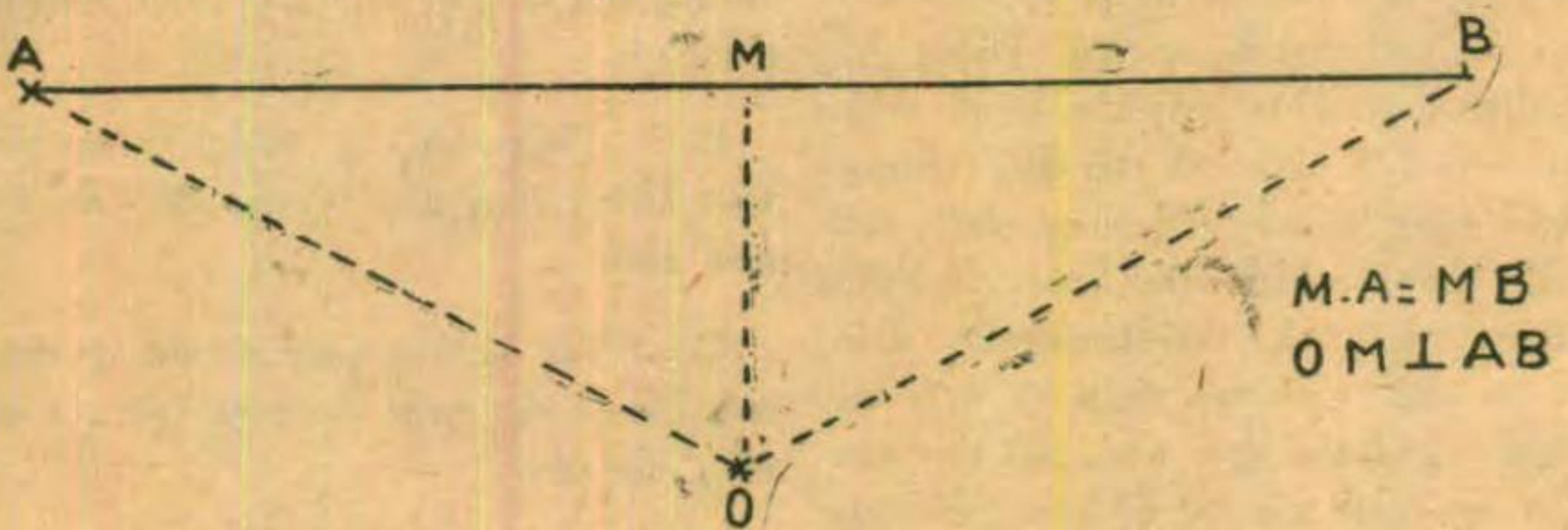
Thế cho nên muốn tìm hiểu một biến động thì phải đem đối chiếu với một tĩnh vật và muốn ghi một biến động tuyệt đối thì phải tìm cho ra một *tĩnh vật tuyệt đối*.

Tĩnh vật tuyệt-đối ấy không có vì trời quay, đất quay, người quay, vạn vật chạy bất tử trong không gian và đuổi lẫn nhau trong thời gian.

→ Không tìm được một *tĩnh-vật tuyệt đối* có nghĩa là không thể tìm ra một chuyển động tuyệt đối.

Không gian đã không tuyệt đối, chuyển vận không tuyệt đối thì thời gian chỉ có tính cách địa phương (Temps local) nói thời gian địa phương là thời gian của một hệ thống quan sát chứ không có một thời gian tuyệt đối để áp dụng cho mọi hiện tượng xảy ra trên bất cứ một điểm nào ở trong hoàn-vũ.

Một thí dụ về thời gian tương đối là sự đồng thời. Khi hai hiện tượng cùng xảy ra một lúc thì ta gọi là đồng thời. Nhưng làm thế nào mà chứng nhận sự đồng thời.



Quan sát viên đứng ở quãng giữa hai ngọn đèn điện A và B hai ngọn đèn điện cùng bật một lúc thì ta bảo là đồng thời.

Quan sát viên bây giờ đứng gần B và xa A (gian khoản OA , OB đủ xa để ảnh hưởng đến tốc độ ánh sáng). Hai ngọn đèn cùng bật một lúc nhưng ta thấy ngọn đèn B sáng trước ngọn đèn A sáng sau.

Nghĩa là ở nơi vật thì có chỗ đồng thời nhưng đối với quan sát viên thì không có sự đồng thời.

Lại nữa cũng hai ngọn đèn ấy, cũng quan sát viên đứng xa A gần B, nhưng nếu khéo lựa lúc bật đèn thì quan sát viên trông thấy A và B cùng sáng một lượt.

Lần này ở vật thì có chỗ không đồng thời, ở con mắt người trông thì có chỗ đồng thời.

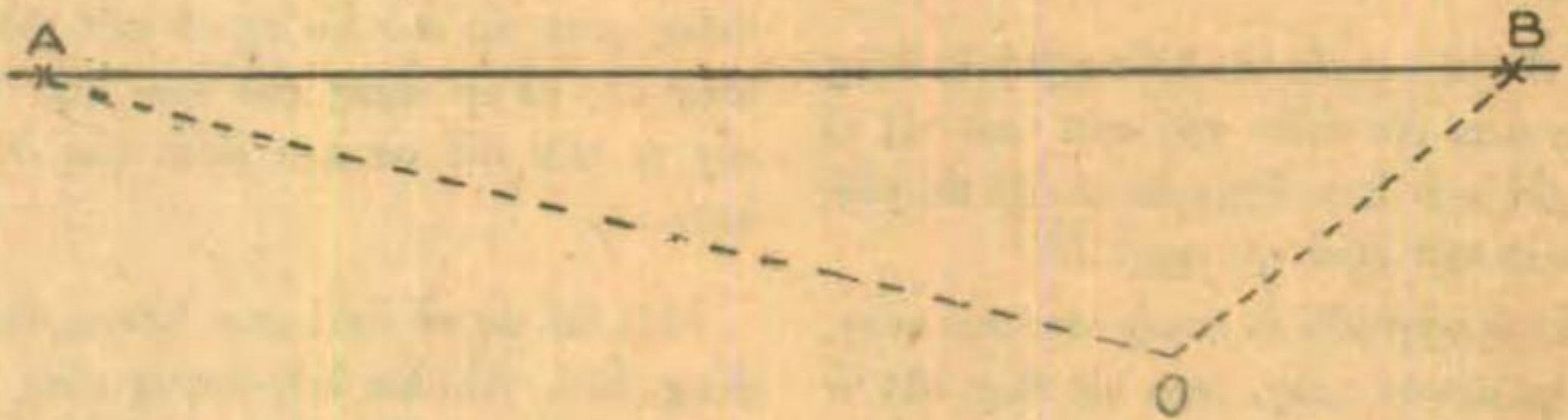
Ta ngẩng lên trời ta thấy một vầng tinh lờ lờ sáng. Ngay lúc ấy ta uống một ngụm chè thơm, thị giác và vị giác đồng khởi một lúc. Trông thấy giữa lúc uống nước ta bảo

VÀI NÉT ĐẠI-QUAN VỀ LUẬT...

là hai sự cùng đồng thời. Kỳ thực bây giờ ta mới uống nước, nhưng vẫn tính là chuyện đã xảy ra từ bao nhiêu ngàn năm rồi không biết chừng. Vì hiện tượng ấy ở xa nên đòi hỏi một thời gian đủ cho ánh sáng xuống tới mặt địa cầu và ảnh hưởng con mắt người tiếp nhận.

→ Tầm cách biệt của sự, vật, vật, trên thời gian, trong không gian đã làm xáo trộn kết quả nhận thức :

Thực không đồng thời mà thấy đồng thời. Thực động mà nhìn thấy tĩnh, thực không quay mà hóa ra thấy quay.



Chỉ tại vì ta không tìm được một tĩnh vật tuyệt đối làm căn cứ điểm so sánh nên dù ta có thay đổi tọa độ ta cũng không thể quyết định được là ta chạy hay là nó chạy (mặt trời là định tĩnh với trái đất, nhưng mặt trời cũng bôn tẩu về hướng chòm sao chữ thập của miền Nam-cực (Croix du Sud) và mang theo cả thái-dương-hệ. Các chòm sao trên nghìn vạn ngàn hà ngôi xa, ngôi gần, ngôi lớn ngôi nhỏ, chị, chị, em, em, đều cựa mình với tốc độ khủng khiếp).

Ta không có thể bình tâm dựa vào chiều thời gian mà tính toán vì thời gian trong học thuyết tương đối mà tôi sẽ trình bày chỉ là một chiều của vũ-trụ, một vũ trụ có co, có dãn, tùy chỗ nặng nhẹ khác nhau, một vũ-trụ mà thực thể không miên tục không đồng đều, phương hướng không đồng bằng.

Luật Tương Đối trình bày rằng :

A. — Trong vũ-trụ không có đường thẳng. Đường thẳng chỉ là một ý-niệm của con người trước cảm giác đường đi của

ánh sáng, tức là chiều ánh sáng chạy. Nhưng ánh sáng lại không chạy theo đường thẳng.

B. — Thực thể của vũ-trụ không miên tục không đồng đều. Vũ-trụ lồi - nhón và gián cách.

C. — Tất cả đều quay tít nhưng không một tốc độ nào vượt được vận tốc của ánh sáng mặt trời.

D. — Vũ - trụ vô biên nhưng không vô cùng vô tận.

E. — Với thực thể lồi nhón của vũ - trụ không đồng đều không miên tục các hiện tượng đều có một quá trình biến dịch theo nhịp cóc nhảy chớ không theo lối sên bò.

Như thế thì không thể dùng lối toán *nhất-quyết* cồ điển đề vi phân, tích phân và tổng hợp áp - dụng cho các quá trình biến dịch một cách miên tục, được gói ghém trong các hàm số (fonctions).

Phép tính hữu - hiệu phải là phép tính phỏng-đoán theo định luật may rủi của con toán xác suất (Calcul de probabilité).

Ta bắt đầu theo từng điểm để tìm hiểu luật tương đối :

A. — Đường thẳng không có trong thực-tế :

Nhờ một trường-hợp nhật thực toàn diện các nhà thiên - văn học đã chụp ảnh được những lối đi của một vài tia sáng du hành từ các ngôi sao xa lắc. Những tia sáng này đi qua gần mặt trời đều bị uốn cong. Ánh sáng là vật chất nên bị khối vật chất ảnh-hưởng. Trước khi đến trái đất các tinh tú đã vận tả vận hữu những tia sáng đáng thương, những tia sáng mà mình vẫn nhất quyết là chạy thẳng. Nói tóm lại đường thẳng không thể có, không có đường thẳng tức là không có góc thẳng, không có đường song hành. Thực đã không có nếu mà cố chấp cho là có mà đưa vào con tính thì kết quả dĩ nhiên là sẽ sai với sự thật.

B. — Vũ - trụ không mịn màng không đồng đều mà có tính chất lổn nhổn :

Vũ-trụ là tổng hợp (gồm có) các vật thể. Vật thể đều do vật chất cấu kết thành.

Vật chất có thể là đơn chất hay là hợp chất.

Đơn chất là những nguyên tử (phần bé nhất) của một vật loại. Hợp chất là một tổng hợp nhất định của một số đơn chất khác nhau (như một đơn vị hợp chất nước là do hai nguyên tử khinh khí kết hợp với một nguyên tử dưỡng khí).

Phần nhỏ nhất của hợp chất không phải là nguyên tử nên gọi là *phân tử*.

Bây giờ ta bước vào một nội giới của một nguyên tử mỗi hạt nguyên tử có một nhân cái ở giữa chứa dương điện.

Một số nhân con xoay quanh nhân cái, nhân con chứa đặt âm điện đủ lượng âm điện để dung hòa dương điện nơi nhân cái.

Nhân cái to nhỏ, nhân con nhiều ít, quỹ đạo đơn kép, rộng hẹp khiến cho kiến trúc nguyên tử này khác với nguyên tử khác thành ra chất này khác với chất kia.

Tùy loại các nguyên tử đều nhất nhất khác nhau nhưng có những cái chung cho các loại nguyên tử là những điểm ta cần lưu ý. Những điểm chung là những điểm sau đây :

a) Từ nhân cái đến nhân con cách nhau rất xa với tỷ-lệ địa cầu xa mặt trời trong thái-dương hệ, lấy nguyên tử khinh khí làm thí dụ. Ta phóng đại nhân cái lên mực to bằng trái cầu đường kính 40 phân thì nhân con phải quay xa nhân cái theo một đường bán kính vào khoảng chục cây số.

Như thế trong vật chất phần trống không thật là mênh mông, chỗ vật chất chiếm thật là cực nhỏ, mỗi một nguyên tử là một thái dương hệ : nhân cái như mặt trời ở chính giữa, có một hai ba bốn, .. mười..., nhân con tựa như các vệ tinh xoay tít xung quanh trên những đường quỹ đạo hình bầu dục.

Nếu vật chất đặc đều đều thì một con xúc xích bằng sắt sẽ nặng bằng vô số ngàn chiếc thiết giáp hạm cỡ đại.

b) Tốc độ của các nhân con là những tốc độ kinh khủng vào khoảng trên dưới 250.000 cây số trong một giây đồng hồ.

c) Đem phá cái nhân cái thì lâu dài nguyên tử bị tan vỡ ta có được các điện tử, quang tử đủ các loại.

Nói đến điện, đến quang tức là rung động, là quay cuồng. Cứu cánh vật chất ta gặp điện, ta gặp lực, ta thấy rung động, thấy quay tít : giới quay, đất quay, nguyên tử quay, điện tử quay, cái gì cũng quay, cũng chuyển, cũng nhấp nháy, chẳng có cái gì chịu nằm yên cả.

d) Nhưng nói quay thì phải có đất rộng để mà quay, không va chạm nhau. Cái gian khoảng giữa nhân cái với nhân con thật là tương đối mênh mông cho nên thực thể của vũ trụ của vật chất là không miên tục mà đứt khoảng gián cách, phân đoạn, không đồng đều.

C. 1 — Tất cả đều quay tít nhưng không một tốc độ nào vượt được tốc độ ánh sáng.

Sự kiện này là do ảnh hưởng của vận tốc sinh năng lực.

Năng lực (Energie) lại ảnh-hưởng trọng tử (Masse). Trọng tử lại thay đổi theo tốc độ ; tất cả những mối tương quan ba bốn phía nó xúm nhau lại mà giới hạn hoạt-động của chúng ta. Thí dụ ta lấy hòn bi sắt ném vào tường, tường không nhúng. Ta dùng cao-su bắn hòn bi ấy thì với phải vỡ tường lún. Ta dùng thuốc súng để tác xạ thì tường thủng gạch vỡ, đạn xuyên qua, tại sao vậy ?

Vì tốc vận sinh mãnh lực : càng chạy nhanh bao nhiêu thì lực công phá càng lớn bấy nhiêu, vì thế tên tre mới xuyên qua nổi giáp sắt, đạn súng mới thành nguy-hiểm, vì tên bay nhanh và đạn đi mau.

Giữa năng lực và vận tốc có một mối tương quan, đó là định-lý :

$$E = 1/2 MV^2.$$

E là năng lực, V là tốc độ và M là một hằng số tùy theo thể chất của vật thể chuyển động. Ta dùng đồng hay sắt hay chì hay gạch thì M theo từng loại mà thay đổi.

Chiếu định lý thì phần hằng số $1/2 M$ không đáng kể đối với hạt con nguyên-tử, nhưng V là tốc độ thì lại là một con số khủng khiếp. Đem bình-phương lên thành $(300.000 \text{ Km})^2$ ta thấy ta sẽ có một năng lực khả dĩ đào hải di sơn.

Ý-kiến dùng lực lượng của nội giới nguyên-tử để đào hải di sơn đã thành sự thực vì đó là nguyên-tắc các thứ bom thuộc loại nguyên-tử, khinh khí, Cobalt.

C.2—Do tốc độ quay cuồng của điện tử nên mỗi loại nguyên tử phát sinh ra một sóng động (onde) :

Sóng điện mà động tức là ta có hai sự kiện hay là hai hiện tượng :

1/— Phát sinh ra một từ-lực trường (champ magnétique).

Từ lực trường này là một trở ngại lực để phá vỡ lâu dài nguyên-tử và là nguyên nhân của cảm giác cứng rắn nơi vật thể.

2/— Phát sinh ra một loại cầu vồng (Bande spectrale) mà tự điển Hoàng-xuân-Hân dịch là *quang-phổ*.

Giải cầu vồng tùy loại, tùy vật có thứ có dọc xanh dọc vàng, có thứ mang dọc hồng dọc đỏ và mỗi dọc có chỗ đứng nhất định trên giải quang phổ, để người ta có thể

căn cứ vào hình sắc, vị-trí mà chỉ mặt, gọi tên được vật gì, chất gì.

Nguyên-tử ở trên mặt đất đã rung, nguyên-tử trên các tinh tú cũng không chịu thua mà nằm im. Cho nên đem phân chất ánh sáng của các vì sao ta có thể có những quang phổ của các chất hiện hữu trên các vì tinh tú ấy. Chẳng hạn như ta biết được hiện giờ trên mặt trời có một chất mà nhà Bác-học gọi là Coronium mà dưới đất không có. Gọi là Coronium vì chất này tìm thấy ở cái đai lửa vòng ngoài.

C — Đặc tính của những sóng động (onde)-

Trên một ngôi sao kia ta tìm thấy ánh sáng của chất muối thường dùng (ClNa). Ở dưới đất ta cũng có chất muối. Đem đốt nóng chất muối lên và dơ ra trước quang phổ kính thì ta cũng được một giải cầu vồng có vạch vàng y như giải cầu vồng do ánh sáng của ngôi sao có chất muối chiếu ra.

Hai giải cầu vồng sẽ hiện ra cùng một nơi trong phổ quang kính, luồng nọ phủ lên luồng kia, nếu ngôi sao ấy đứng yên một chỗ. Hai giải cầu vồng sẽ không đè lên nhau phủ đúng giải nọ trên giải kia mà xê lên hoặc dịch xuống nếu ngôi sao ấy chuyển động. Tại sao lại có hiện tượng đó?

Vì ánh sáng cũng là một sóng động (xem Louis de Broglie) âm thanh cũng là sóng động.

Phạm gọi là sóng đều chuyển động theo thể-thức của các luồng sóng, từng đợt một.

Ta ném viên đá xuống nước, nước gợn lên chỗ cao nhất là đỉnh sóng, và đã có đỉnh sóng phải có chân sóng; cho nên một đầu sóng được ghi nhận bằng hai kích thước tung-độ và hoành-độ.

Người ta lại còn ghi nhận được tốc độ của mọi làn sóng và sau đây là những kết quả :

Nếu V là tốc độ của làn sóng,

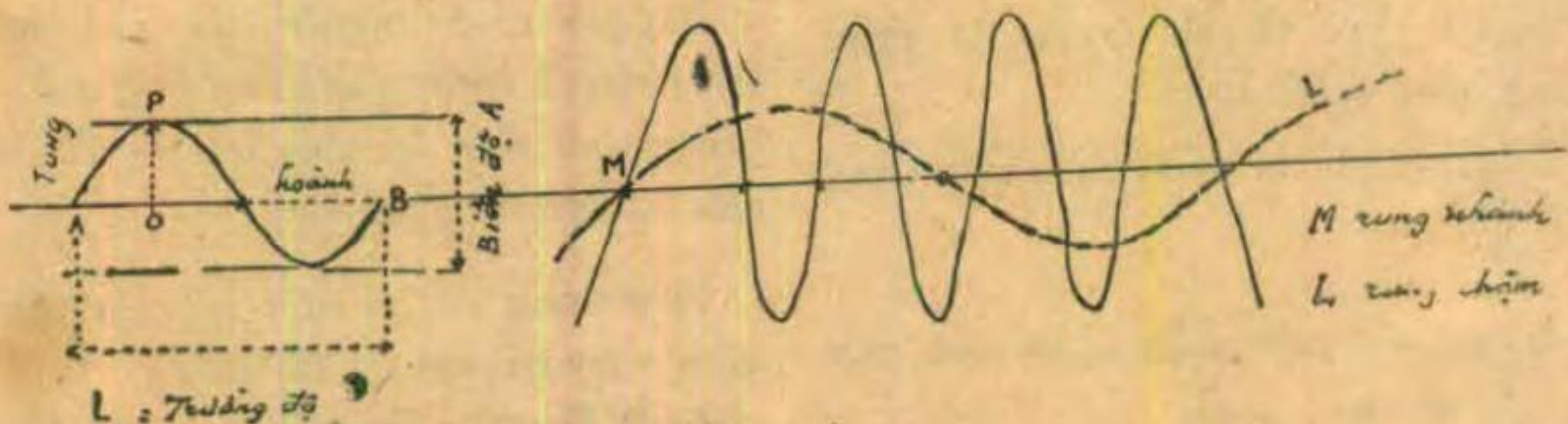
T là thời gian dùng làm đơn vị để ghi hiện tượng

$\frac{A}{2}$ là tung-độ, (A = là biên độ của một chấn ba)

$\frac{L}{2}$ là chân sóng, hoành-độ. (L = là trường độ của chấn ba)

N là nhịp rung của chấn ba.

Trong một thời gian T , sóng càng rung nhanh thì chân sóng càng ngắn. Đỉnh sóng càng thấp thì đợt sóng càng yếu.



Nói tóm lại chân sóng dài ngắn ở chỗ rung nhanh hay chậm, đợt sóng mạnh yếu ở chỗ cao hay hạ.

Về quang tuyến học con mắt người ta chỉ trông thấy những luồng sóng động mà chân

sóng dài nhất là $\frac{0,8}{2}$ (tối đa) và ngắn nhất là $\frac{0,4}{2}$ (tối thiểu). (1)

Do nhịp rung nhanh chậm của các luồng ánh sáng mà ta có những cảm giác về màu sắc. Trong giới hạn những loại tia sáng trông thấy được thì những tia rung nhanh nhất thuộc về sắc tím trên giải quang phổ. Những tia rung chậm nhất thuộc về sắc hồng. — Rung nhanh hơn tia tím hay chậm hơn tia hồng là loại ánh sáng thuộc lãnh-vực ngoại-hồng hay là cực tử (Infra Rouge, Ultra Violet) mắt ta không ứng tiếp được phải có dụng cụ mới nhận ra.

Về âm-thanh học thì nhịp rung nhanh sẽ cho ta những tiếng bổng, dịp rung chậm thì cho ta những tiếng trầm.

Bây giờ với những nhận xét trên đây ta có thể hiểu những hiện tượng hàng ngày :

Ta đứng sân ga nghe còi tàu rúc.

Tiếng còi tàu với khách du-lịch ở trên tàu vẫn đều đều nhưng đối với người chờ ở dưới sân ga thì không thế :

a) Khi tàu chạy về phía ta thì ta nghe thấy tiếng bổng nghĩa là cao.

b) Khi tàu chạy xa thì ta nghe thấy tiếng trầm.

(1) $\mu = m\mu =$ một phần ngàn của một ly mét $\left(\frac{1}{1000} \text{ m/m}\right)$

Lý do sự sai biệt như sau đây : Khi tàu chạy đến, tốc độ tàu cộng với tốc độ của âm thanh làm rút ngắn đường lại tựa hồ như nhịp rung nhanh thêm nhiều lên, nên hóa ra tiếng bổng.

Trái lại khi tàu chạy, tốc độ của tàu kéo theo luồng âm thanh, lôi dài chân sóng nghĩa là làm cho nhịp rung tựa hồ như chậm đi. Tốc độ của âm thanh đã bị biến đổi do sự chuyển động của xe hỏa, cho nên tùy theo vị-trí của hệ-thống phát sinh ra sóng động, hoặc đứng yên, hoặc di-chuyển lại gần hay đi xa mà tai mình nghe đúng mức hay trái lại, tiếng còi hóa ra trầm hơn hay bổng hơn thực sự.

Mắt mình cũng như tai : nếu cầu vòng hiện ra đúng chỗ tức là vật thể ấy đứng yên, không đúng chỗ tức là vật thể ấy chuyển động. Nếu vật thể ấy lại gần ta thì cầu vòng đi về phía sóng ngắn nghĩa là phía cực tử ; nếu vật ấy đi xa ta thì cầu vòng dịch về phía sóng dài, tức là phía ngoại hồng.

Đem áp dụng kinh nghiệm này vào việc quan sát trời đất thì người ta có được phương pháp để đo tốc độ của các tinh tú. Luật tương đối cho rằng những tốc độ này không thể nào vượt qua tốc độ ánh sáng được. Để chứng thực quan-điểm ấy ta cần phải căn cứ vào những điều nhận xét sau đây :

Bây giờ có hai người, tôi với anh đi tìm nhau và muốn gặp nhau. Nếu anh đứng yên mà tôi chạy lại phía anh thì tôi sẽ gặp anh trong năm phút đồng hồ.

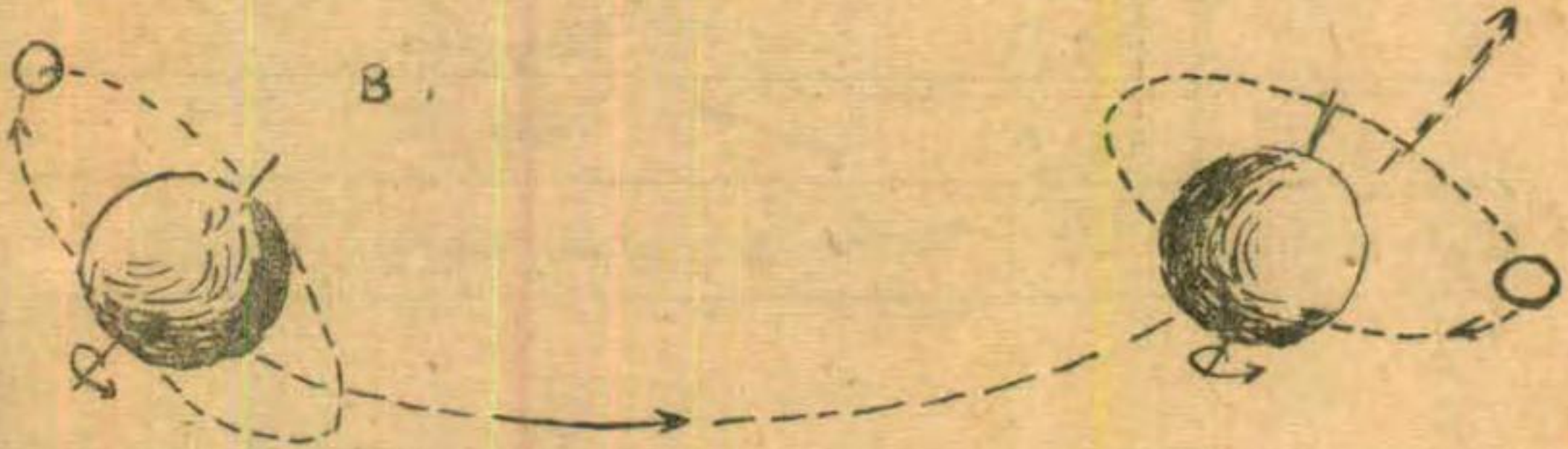
Nếu trong khi tôi chạy lại phía anh, anh cũng chạy lại với tôi thì chúng ta không cần mất đến năm phút, chúng ta sẽ gặp nhau trong ba bốn phút thôi.

Nếu tôi chạy lại anh mà anh chạy xa tôi. Hai trường hợp đã xảy ra : nếu anh chạy chậm thì tôi sẽ đuổi kịp anh trong tám chín phút chẳng hạn, nếu anh chạy nhanh hơn tôi thì không bao giờ tôi gặp được anh.

Chuyện người đã thế thì chuyện giới đất cũng thế. →

→ Mặt trăng xoay quanh quả đất.

Nếu gặp khi quả đất trên quỹ đạo xoay mình ngược chiều với vòng trăng, nghĩa là mặt trăng đi lại gặp quả đất. (Hình A) thì ánh sáng mặt trăng đi từ cung quảng xuống quả đất mất một đơn vị thời gian ngắn hơn là khi mặt trăng chạy trốn quả đất,



trường hợp mặt trăng xoay một đường, quả đất xoay một đường khác, hai bên tránh nhau. (Hình B)

Các nhà thiên văn học đã để ý đo đi đo lại ; nhưng, quái làm sao ! dù chạy ngược chạy xuôi, dù gặp nhau hay trốn nhau, không bao giờ ánh sáng mặt trăng đi nhanh hay là đi chậm hơn bao giờ : tốc độ của ánh sáng chỉ Hằng vẫn giữ mực bình thường — tuy rằng chiều con tính thì tất nhiên phải có sự chênh-lệch. Hay là những phương-pháp quan-sát chưa được tinh-vi ? nhưng một khi đã áp dụng sáng kiến của Michelson thì không thể nào nói là phương pháp đo lường không tinh-vi (theo phương pháp này thì đứng ở New-York người ta có thể đo kích thước một chiếc bút chì đặt ở Paris mà không sai lầm một tơ tóc nào cả).

Liền đó nhà vật-lý-học Lorentz đặt giả-thuyết là mỗi khi một vật-thể chuyển-động thì vật thể ấy chịu một sức ép, ở phía trước nó, làm co rút một phần dung tích lại.

Lorentz cho rằng sự co rút dung tích ấy là một ảo tượng, nhưng ông A. Einstein lên đài đứng lúc và tuyên bố sự co rút ấy có thật và cho ta công thức để tìm ra tầm co rút của dung tích, khi vật thể V chạy nhanh với một vận tốc C.

Sau đây là công thức : Dung tích khối bị co rút là :

$$V \cdot \frac{c^2}{c^2}$$

C tức là tốc lực của ánh sáng mặt trời, bình thường là ba trăm ngàn cây số một giây (300.000 km/giây).

VÀI NÉT ĐẠI-QUAN VỀ LUẬT...

Trừ chỗ bị co đi thì khối vật thể còn lại sẽ là :

$$V = V_0 - V_0 \frac{c^2}{C^2} = V_0 \left(1 - \frac{c^2}{C^2}\right)$$

và dung tích như sau đây :

Khi tốc độ c tăng dần ngang tốc độ

ánh sáng C thì tỷ số $\frac{c^2}{C^2}$ tiến dần đến

con số 1, vì tử số lớn bằng mẫu số.

c^2	từ 0	tăng lên	C^2
$\frac{c^2}{C^2}$	từ 0	tăng lên	1
V hay là $V_0(1 - \frac{c^2}{C^2})$	V_0	giảm xuống	0

Và dung tích $V_0(1 - \frac{c^2}{C^2})$ thành ra

$V_0(1-1) = V_0 \times 0 = 0$ nghĩa là khi nào tốc độ di chuyển của vật thể nhanh ngang tốc độ của ánh sáng thì khối vật chất sẽ bẹp dí đi, mỏng tanh ra, rồi tan mất. Đó là về mặt dung tích.

Về mặt (Masse, Poids) trọng lượng, thì sẽ có những biến chuyển sau đây :

Phương trình $P = m \cdot V$ (nghĩa là trọng khối nhân với dung tích vật thể thì được trọng lượng của vật ấy) sẽ biến thành :

$$m = \frac{P}{V}$$

V càng nhỏ đi, P vẫn giữ vững giá-trị thì m lại càng lớn. Nghĩa là di chuyển càng nhanh thì trọng khối càng tăng khi nào V tan mất thì trọng khối lớn đến vô cùng ∞

Kết quả bất buộc của công-thức trên này là :

1.— Trong vũ-trụ hiện hữu không thể có một tốc độ nào ngang với tốc độ của ánh sáng mặt trời.

Vì lẽ ngang với tốc độ của ánh sáng mặt trời thì vật di chuyển sẽ biến mất.

2.— Có một mối tương quan giữa trọng khối với tốc lực. Tốc lực tăng thì trọng khối cũng tăng. *Trọng khối là một hàm số của tốc lực.* Trọng khối như thế cũng có tính cách tương đối.

Vậy bây giờ ta có một vật bay nhanh hơn ánh sáng thì có những hiện tượng gì. Vật ấy dù vẫn tồn tại chẳng nữa nó cũng hết có với vũ-trụ chúng ta, nó không hiện hữu nữa, nó biến mất, nó đi sang một chiều khác.

D. Vũ-trụ vô biên nhưng không vô cùng vô tận

Đó là kết quả quan trọng của lý thuyết vừa trình bày. Vũ-trụ vô biên vì biên giới của sự vật chỉ giới hạn ở trong

phạm-vi tốc-độ của ánh sáng mặt trời dưới con mắt của một quan-sát viên. Nếu sự vật di động nhanh hơn thì nó vượt ra ngoài giới hạn của hiện-hữu vì thế cho nên hiện-hữu không *vô cùng vô tận*.

Vũ-trụ tuy không vô tận nhưng vô biên, cũng tại vì biên-giới nó ở chỗ phạm-vi tốc-độ ánh sáng đối với một vị-trí quan-sát.

Vị-trí của quan-sát viên có thể di động được. Ta đứng ở quả đất mà tính toán thì biên giới của vũ-trụ của chúng ta là thế này, ta lên trên một chòm sao ở giải ngân hà cách ta vài trăm ngàn triệu « năm ánh sáng » thì biên giới lại xích đi một độ khác nghĩa là biên giới vũ-trụ xê xích theo vị-trí của quan-sát viên nhưng bao giờ cũng do tốc-độ ánh sáng giới hạn và quỹ phạm.

Nếu quý vị đã đọc bài ký sự của Raymond Cartier viết trong Paris Match về hiện trạng thiên-văn các ngài sẽ thấy một nhà Thiên-Văn-Học trẻ tuổi trứ danh của hiện đại tuyên bố rằng hằng ngày hằng giờ có những tinh-tú ra khỏi vũ-trụ của chúng ta, ra khỏi vũ-trụ vì các tinh-tú ấy bị đẩy ra ngoài biên giới với một tốc-độ của ánh sáng.

Một khi những tinh-tú chạy nhanh như ánh sáng thì không thể nào theo dõi nữa. Từ lúc nó chạy ngang ánh sáng thì ta không thể nào trông thấy nó nữa, nó biến mất đúng như lời Einstein tiên liệu trong lý-thuyết ơng đối.

Kết quả thứ hai là : nếu có một thể-giới khác ở một nơi nào đó mà nhịp rung động của sự vật nhanh hơn nhịp rung động mà ngũ quan ta cảm thụ được, thì cõi ấy tuy có hiện-hữu, nhưng không hiện-hữu với chúng ta.

Ở nơi đó, thời gian sẽ bị kéo dài ra như đã nói trong « Ba người lính nhảy dù lâm nạn » :

«...Ở đây nước không chảy dưới suối, hoa không tàn trên cây.» vì ở đây «ánh sáng đi nhanh hơn ánh sáng thường đến *chín mươi ngàn triệu lần* và như thế chúng ta biết, theo tỷ lệ nghịch thì ánh sáng đi nhanh bao nhiêu, thời gian phải đi chậm lại bấy nhiêu, nếu hình ảnh vạn vật vẫn giữ in được trước sau như một. »

Bích sa động lý càn khôn biệt

Hồng thụ chi biến nhật nguyệt trường

(Thơ Thiên Thai của Tào Đường)

Một kết quả khác nữa, cũng không kém phần lạ lùng, là nếu ta có thể bay nhanh bằng ánh sáng mà ta nhìn lại thế giới thì ta thấy những luồng ánh sáng từ sự vật lên gặp nhỡn quang của ta vẫn là những mặt quen. *Ta bay cùng tốc-lực với nó* nên nó không bỏ ta, luôn luôn ở trước mặt ta, nghĩa là dù thế gian có tang hải nhưng đối với ta, cảnh vật vẫn y nguyên : nước không chảy, hoa không rụng, người gặp vẫn không già, dù ta có bay hàng tháng, hàng năm hết đời ta nữa.....

Nhưng nếu ta bay nhanh hơn luồng ánh sáng thì sao : Thời gian sẽ quay lại cuốn phim đời, ta thấy sự vật đi giạt lùi lại, ta thấy nhà cửa, họ hàng từ hiện tại lùi về quá khứ người già hóa trẻ, lùi về thiếu niên về nhi đồng rồi về sơ sinh v. v. thảo-mộc từ tình-trạng có quả chín trở về quả xanh về hoa về nụ, về mầm, cây nhón lui về cây con, lui về hạt giống v.v. Cuốn phim đời chiếu ngược trở lại trước mắt ta.

VÀI NÉT ĐẠI-QUAN VỀ LUẬT...

Bây giờ ta lại quay sang một vấn-đề khác rất lạ lùng mà cũng không kém phần quan-trọng là vấn-đề *hấp-lực của vật chất*. Nguyên-tắc là không có một tốc-lực nào nhanh hơn tốc-lực của ánh sáng. Nhưng có người lại cãi rằng lực hấp-dẫn của vạn vật nhanh hơn tốc-độ ánh sáng. Tốc-độ ánh sáng còn phải đi mất ba trăm ngàn cây số một giây nhưng hấp-dẫn lực của tinh-tú (ondes gravifiques) ảnh hưởng tức thì.

Nhưng Einstein bác thuyết ảnh hưởng tức thì của hấp-dẫn lực. Theo ông thì không làm gì có hấp-dẫn lực mà có tốc-lực của hấp-dẫn lực. Ta lấy một tấm màn căng thẳng. Ta vút mấy vật bằng đá, bằng sắt, bằng gỗ mỗi vật làm chùng một chỗ trên mặt màn, vật nào nặng thì chỗ chùng sâu, nhẹ thì chùng ít. Bây giờ ta lại vút lên trên màn hòn bi tất là nó lăn theo đường chùng và gần chỗ nào thì bị chỗ ấy hút rơi vào đó. Vũ-trụ cũng thế:

Cách phân phối vật chất trên vũ-trụ đặc loăng không đồng đều nên bề mặt không bằng phẳng.

Chỗ nhiều chất đặc thì lõm nhiều (chiều cong bị uốn mạnh), chỗ loăng vật chất thì lõm ít. Một khối vật chất lăn qua tất nhiên là phải theo khe mà chạy, theo dốc mà rơi, theo chỗ trũng mà bị hút.

Cái mà ta mệnh danh là hấp-dẫn-lực chỉ là đặc tính của thực-thể vũ-trụ lồi lõm trước tình trạng phân phối của toàn khối vật chất mà thôi, tốc-lực ánh sáng vẫn là tuyệt đối ở cái thế-giới ba bề này...

NGUYỄN-VĂN-THƯ

Ký sau :

Luật tương-đối trước quá-trình biến-dịch của sự vật.

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

THUẬT NÁNG ĐỖ NGƯỜI CỘNG TÁC
VÀ TẠO RA KHÔNG KH HỢP TÁC

- ★ Người cầm đầu phải biết tạo ra quanh mình một bầu không khí hợp tác thân ái để dễ bề cải thiện và phối trí công việc của tập thể. Các người cộng tác với người cầm đầu tất sẽ thuận theo gương của người cầm đầu mà tạo ra bầu không khí ấy cho nhân viên làm việc dưới quyền họ. Nhờ đấy, mọi khó khăn hay thiếu sót của tập thể có thể nhờ sự tận tâm của từng người mà tiêu trừ hay bồi bổ được. (Courau)

THUẬN - AN

HẰNG năm, cứ vào dịp hè, dân chúng ở Huế lại kéo nhau về hóng mát ở Cửa Thuận. Quang cảnh tấp nập thường thường kéo dài từ tháng Tư cho đến tháng Chín, khi mà ánh nóng khét-khao xua đuổi những kẻ ở thị thành về đây để hừng lấy làn gió mát thiên nhiên của miền biển.

Có năm du khách quá đông, trên bãi không còn đủ chỗ để cắm lều cắm trại nữa. Người ta chen chúc nhau, như đàn cá sắp lớp trong ghe chài, mà mỗi buổi sáng, các bác ngư phủ mang từ ngoài khơi vào trong bến.

Suốt trong mùa hè, Thuận-An cung cấp cho khách thừa lương không thiếu thức gì. Có phà đưa đón. Xe hơi, xe gắn máy có thể chạy ra tận bãi biển, các thức ăn, thức giải khát đầy đủ, có hàng quán, có nhà công cộng để nghỉ ngơi, lại có những đêm văn nghệ để giải trí.

Khác với Đà-Nẵng, Qui-Nhơn, Nha-Trang, bãi biển như nằm bên cạnh thành

phố, Thuận-An cách Huế đến 13 cây số, nên rất khó khăn cho những người muốn đi bộ. Du khách thường dùng xe đạp, xe gắn máy, xe hơi hoặc xe đò, từ bến xe về cửa Thuận mỗi vòng mất một chục. Nếu muốn phong lưu có thể đi đò, khởi đầu từ bến Gia-Hội, tuy tốn kém nhưng được hưởng thêm thú ung-dung nhàn hạ.

Từ Huế về Thuận-An, đường tráng nhựa, bên tả có con sông với cảnh ghe thuyền chài lưới, bên hữu, nhà tranh, nhà ngói, am miếu, ruộng vườn nối tiếp nhau, tuy không sầm uất nhưng cũng không buồn tẻ.

Ra khỏi thành phố, ta đã được hưởng ngay làn gió mát lồng lộng từ phía và càng đến gần biển bao nhiêu ta càng cảm thấy khoan khoái dễ chịu bấy nhiêu.

Từ đời nhà Hồ (1400-1407) Thuận-Hóa chỉ có cửa Tư-Hiền, Cửa Thuận chưa xuất hiện, sóng biển chỉ ăn sâu vào đôi chút. Đến đời Lê-Hiến-Tông (1497-1584)

cửa bể mới bắt đầu thành hình, cửa Tư-Hiền trái lại, cứ mỗi năm một cạn lần.

Về Cửa Thuận, ngoài cái thú tắm bể, các bạn còn có thể ôn lại những trang sử cũ, vì trước đây, Thuận-An chính là cái chia khóa để mở cửa đi vào Kinh Kỳ. Người Pháp đã từng dùng hai chữ « Thành phố » để gọi Cửa Thuận.

Nói đến Thuận-An, ta không thể không nói đến vai trò lịch-sử của nó.

* *

Giờ đây, xin mời các bạn đọc hãy cùng tôi xuống đò để sang bên kia bãi. Đò cặp bến, chúng ta còn phải đi một quãng đường ngắn nữa mới tới bể.

Đi được chừng vài mươi bước, bên tay phải, các bạn sẽ thấy một cái miếu nho nhỏ, tường mái đã rêu phong, phía trước có mấy chữ « Hách Trạc Khuyết Linh » (Oai linh lớn lao), bên trong đặt một bát nhang, trông có vẻ tiêu điều quạnh quẽ. Tôi gọi là cái miếu vì bề ngoài giống như một cái miếu, nhưng kỳ thật, đó là một gian ở phía sau của một ngôi chùa, trước kia khá nguy nga đồ sộ và đã bị phá hủy trong thời kỳ Việt Pháp chiến tranh. Nay chỉ còn trơ lại mấy chân cột bằng đá tán, pho tượng thần thờ thì dân làng hiện đã chôn riêng một nơi, hy-vọng một ngày kia đền thờ được xây cất trở lại pho tượng sẽ dựng lên như cũ.

Xin các bạn hãy cùng tôi dừng lại đây trong chốc lát, để nhắc nhở lại sự-tích của vị nữ-thần mà dân làng Thái-Dương hết sức sùng bái.

Câu chuyện thần-thoại này, vai chính là một phiến đá mà sóng bể đã mang vào đặt tại trên bờ.

Bác Bố, người làng Thái-Dương, tức là làng cửa Thuận, tuy nghèo khó nhưng thật thà, và cũng như hầu hết dân cư trong làng, sống về nghề chài lưới.

Một hôm, theo thường lệ, bác dậy sớm để đi nghề. Nhưng hôm đó trời tối mù mịt, ngoài kia tiếng sóng gió gào thét ầm ầm. Bác ngồi xuống bãi cát, định nán lại một chốc, chờ cho trời sáng hơn rồi hãy đẩy thuyền ra biển. Sẵn phiến đá, bác mới dựa lưng vào, rồi thiu hiu một giấc

Trong giấc ngủ, bác BỐ mộng thấy một người đàn bà, ăn mặc rực-rỡ, bảo bác rằng : « Ta là nữ thần Thái-Dương, người là kẻ phạm tục, sao dám dựa vào ta như thế ? » Bác BỐ hoảng sợ tỉnh giấc, đứng lên trước phiến đá khấn vái : « Con quê mùa ngu dốt nên không biết gì xin thần xá tội. Nếu thần giúp con đi nghề được may mắn, thì công đức ấy con xin ghi lòng tạc dạ »

Thế rồi hôm đó và những hôm sau, cả như tìm lưới của bác để đến, kẻ không sao xiết. Chẳng bao lâu bác trở nên khá giả. Bác mới dựng ngay một túp lều tranh để thờ phiến đá.

Người trong làng thấy lạ, và sau khi nghe bác BỐ thuật chuyện; mới cùng chung tiền làm một cái miếu tại ấp Đông-Thái, rồi rước phiến đá về đó để thờ.

Từ ấy, nữ thần giúp đỡ rất nhiều cho dân làng. Đi nghề không bao giờ về không, ghe thuyền hầu như không gặp nạn bão tố nữa. Trước khi giông bão đi xa, người ta thường đến miếu kêu cầu Thái-Dương phu nhân phù hộ.

Thế rồi một hôm có chiếc ghe buồm của bọn Nhật ghé vào bờ Cửa Thuận. Thủy thủ kéo nhau vào làng. Tưởng tôi nên nhắc lại rằng: Ngày trước, thuyền bè ngoại quốc, như Trung-Hoa, Mã-Lai, Anh Pháp thường ghé lại các bờ biển của ta hoặc để mua thức ăn hoặc kiếm củi hay nước ngọt.

Mấy chú thủy-thủ này có vẻ lưu-manh một chút, xem tướng phiến đá cho rằng trong ấy có ngọc nhưng không biết đích xác nằm ở chỗ nào.

Vì khối đá, bề dài đến những hai thước 5 tấc, bề rộng 1 thước 5 tấc và dày 1 tấc. Có vân nhiều màu nổi lên như gấm.

Một trong mấy chú đó, thừa cơ hội dân chài trong làng đi làm ăn vắng, dùng búa đánh tan phiến đá. Nhưng ngay sau đó, chú ngã lăn ra, thồ huyết mà chết. Nhưng lòng tham không lùi bước trước tai họa, mấy chú Nhật khác, nhặt những mảnh đá bỏ vào bao mang xuống thuyền. Trời thanh biển lặng thế mà thuyền họ vừa ra khơi được một quãng ngắn thì liền bị lật, tất cả các thủy thủ đều phải bỏ mình.

Dân làng mới đóng một cỗ quan tài sơn son thếp vàng, cùng nhau lặn những mảnh đá lên bỏ vào, xây một cái học giữa miếu rồi hạ cỗ quan tài xuống. Họ vẫn tiếp tục hương khói như trước.

Thái dương phu-nhân đâu có phải là một vị thần riêng của một địa phương? Bà đã từng nhận được chức tước của triều Nguyễn.

Dưới đời Thần-Tôn Hiếu Chiêu Hoàng-Đế (1636-1648), việc tiếp-tế cho quân lính thường do đường thủy. Binh-sĩ đóng ở biên-giới đã đến ngày cạn lương. Chúa

mời vội vã phái một đoàn thuyền tải gạo đi tiếp tế. Thuyền ta ngày trước chạy bằng buồm, phải xuôi gió mới vượt trùng dương mà thẳng tiến được. Mấy hôm liền không có lấy một làn gió nhẹ, thuyền đành phải đỗ mãi bên bờ. Chua nóng lòng mới phái một viên Đại thần đến cầu đảo ở đền nữ thần. Cuộc cầu đảo vừa xong thì gió bỗng nổi lên, đưa đoàn thuyền đến nơi đến chốn. Khi quân lính thẳng trận trở về, Chúa nhớ đến công giúp đỡ của thần, mới phong tước Thái Dương Linh Ứng Đoan Thục Nhu Thuận Trinh Ý Tú Huệ Ý Đức Cần Hạnh Phu-Nhân Chi Thần, xuất tiền kho tu bổ miếu và làm lễ tam sanh đề tạ.

Qua đời chúa Thần tông Hiếu Triết (1649-1687) lại có một câu chuyện ngộ-nghĩnh như sau.

Một năm trời đại hạn, đất đai nứt nẻ, ao hồ khô cạn, vua phái các quan đến các đình miếu đề kêu cầu nào là thổ địa thành hoàng, thần sông, thần núi, chỗ nào có tiếng linh-thiên là các quan đem lễ vật đến. Nhưng đã mười ngày rồi, mặt trời vẫn chói chang, không tìm đâu thấy một đám mây đen nho nhỏ. Thấy các thần bất lực Chúa Hiếu-Triết giận lắm, nên hạ lệnh lấy chỉ ngũ sắc trói tất cả các bài vị thờ ở các miếu, ném vào một góc, hạn cho trong ba ngày, nếu trời vẫn không mưa, thì sẽ bắc một nồi nước sôi, đem ngâm những bài vị vào đó. Hai ngày trôi qua mà mưa vẫn chưa đến. Tối hôm đó, viên đại thần được phó-thác nhiệm-vụ cầu mưa, mộng thấy một người, hai tay bị trói quặt ra đằng sau, đến nói rằng: « Tôi là thần Cao-Cát Hạng định của Chúa chỉ

còn một ngày nữa là mãn. Các bạn đồng liêu và tôi rồi đây sẽ bị trừng phạt. Nhưng ông nên biết cho rằng chúng tôi là những kẻ chức vị nhỏ. Ngọc-Hoàng Thượng Đế mấy hôm nay bất an, những buổi thiết triều phải tạm hoãn lại. Cũng vì thế nên những việc xảy ra ở trần gian chúng tôi không thể trình bày với Thượng Đế được. Mong ông tâm lại với Chúa, hiện nay chỉ có Thái-Dương phu-nhân là có thể ra vào điện ngọc, vậy xin Chúa nhờ đến uy tín của nữ-thần.»

Sau khi tỉnh dậy, viên quan vội vã vào chầu Chúa, đem đầu đuôi giấc mộng thuật lại. Chúa nghe lời, phái một viên quan lớn về kêu cầu Cửa Thuận và kết quả đã được hoàn toàn, trời mưa luôn mấy ngày tầm tã.

Các vị thần nhờ thế mà khỏi tắm nước sôi và ngôi miếu của Thái-Dương phu-nhân thì được sửa sang lại.

Dưới triều Gia-Long, miếu tranh đã trở thành chùa ngôi (năm thứ 12), đến triều Minh-Mạng, dựng bia ghi công đức, cất một viên cửa phẩm và 5 người phụ lo việc cúng tế.

Đến năm 1883, lúc Cửa Thuận bị quân Pháp chiếm cứ, quan lính thực dân đã đốt phá đồ thờ, toán lính đóng trong chùa đem hòm lên và ném vung khắp nơi những mảnh đá linh - thiêng ấy. Một số đồng đã bị bệnh thiên thời mà chết. (Theo trong sử thi hồi đó bọn Pháp đóng ở Thái-Dương, một số đã bị dịch tả mà chết, nhưng không biết có phải vì uy-quyền của Thái-Dương phu nhân không?)

Qua đời Đồng-Khánh, trong nước đã yên, dân làng lại tìm nhặt những mảnh đá

bỏ vào một chiếc hòm khác. Năm 1897 ngày 15 tháng 10 (Thành thái thứ 9) một trận lụt lớn, nước dâng lên, lôi cuốn tất cả. Qua đến ngày 9 tháng 1 năm 1898, nghĩa là vào khoảng 3 tháng sau đó, triều-đình cấp một số tiền dựng lên ngôi chùa tại vị trí mà chúng ta còn trông thấy ngày nay. Những mảnh đá không còn nữa, dân làng đã tạc tượng đề thờ.

Cho đến nay, họ vẫn một lòng sùng bái. Ngày 23 tháng chạp ta, tức là ngày tế của nữ-thần, ở Huế thường nhắc đến câu : 20 làm tốt, 21 xâu tai, 22 đeo hoa, 23 tế Nhân. Nhân tức là tên của Thái-Dương phu-nhân, còn cái tên ấy từ đâu mà có thì xin thú thật tôi chưa tìm được nguồn gốc. Làm tốt, xâu tai, đeo hoa là nói đến việc trang sức cho pho tượng.

Đến đầu xuân, cứ ba năm lại một lần, các nhà thuyền chài tổ chức lễ tế thần đề cầu yên. Trong bến nước cạn, họ lấy lưới bao vây một bọn trẻ còn trần-trồng, tượng-trưng cho đàn cá. Những người khác làm khách hàng đem thúng đến mua và cũng có kẻ bớt một thêm hai. Khi mua xong, họ chở bọn trẻ sang bên kia bờ mới thả cho chúng chạy mỗi đứa một ngã.

Họ dùng trấu làm tép biển rồi cũng lấy vọt xúc lên như xúc tép. Rồi họ đua trải, chè chén vui vẻ với nhau suốt cả ngày. Năm nào làm ăn phát đạt, họ lại còn mời bạn hát về hát.

*
* *

Từ giả ngôi miếu Thái-Dương, chúng ta hãy đi thẳng ra bể. Nhưng trong vài ba chục thước, về phía tay trái, bạn đọc

sẽ thấy một ngôi miếu nho nhỏ, hình vuông mỗi bề phẳng vài thước. Miếu này thờ cá voi được phong Nam Hải Đức ngư nhị hạng Tôn thần.

Những người dân miền biển xem cá voi là một con vật linh-thiên đã cứu những thuyền bè trong khi lâm nạn. Cho nên cá voi mỗi khi chết tấp vào bờ được Chính-Phủ trợ cấp tiền để an táng. Người nào, trước tiên trông thấy thi thể cá, phải lập tức báo với sở tại và trình ngay ông tri-huyện biết và tâu lên vua. Bộ Lễ giao tiền cho ông Huyện mua sắm lễ vật. Người dân đi báo phải đứng làm trưởng nam cho cá. Có một điều lạ là họ không mặc áo tang trắng mà lại mặc áo điều. Nếu cá nhỏ thì để cả con mà chôn, còn cá lớn sẽ phải chặt ra từng khúc trước khi bỏ vào hòm làm bằng những tấm ván đóng thành những cái hộp vuông và đem chôn sau miếu. Gần đây cửa Thuận bị lấp, cá chết ngoài khơi chứ không trôi giạt vào bờ như trước nữa. Nhưng như thế càng hay, vì ngày nay tang lễ của cá voi đâu có còn như trước nữa.

Tiếp tục cuộc hành trình, xin mời bạn đọc theo tôi vào trong làng, hỏi thăm trường học để đến. Trong sân trường còn sót lại một cái bia bằng đá thanh khắc một bài thơ của vua Tự Đức làm ngày 3 tháng 9 năm Bính-Tý (1876) Bài thơ dài đến 80 vắn, phỏng gần 800 chữ. Nếu dịch ra đây, chắc bạn đọc sẽ chán lắm, nhưng nếu không đề cập đến thì lại không biết trong đó nhà vua đã nói những gì. Hay hơn là tôi tóm tắt lại đây ít vắn sơ-lược :

BÁCH KHOA XCV

Mở đầu có những câu :

*Bất xuất môn đình ngoại,
Yên tri thiên địa khoan*

*(Cửa nhà quanh quần một nơi
Làm sao biết được đất trời mệnh-mông)*

Thế rồi vua tả những phong cảnh thiên-nhiên, những pháo đài, cửa nhà liên tiếp. Thuyền buôn vãng lai, ghe chài tụ tập nập. Nào là tôm tươi cá tốt, nào là sản phẩm của nhân dân :

*Dân làng sản phẩm đem dâng,
Bá quan ai cũng dự phần trăm ban.*

Vua lại tả cảnh tập bắn tập trận trên bộ dưới nước, cái thú đi câu, thú được hưởng những ngọn gió thiên-nhiên bất tuyệt.

Tự - Đức là một ông vua rất ưa thích cái thú đi chơi biển. Trong bài thơ : Leo lên núi Ngự-Bình (Đặng Ngự-Bình sơn), nhà vua đã thừa nhận cái thú đó :

*Ngự-bình tuy vẫn nghe tên,
Nhưng mà trên đỉnh, chẳng lên bao giờ.
Bình-sinh biển cả vốn ưa,
Nên nay xét lại vẫn chưa an lòng.*

Hình như không có lần nào về Cửa Thuận là Vua không làm thơ. Ta cứ lật Tự Đức thi tập ra xem thì rõ. : Thuận-An tức cảnh, Thuận an xem bắn, Thuận An xem tập trận, Thuận-An đêm mưa, Thuận-An đi chơi buổi sáng. Từ Thuận-An qua chơi Túy-Vân, Thuận - An hành cung v.. v.. Thật là đủ thứ..

(Còn nữa)

BỮU-KÊ

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.



FLORENCE NIGHTINGALE

(1820 – 1910)

người mở đường cho sự thành lập
Hội Hồng - Thập - Tự Quốc-tế

NGUYỄN-HIỆN-LÊ

*Cam chịu! Tôi chưa bao giờ hiểu tiếng
đó hết!*

Florence Nightingale

COI bức họa do Verney vẽ hồi bà ba chục tuổi, ta chỉ thấy bà có một vẻ đẹp thanh nhã, phảng phất như một thiếu phụ phương Đông: người nhỏ nhắn, cân đối, yếu điệu, mặt trái xoan, lông mày dài và cong, miệng nhỏ, cặp mắt hơi lớn, thông minh, nghiêm trang mà thùy mị. Phải nhìn bức tượng bán thân do John Steel nặn năm 1859 — chín năm sau — ta mới nhận ra được những nét cương quyết trên vùng trán cao, rộng, hơi gồ và trên làn môi mỏng và mím lại của con người suốt đời không hề hiểu tiếng “cam chịu” ấy.

Đức kiên nhẫn và nghị lực của bà thật phi thường, hạng đàn ông cũng ít người sánh kịp. Một mình bà mà chống với bản thân và gia đình trong mười bốn năm rồi

chiến đấu với các chính khách Anh, quân đội Anh ba mươi lăm năm nữa — trước sau gồm nửa thế-kỷ — để thực-hiện lý-tưởng của mình: làm cho nhà cầm quyền Anh phải coi người lính không phải là hạng thú vật mà là hạng người lương-thiện.

*
* *

Bà sinh trong một gia-đình nền nếp, sang trọng. Cha là William Edward Nightingale, dòng dõi điền-chủ, được hưởng một gia-tài lớn, sống một cách nhàn-nhã, vui chơi suốt năm, chẳng phải lo lắng gì cả; tính tình lịch thiệp, nhã nhặn. Mẹ là Fanny dòng dõi phú thương, rất đẹp, hào phóng nhưng cũng như chồng, chỉ ham vui. Hai ông bà cưới nhau xong, qua châu Âu du-lịch ba năm, được một năm thì sinh

FLORENCE NIGHTINGALE

một người con gái, đặt cho một tên Hi-Lạp là Parthenope ; hai năm sau nữa (12-5-1820) mong có một đứa con trai thì lại sinh thêm một gái nữa, đặt tên là Florence, tên một tỉnh vui-vẻ nhất ở Ý.

Tính tình hai chị em rất khác nhau : cô Parthe (tức Parthenope) thì dềnh đoàng, không có ý tứ, giống mẹ : cô Flo (tức Florence) thì rất ngăn nắp, có thứ tự và phương-pháp. Gia đình sống vui-vẻ trong sự xa hoa : cha thì đi săn, đọc sách, mẹ thì tiếp khách, nghe nhạc. Thỉnh-thoảng lại dắt nhau du lịch Ý, Pháp. Cô Flo thích nhất nước Ý, lại quý mến dân Ý đã chiến đấu để đòi lại độc-lập. Ông bà cho cô học tiếng Pháp, tiếng Hi-Lạp, môn triết lý nhưng cô chỉ thích môn toán. Và sống trong cảnh nuông chiều, nhàn nhã, phong lưu đó, cô vẫn thấy buồn, hồi mười chín tuổi, cho đời mình là vô vị, thiết tha tìm một mục-dịch. Trong năm năm cô suy nghĩ, dò đường đi, lần lần thấy rằng con đường hợp với cô nhất là hy sinh, đề sẵn sóc bệnh nhân. Ngổ ý với cha mẹ thì cha mẹ ngăn cản, và suốt trong chín năm sau, luôn luôn có sự xung đột giữa cô và gia đình.

Năm 1842 là năm dân Anh bị nạn đói kinh khủng, kẻ nghèo chết như rạ. Trước cảnh khổ đó cô than thở : « Óc tôi suy nghĩ hoài về nỗi khổ của loài người (...) Và lời các thi sĩ ca tụng những cái rực rỡ của thế-giới này, tôi thấy là sai sự thực, Tất cả những người mà tôi gặp đều bị cảnh lo lắng, hoặc nghèo khổ hoặc bệnh tật xâu xé. »

Từ đó cô nhất định vô các dưỡng đường g hy sinh cho bệnh nhân như các bà Phước bên Thiên Chúa giáo. Nhưng cô vẫn chưa biết lựa lời ra sao để xin phép cha mẹ,

nên vẫn kéo dài cuộc đời ngồi rồi, chán nản. Có bạn hỏi cô sao không làm văn đề tiêu khiển, vì cô có chút khiếu về văn chương, cô đáp : « Không hoạt động được thì bắt đăc dĩ mới phải viết ».

Mãi hai năm sau, cô mới dám ngỏ lời với ông bà, xin lại học ba tháng nghề điều dưỡng ở bệnh xá Salisbury gần nhà (lúc đó gia đình ở cả Embley). Thân mẫu cô kinh hoảng, cho là cô điên ; cô Parthe nài con lên bảo là làm nhục cho gia đình ; còn thân phụ cô thì ghê tởm, chán ngán, bỏ nhà đi Luân-Đôn chơi. Ai cũng nghĩ : đương sống trên nhung lụa, được cả nhà chiều chuộng, muốn gì có nấy : tài đó, sắc đó ở trong gia đình đó, thì thế nào chẳng kiếm được một đức phu quân xứng đáng, dòng dõi thế phiệt sao mà lại sinh chứng, muốn làm nghề nữ điều dưỡng, một nghề dẽ tiện chỉ hơn bọn gái điếm và bọn ăn mày có một bọc !

Quả thực nghề nữ điều dưỡng thời đó là một nghề ghê tởm. Trừ một số bà Phước ở Pháp, hy sinh cho Đạo, cho tín đồ, còn các nữ điều dưỡng ở các dưỡng đường đều bị khinh bỉ, sống rất nhục nhã. Không một người danh giá nào mà chịu cho con theo nghề đó.

Đọc tiểu sử Philippe Semmelweis ta thấy tình cảnh dưỡng đường ở giữa thế kỷ trước tại Áo. Hung ra sao. Không có một chút vệ sinh nào cả. Sinh viên y khoa vừa mổ xẻ thầy ma ở phòng giải phẫu xong, tay còn đầy máu mủ, có khi chỉ nhúng qua vào một thùng nước, khoảng khoảng mấy cái, có khi vội quá, không kịp nhúng nữa, chùi đại vào áo choàng rồi chạy qua phòng bên, coi mạch cho bệnh nhân, đỡ đẻ cho sản phụ, thành thử truyền vi trùng của thầy qua người mạnh. Thực là ghê tởm ! Vì vậy mà có

nhiều sản phụ hoảng hốt, khóc lóc, quỳ xuống van lạy y-sĩ, cho họ để ở đầu đường, ở bờ rạch còn hơn. Hễ vô năn thì mười phần có chín phần chắc chắn là mắc cái bệnh sốt sản hậu, (fièvre puerpérale) rồi thì chết. Bệnh đó đặc biệt là chỉ phát ra rất nhiều trong cái dưỡng đường đến nỗi dân chúng gọi nó là « bệnh sốt dưỡng đường ». Nó rất hay lây, nhưng hồi đó Pasteur chưa tìm ra thuyết vi trùng nên người ta không biết nguyên nhân ở đâu, mà các y sĩ thì chưa có một ý niệm gì về vệ sinh cả.

Ở Anh tình cảnh cũng như ở Áo, Hung, Đức, nếu không phải tệ hơn. Có phòng chứa cả năm sáu chục bệnh nhân ; nệm có khi cả tháng không thay, đầy vết dơ, cứ người trước ra thì người sau vào thế, thành thử bốn năm con bệnh dùng chung một cái nệm ; nếu có một người bị một bệnh truyền nhiễm thì tất cả những người tới sau đều bị lây thành thử có giường làm cho bệnh nhân kinh khủng, ai vô nằm cũng chết. Sàn, tường đều đầy máu, mủ, mùi hôi thối xông ra ngoài làm cho những người đi qua phải buồn mửa.

Các nữ điều dưỡng được ở một phòng riêng, nhưng họ ngủ ở đó, ăn ở đó và nấu ăn cũng ở đó. Có người phải coi tới bốn phòng mà lương không đủ sống. Đa số say rượu đến nỗi tại Dưỡng-đường Luân-Đôn, lớn nhất ở Anh, chỉ có hai nữ điều-dưỡng là đáng tin cậy, không cho bệnh nhân uống lầm thuốc. Một số làm điếm, khoe với người khác rằng « Thân tôi dơ dáy, dễ tiện như vậy đây mà đã có lần tôi được bận lụa và sa-tanh, thứ thiệt của Pháp đấy ».

Tóm lại không có người đứng đắn nào chịu giao thiệp với bọn đó, chả trách gia-đình cô Florence cho cô là làm nhục gia

phong cương quyết ngăn cản cô là phải. Cô không dám cãi nhưng vẫn giữ ý định, từ chối mấy nơi danh giá lại cầu hôn, đi du lịch Ai-Cập để tiêu sầu.

Nhưng vào khoảng 1850, một số người sáng suốt ở Anh đã bắt đầu lưu tâm tới các Dưỡng đường, tỏ lòng thương các bệnh nhân nằm trong đó và tìm cách giúp đỡ họ. Tháng sáu 1851, cô Florence qua Đức chơi, vào thăm viện Kaiserworth do một mục-sư lập. Viện gồm có một bệnh xá, một trường học, một nhà nuôi trẻ mồ côi. Cô xin phép cha mẹ ở đó ba tháng học cách săn sóc bệnh nhân, rồi về nước.

Đầu năm 1853 cô qua Pháp thăm các dưỡng đường ở Ba-Lê, rồi lần này, không xin phép nhà, tự ý vô nhà tu *Maison de la Providence* học thêm nghề săn sóc bệnh nhân : và khi về nước, cô không ở chung với gia đình nữa, vô giúp việc cho một bệnh xá do một hội Thiện lập ở Harley Street. Vậy là đến năm ba mươi ba tuổi cô mới được làm theo sở nguyện.

*
* *

Năm sau, có chiến tranh giữa Nga một bên, Anh, Pháp, Thổ một bên, trong lịch sử gọi là chiến tranh Crimée. Nga hoàng Nicolas I muốn chiếm Constantinople hồi đó nằm trong tay Thổ — để tìm đường ra Địa Trung Hải, nên đem quân lại bán đảo Crimée, lấy cớ rằng để bênh vực các tín đồ Thiên Chúa giáo bị người Thổ ngược đãi. Anh và Pháp đều không muốn cho Nga chiếm Constantinople vì nếu chiếm được thì hạm đội Nga sẽ tung hoành trên địa Trung Hải, con đường của Anh qua Ấn sẽ lâm nguy mà thuộc địa của Pháp ở Syrie cũng

không được yên ổn. Cả hai đều giúp Thổ chống Nga, thà để Constantinople cho Thổ vì Thổ yếu, không làm hại được mình, chứ không chịu để cho Nga.

Người Anh chắc chắn thế nào cũng thắng — ba nước đánh một mà ! — nên quân sĩ hùng dũng, tự tin ra trận, lập căn cứ tại Scutari để công phá căn cứ của Nga ở Sébastopol ; nhưng họ khinh địch quá, lại không tổ chức gì cả : 3 vạn lính Anh tới Varma mà không có xe để chở. Nực cười nhất là họ ra chiến trường mà như cắm trại ; khách du lịch khắp nước bu lại coi, sống chung với quân lính y như coi một cuộc đấu quyền. Bọn du lịch đó, người Anh gọi là T. G (travelling gentlemen)

Không ngờ quân Nga chống cự kịch liệt, rồi bệnh dịch tả phát trong quân đội Anh Lốp đầu, một ngàn bệnh nhân đưa về Scutari, rồi tiếp tới một lớp ngàn bệnh nhân nữa ; bệnh xá của quân-đội không đủ chỗ chứa, thiếu đủ thứ, từ y-sĩ, điều dưỡng đến lao công, thức ăn, thuốc uống. Một chỗ bình thường chứa 250 người thì bây giờ phải chứa 1.500 người ; không có giường cho họ nằm, bếp cũng không có để nấu nướng, mà dơ dáy thì không thể tả nổi. Ở Anh người ta chỉ nghe các tướng báo cáo về lòng dũng cảm của quân lính, không ngờ tình trạng bi thảm như vậy. Một phóng-viên của tờ *Times* phản uất viết bài tường thuật cảnh hỗn độn, thiếu thốn, vô tổ-chức đó, so sánh với bệnh xá quân-đội Pháp, sạch sẽ hơn lại có những bà Phước rất giỏi, rất tận tâm săn sóc thương binh, và đặt câu hỏi : « Tại sao người Anh không có bà Phước như Pháp ? »



Những bài báo đó làm dư-luận chấn-động và chính-quyền Anh cậy ông Stratford de Redcliffe mời cô Florence tiếp tay. Thực hợp với ý cô vì ngay từ đầu chiến-tranh cô đã có ý và đã dự bị qua Constantinople giúp thương binh rồi. Cô xúc tiến công việc, tuyển 14 nữ điều dưỡng chuyên nghiệp và 24 người nữa trong số hội viên của các cơ-quan tôn-giáo, rồi ngày 21 tháng 10 đó, cô lên đường với họ, mang theo 1.000 Anh kim với một bức thư nhà cầm-quyền giới thiệu cô với bác-sĩ Menzies,

Giám - đốc dưỡng đường quân - đội ở Scutari. Cô giữ chức Giám-đốc cơ-quan nữ điều dưỡng của các dưỡng đường Anh tại Thô, tuy phải theo lệnh bác-sĩ Menzies nhưng được toàn quyền chỉ huy những nữ điều dưỡng ở dưới quyền mình. Bà Tanny và cô Parthe lúc này chẳng những không buồn là cô làm nhọc gia-đình nữa mà còn khoe với mọi người rằng cô có một « nhiệm vụ lớn lao và cao cả. » Trò đời như vậy !

*
* *

Đã từ lâu rồi, cái tinh thần tự tôn, tự hạ dạy trong Thánh Kinh, tinh thần rửa chân cho những người thuộc hạng dê tiện, đã tiêu tan không còn lưu một dấu vết gì trong bọn quý phái ở Âu nữa. Các bà các cô trông các hội Thiện do các tôn giáo lập ra tự cho mình chỉ có bốn phận sẵn sóc linh hồn, nghĩa là tụng kinh, cho các bệnh nhân trong bệnh xá thôi, còn cái thân thể của họ, cái vật dơ dáy đó, họ không thèm ngó tới. Không những vậy các bà các cô cũng không chịu ngồi chung, ăn chung với hạng nữ điều dưỡng chuyên nghiệp. Cô Florence phải kiên nhẫn giảng giải, thuyết phục rất lâu, các bà các cô đó mới chịu rời cuốn Thánh Kinh mà tiếp tay với cô, và mới chịu hạ mình xuống tiếp xúc các bạn chuyên nghiệp.

Tháng sau tàu ghé Scutari. Thật là một cảnh kinh khủng, đến thi sĩ Dante cũng không sao tưởng tượng nổi trong phần đầu, phần tả Địa ngục, của tập thơ bất hủ *La Divine Comédie* của ông. Ở bệnh xá của trại lính có tới 2400 bệnh nhân, nếu họ có đủ giường nằm mà giường kê liền nhau thì thành một dãy dài năm cây số. Già nữa là say bí tỉ ; vì không có người nào không

uống rượu. Họ chết vì đói lạnh, vì bệnh dịch tả, chết vì truyền nhiễm. Hai ngàn ba trăm bốn mươi chín người vô năm thì hai ngàn ba trăm mười lăm người chết, chỉ còn ba mươi bốn người sống sót, trở ra mặt trận được. Lính chết mà ngựa cũng chết. Cả hai đều chết mà không kịp chôn. Có giường mười người thay phiên vô năm thì chết cả mười. Có người vô năm nửa tháng mà vẫn chưa được bác sĩ coi mạch vì thiếu bác sĩ. Có người vô năm hai mươi bốn giờ mà không được ăn cũng không được uống nước. Mà nước thì cực ngàu và hôi. Họ không có đủ giường để nằm, không có quần áo để thay mà cũng không có cả đĩa, muỗng, dao để dùng nữa. Hai ba người ăn, uống, rửa mặt trong một cái thùng nhỏ. Thực ghê tởm ! Họ không còn là người nữa, không bằng con thú nữa. Ai chịu trách nhiệm về tình trạng đó ? Thưa, không có ai cả. Viên bác sĩ Giám đốc bệnh xá bảo : « Tôi chỉ lo việc coi mạch, ra toa thôi, vấn đề ăn mặc về sĩ quan cung cấp lương thực ». Viên này lại bảo : « Tôi chỉ có bốn phận cung cấp những món ăn thường dùng thôi, còn những món đặc biệt cho những bệnh nhân ăn riêng thì ra ngoài nhiệm vụ của tôi. Lính không có muỗng, dao, đĩa là tại họ. Quân lệnh bắt họ đi đâu cũng phải mang theo những thứ đó, nếu họ đánh mất hay bỏ quên thì mặc họ ! » Họ không đánh mất, cũng không bỏ quên, họ đã được lệnh của sĩ quan của họ ở vịnh Calamita bảo để lại những thứ đó, cho người sau dùng, về Scutari sẽ có đủ. Và bây giờ về Scutari họ phải ăn bốc.

Trước tình cảnh đó, các nữ điều dưỡng chán nản : họ có ba mươi tám người làm sao sẵn sóc non hai ngàn rưỡi bệnh nhân được ? Cô Florence, trái lại, hăng hái muốn

bắt tay vào việc ngay ; việc càng nhiều thì lại càng phải làm gấp. Cô xin bác sĩ Menzies phát cho bệnh nhân nệm và quần áo sạch để thay, cho họ mỗi ngày một món súp và có đủ trà để uống. Bác sĩ đáp : « Những xa xỉ phẩm đó, không nên cho bọn lính hưởng ». Sự thực là không có đủ để phân phát cho lính. Mà các sĩ quan cao cấp thì có dư Săm-banh để uống và để tiếp đãi các T.G.

Ngay từ khi cô mới tới, bác sĩ Menzies đã có ác cảm với cô rồi. « Bọn phụ nữ này tới đây làm gì cho vương chân mình ? Cái ngữ đó mà giúp đỡ được cái gì ? Chỉ tỏ phải hầu hạ họ ! » Ông ta nghĩ vậy mà không dám nói ra, vì ngại ngại : « Chưa biết chừng họ do cơ quan mật vụ gởi tới để canh chừng mình đây ! Nhất là cô Florence đó nghe nói quen nhiều giới « bự » ở Luân Đôn » Thái độ của ông là mặc kệ không giao việc cho bọn cô, thí cho bốn căn phòng tại bệnh xá — tính ra mười người trong một phòng.

Cô Florence không phản đối, vì theo lệnh trên, cô phải thuộc quyền bác sĩ.

*
* *

Nhưng chỉ ít bữa sau, tình thế thay đổi. Mùa đông tới mà mùa đông năm đó lạnh vô cùng. Bệnh nhân dồn tới mỗi ngày mỗi đông : họ bị bệnh lỵ, bị chứng hoại huyết và họ đói, Bác sĩ Menzies xoay xở không xong, đành phải nhờ bọn cô giúp sức.

Cô bắt tay vào việc với một nghị lực và một sức chịu đựng phi thường. Công việc đầu tiên là lau quét, dọn dẹp cái phòng cái giường cho tạm sạch, thu xếp cho có một chỗ khuất để bác sĩ làm công việc giải phẫu.

Trước kia không có một bàn riêng để giải phẫu nữa, bệnh nhân cứ nằm tại giường của mình người ta cột tay, khóa chân họ lại rồi mổ, ngay trước mắt những bệnh nhân ở chung quanh, làm cho bọn này kinh khủng phải nhắm mắt, bịt tai lại. Nhờ số tiền mang theo, cô tuyển thêm nữ điều dưỡng ở tại miền chỉ bảo cho họ, rồi lại thuyết phục bọn vợ lính đừng ở không nữa mà tiếp tay với cô.

Vừa mới sắp đặt có trật tự được một chút thì một cơn đông dữ dội nổi lên, quét sạch hết lều, trại, người, ngựa cũng bị thổi đi. Quần áo phơi phơi, bệnh nhân nằm trên bàn, hôi thối. Có kẻ thấy một nữ điều dưỡng tới giúp đỡ mình, vội xua tay, hét :

« Đi chỗ khác, đừng lại gần tôi, tôi sợ đấy lắm ! »

Số bệnh nhân tăng lên 500 nữa, Sau cơn đông, phải xây cất, dọn dẹp lại. Vừa mới yên thì ở mặt trận lại gởi thêm thương binh về, và tháng giêng năm 1855, bệnh nhân lên tới số kỷ lục, kinh khủng là 12.000 người, mà trước sau chỉ có 85 người — kể cả cô Florence — để săn sóc họ !

Cô làm việc suốt ngày, mỗi đêm chỉ nghỉ được bốn năm giờ, quên tiền trong quân-đội trong bọn T.G. tức khách du-lịch ; viết thư về Anh, gõ mọi cửa để xin gởi gấp qua quần áo, mền, nệm, thức ăn, đĩa, muỗng... Cô viết không biết bao nhiêu thư và phúc trình, rồi tiếp khách, thăm bệnh nhân ; ngày nào cũng đi thăm khắp các phòng một lượt, người nào sắp chết thì cô ngồi lại chuyện trò một lúc, rồi cắt đặt nữ điều dưỡng phải ở luôn bên cạnh cho đến khi họ tắt thở. Cô không muốn rằng

đồng-bào cô xa nhà xa quê, lại đã hy sinh cho tổ quốc mà chết trong cảnh cô đơn, không có một ai ở bên cạnh để vuốt mắt.

Chỉ trong có vài tháng lính thương cô như thương mẹ — sau này, Cô bảo với bạn : « Tôi không lập gia-đình, nhưng đã có 15.000 người con rồi » — Có kẻ chỉ ngóng giờ cô đi qua để được nhìn nụ cười và nét hiền từ của cô và bảo : « Chỉ bóng cô lướt qua giường của tôi, tôi cũng sung-sướng tưởng như được cô vuốt ve rồi vậy.. » Từ xưa tới nay, có lẽ chưa một phụ nữ Anh nào được dân chúng quý mến tới bậc đó.

Chính Nữ Hoàng Victoria cũng phải cảm-động, khâm phục, đòi đọc tất cả những bản báo của cô, viết thư khen cô và hỏi cô muốn gì, bà sẽ giúp.

Khi công việc săn sóc bệnh nhân đã tổ chức đàng hoàng rồi — đàng hoàng đến nỗi lính Anh đồn với nhau : « Nằm ở bệnh xá Scutari sướng như lên Thiên Đường » — Cô tiến một bước nữa, cải-thiện đời sống tinh-thần và sửa đổi tánh nết của lính.

Thời đó người ta có quan-niệm rằng hạng lính là hạng hạ tiện, gần như thú vật, phải kích thích thú tính của họ thì họ mới hăng-hái chiến đấu. Phải cho họ uống thật nhiều rượu, để họ khỏi sợ chết mà hóa ra hung tợn khát máu. Lại phải cho họ truy lạc, cướp bóc, hiếp dâm thì họ mới khỏi cái sầu nhớ nhà mà mới vui-vẻ ra trận. Cô Florence cho quan-niệm đó là sai. Tiếp xúc với thương binh cô thấy rằng lòng kính Chúa và tình gia-đình của họ có khi rất cảm-động, rằng họ là những người lương-thiện như cô, và không có lý gì lại coi họ như loài thú được.

Cô đề-nghị với các sĩ-quan cấm rượu, và cho lính được phép gọi tiền về nhà. Lúc đó uy tín của cô đã lớn : lính nghe cô răn rấp mà ở Anh, từ Nữ Hoàng đến dân chúng ai cũng ngưỡng mộ cô, nên bọn sĩ-quan ngu xuẩn tuy mới đầu phản đối, rồi sau cũng phải nghe cô. Kết quả là mỗi tháng, lính ở Scutar gọi về cho gia-đình được một ngàn Anh-kim, và trong sáu tháng, tất cả lính trong quân đội Anh ở Crimée gọi về nhà được 71.000 Anh-kim. Cô lại bận thêm biết bao nhiêu công việc : là ngân phiếu, giữ sổ sách vì lính chỉ muốn giao tiền cho cô thôi. Mà cô không có được một phòng giấy riêng, chỉ có mỗi một cái bàn kê bên cạnh giường, và bất kỳ binh sĩ, khách khứa ai vào hỏi cô điều gì, lúc nào cũng được. Trong hoàn cảnh đó, mà cô làm được nhiều việc gấp mười các sĩ-quan quả thực là năng lực của cô siêu quần. Cô lập một thư viện cho quân-đội — tác-phẩm binh sĩ thích đọc nhất là bản dịch *Les mystères de Pavos* của Eugene Sue — mở lớp dạy học cho quân-đội và lập sân banh cho họ tiêu khiển, tổ chức lại cách quản lý bệnh xá, huấn luyện các sĩ-quan về cách đối xử nhân đạo với quân lính. Rút cục, ở Scutari cô chỉ huy hết thầy và các bác-sĩ, tướng tá đều gần như vô dụng. Tất nhiên có một số người ghen ghét, gèm pha, nhưng từ xưa tới nay, kẻ nào được lòng dân thì còn sợ gì ai nữa ?

Tới tháng sáu năm 1856, hòa ước ký với Nga ở Ba-Lê. Hai bên đều thiệt hại nặng. Constantinople vẫn về Thổ. Cô Florence về xứ.

(Còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-HIỀN-LÊ

PASTILLES: { **VANCO** MÙI • MENTHE •
 { **CAM** MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯ'ÔNG-VĂN-CHOM

Dược-khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

TÌNH HÌNH XUẤT BẢN SÁCH Ở PHÁP

CÓ-LIÊU

KHÔNG riêng gì nước ta, tình hình xuất bản sách ở Pháp cũng không mấy khả quan. Năm 1958 tổng số thương vụ không tới 50 tỷ quan, trong khi ngành điện ảnh 61,5 tỷ, ngành dầu thơm 78 tỷ, ngành báo chí ít nhất 120 tỷ. So với tình trạng xuất bản năm 1954, con số thương vụ cũng đã có tăng lên khoảng 13%, sang năm 1959 người ta ước lượng còn tăng thêm độ 6%, tuy nhiên đòi chiều với báo chí và điện ảnh thì xuất bản vẫn kém phát triển.

Tình hình kém phát triển đó là kết quả của một những phương thức hoạt động kém phần tổ chức, thiếu tích cực và không có kế hoạch điều hoà. Ngành xuất bản chưa ý thức được những phương thức làm việc với tinh thần đại quy mô như một ngành kỹ nghệ.

Các nhà xuất bản không đặt trọng tâm công tác vào sự kinh doanh và chưa có khuynh hướng tập trung đến mức độ cần phải có.

Về phía các nhà xuất bản, có mấy nét chính sau đây :

— Đáng chú ý hơn cả là Khuynh hướng tập trung. Năm 1958, trong số 450 nhà xuất bản chỉ có 6 nhà thực hiện được con số thương vụ trên một tỷ. Sáu nhà xuất bản ấy, theo thứ tự lớn nhỏ là : Hachette, Larousse, Flammarion, Mathon, Librairie générale Française, Gallimard ; họ chiếm được 1 phần 3 tổng số thương vụ toàn quốc, 185 nhà nhỏ nhất không chiếm nổi 2% tổng số ấy.

Đứng đầu có nhà Hachette, hơn hẳn các nhà khác. Nhà Hachette kiểm soát tiệm Librairie générale Française, phát hành sách cho nhà Gallimard, ngoài ra còn kiểm soát các nhà xuất

TÌNH HÌNH XUẤT BẢN SÁCH Ở PHÁP

bản nhỏ hơn như Grasset, Fasquelle, Fayard, và hợp bốn với nhiều tiệm sách khác trong số ấy có tiệm Plon nhiều người biết. Nhà Hachette có phương tiện làm đủ mọi việc từ lúc in đến lúc phát hành và bán lẻ.

Uy thế lớn của nhà xuất bản đó là một sự kiện đáng chú ý hơn cả ; các nhà khác không quan trọng mấy. Trong số 450 nhà chỉ có 200 nhà có con số thương vụ trên 20 triệu. Có nhà nhận in sách còn về phần tác giả phải trả tiền in và đem về một số nhỏ bán cho các người quen. Ngoài ra còn một số đông người, khoảng 2500, bỏ tiền ra in sách riêng cho mình, bán một số ít cho người quen thuộc mà thôi.

— Phần lớn những nhà xuất bản có tính cách công nghệ gia đình, chủ nhân hưởng gia tài của một người sáng lập, hoa lợi không phải là mục đích chính yếu của công cuộc khai thác. Chỉ có nhà Hachette có những phương-tiện kinh doanh đầy đủ, và một vài nhà khác có những đặc điểm riêng như nhà Le Seuil với loại sách « Microcosme », sự cải tiến duy-nhất về xuất bản từ năm 1945 ; nhà Julliard đào tạo những giải thưởng văn - chương ; nhà Dancette với loại Rouge et or ; nhà Les Presses de la Cité.

— Các sách xuất bản gồm nhiều loại rất khác nhau : văn chương 29%, giáo-khoa, khoa-học và kỹ-thuật, 22,5%. Thanh niên 14%. Người ta nhận thấy những sách kỹ thuật tăng

gia còn văn chương thì thoái giảm. Mỗi năm xuất bản từ 12 đến 13.000 thứ sách, tổng cộng 141 triệu quyển.

Công cuộc phát hành và phổ biến chưa được tổ chức chu đáo

Về phương diện phổ biến, trừ nhà Hachette có phương tiện tác động trực tiếp hay gián tiếp đến thị trường sách, còn thì người ta vẫn theo những đường lối cũ, mỗi người giải quyết một cách, không có một phương thức hoạt động hợp nhứt. Chữ phổ biến chỉ được quan niệm một cách hẹp hòi và quá giản dị, nghĩa là làm cách nào để đưa sách từ nơi sản xuất đến chỗ bán lẻ. Người bán lẻ hoạt-động có vẻ thụ động hơn là sáng-kiến, nơi bán phần nhiều là những địa điểm ngẫu hữu không được chọn lựa những chỗ thích ứng. Như thế phổ biến chỉ có nghĩa là phát hành.

Đại loại sách từ nhà xuất-bản chuyển qua nhà đại lý, thường phát hành cho nhiều nhà xuất-bản, xuống đến các nhà buôn sỉ hay phân hành, rồi đến nơi bán lẻ. Các tiệm bán lẻ rất khác biệt về tổ chức và địa điểm, có từ những tiệm sách « lớn » (từ 4 đến 500) trong đó kho sách được đầy đủ và mới mẻ, người mua có thể kiểm sách dễ dàng và được chỉ dẫn đến nơi, cho đến những tiệm bình dân, điểm sách nhỏ ở đầu phố hay ở làng, quận.

Nhưng mỗi người theo một lối phát hành. Phần nhiều nhà xuất-bản vẫn giữ mối liên lạc trực tiếp vớ

tiệm bán sách lẻ. Có nhà có tiệm bán riêng để tiêu thụ một phần lớn sách mình xuất bản, vừa để chỉ dẫn và báo tin xuất bản cho khách hàng. Vài nhà lập ra những « hiệp hội phổ biến », những hệ thống chuyên về phổ biến, hay ký giao kèo riêng với một nhà phát hành. Ngày nay nhiều người theo giải pháp ký hợp đồng nhượng quyền cho một tiệm sách, điều kiện có lợi, tiệm sách sẽ khuếch trương việc bán sách cho nhà xuất bản. Lỗi phát hành này thường áp dụng cho những sách giáo khoa, cũng có khi cho những sách loại « tổng luận văn chương ».

Ngoài các tiệm sách, còn những « hội » bán sách cũng chiếm được một phần lớn độc giả, đến nỗi các nhà xuất bản và tiệm sách cũng bắt chước lập « hội » của họ. Nhưng hình như những « hội » không kiếm thêm được độc giả nữa, một vài hội lâm vào tình trạng rất nguy khốn.

Tiệm sách chuyên nghiệp, độ vài ngàn trong nước Pháp, gặp nhiều sự khó-khăn. Họ gặp sự cạnh tranh của nhiều điểm bán sách chung với thứ khác, của nhiều đoàn thể khác, họ bán một thứ hàng không biết có tiêu thụ được không, vốn bị kẹt lâu, tiền dài tải mình chịu, càng ở xa Ba-Lê sở phí càng nhiều. Nhiều nhà xuất bản nhỏ tìm cách bán thẳng cho độc-giả khỏi qua tay tiệm sách để bớt được số hoa hồng 33%, tránh lệ gửi 13 quyển chỉ tính tiền có 12, và nhiều lợi lộc khác. Các tiệm sách chuyên nghiệp yêu cầu chính phủ can thiệp

lập quy chế phát hành, giảm bớt số tiệm bán lẻ. Họ đương đầu với thực tế bằng một biện-pháp hạn chế có thể đưa đến chế-độ biến tiệm sách thành những gian hàng của nhà nước.

Cần phải chú trọng đến 60% dân chúng không bao giờ mua sách để mở rộng thị trường

Nhưng nhà xuất-bản cũng như tiệm sách hình như không dụng công nghiên cứu thị trường, nhất là không biết rằng có đến 60% dân số chưa bao giờ bước tới tiệm sách hay mua một quyển sách ; sao không tìm thị trường trong số những người ấy ? Thực ra các nhà xuất bản cũng có chung nhau mở một vài chiến dịch quảng cáo và nghiên cứu thị trường nhưng chưa biết kết quả ra sao. Các tiệm sách cũng được tài trợ để canh tân cửa tiệm, một vài tiệm chung nhau mua buôn cho đỡ tốn. Trên bình diện toàn quốc có sáng lập Trung Tâm Chuyên chở sách nhưng không được nhiều người hưởng ứng cho nên thất bại phần nào.

Tóm lại, tình trạng phổ biến sách ở Pháp không được khả quan và đòi hỏi một sự cải cách hợp thời.

Những giải pháp để phát triển ngành xuất bản sách

Ngành xuất bản ở Pháp kém phát triển vì hoạt động thiếu tổ chức, thiếu tích cực, thiếu phương tiện điều hòa và mở rộng thị trường. Điều ấy không khỏi làm trở ngại sự phổ biến văn học. Quyển sách phải được nâng đỡ về

TÌNH HÌNH XUẤT BẢN SÁCH Ở PHÁP

phương diện thương mại để tròn xù mạng hương dẫn vận mệnh dân tộc, Bởi vậy đã có người đề tâm nghiên cứu vấn đề. Ông Paul Angoulvent giám đốc nhà xuất bản Presses Universitaires de France đã đặt vấn đề và đưa ra một chương trình cải tiến có những điểm đáng chú ý sau đây :

1) Nhà văn sáng tác không nên phân tán những tác phẩm của mình ra nhiều nhà xuất bản.

2) Nên tìm những phương thức tài trợ và sản xuất tương tự với các ngành kỹ-nghệ. Các nhà xuất bản nên tập trung đều độ vừa phải ;

3) Về phương diện phổ biến nên chú trọng đến việc cải tiến những tiệm

bán lẻ : tiệm sách lớn, tiệm sách bình dân, cơ quan bán trực tiếp. Việc buôn sỉ thì nên tập trung lại 1 hay hai trung tâm phát hành chuyên nghiệp. Cũng nên chú trọng đến việc phổ biến ra ngoài nước ;

4) Vai trò của chính phủ là vai trò nâng đỡ và xuất bản, nhưng trong một giới hạn nào thôi. Sự nâng đỡ có thể thực hiện dưới hình thức cho dự phần vào Quỹ phát triển kinh-tế xã hội hay sáng lập một Quỹ quốc gia cho ngành xuất bản.

CO-L EU

Tài liệu : La correspondance économique Paris
ngày 27-10-1960

CÔNG - TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU :

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rượu Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

- Các tiệm tạp-hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454
- Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ hống - Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).



Nam - Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Société Indochinoise de Documentation et de

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

PHÊ-BÌNH VĂN-HỌC: PHÊ-BÌNH MIỆNG

* BÙI-HỮU-SÙNG

I. — Phân loại.

NHÀ khoa-học, trước khi khảo sát những hiện tượng nào, phải nhận định rõ đối tượng của mình rồi phân loại và áp dụng những phương-pháp thích ứng với vấn-đề mà mình theo đuổi. Phê-bình văn-học tuy chưa đủ tư cách lập thành một khoa-học vững chắc như tâm-lý học hay xã-hội học, nhưng nó cũng theo lẽ lối làm việc của khoa học. Nó cũng ấn định cho nó một phạm-vi rõ-ràng để làm đối-tượng : ấy là tìm hiểu một văn-phẩm để giới thiệu với giới trí-thức. Nó cũng tham vọng phân loại để tiện việc nghiên cứu. Chúng ta nên phân loại phê-bình ra sao ?

Xưa kia, người ta phân loại phê-bình theo văn-phái : phê-bình lãng mạn, phê-bình ấn-tượng, phê-bình hiện sinh của Sartre, v.v. Nhưng văn phái mỗi ngày một nhiều, vả lại cũng có phê-bình gia biệt lập không thuộc vào một khuynh hướng rõ rệt, do đó cách phân loại theo văn-phái không thể tồn tại được nữa. Gần đây, hai phê-bình gia nổi tiếng ở Pháp, Thibaudet trong cuốn La

physiologie de la critique và E. Henriot trong cuốn Neuf siècles de littérature française, 1958 phân ra ba loại phê-bình :

1. — Phê-bình của nhà báo
2. — Phê-bình của người sáng-tác (créateurs)
3. — Phê-bình của giáo-sư.

Cách phân loại như vậy rất ổn đối với văn-học Pháp từ thế-chiến thứ hai trở về trước. Nhưng cách chia ấy không hợp với văn-học nước ta, nước Mỹ. Hơn nữa, cách chia của hai ông bỏ sót mấy thể mới như tự phê-bình, phê-bình trên đài phát thanh, phê-bình trên màn ảnh, phê-bình trong buổi thảo luận với diễn giả sau một bài diễn-văn, v.v... Bình cũ, ở đây, không còn chứa nổi rượu mới nữa. Ba cái khung mà đại phê-bình gia Thibaudet và Henriot phác họa không bao dung nổi những thể thức sinh hoạt mới của thể phê-bình. Phê-bình văn học tựa như một con sông lớn, càng chảy xa nguồn, càng được bồi bổ bởi nguồn khác, sẽ lớn lên, rộng xa, chia ra nhiều phụ-lưu, uốn mình theo địa hình của mỗi vùng hay

gây ra những cảnh tượng mới mẻ bất ngờ. Vì vậy, sau khi nhìn vào văn-học nước ta, và một số nước khác, tôi đề nghị một cách phân loại mới để tiện việc nghiên cứu của chúng ta.

- 1.— Phê-bình chuyên môn
- 2.— Phê-bình của các nhà sáng-tác
- 3.— Tự phê-bình
- 4.— Phê-bình miệng.

a) — Thế nào là phê-bình chuyên-môn ?

Phê-bình chuyên môn là phê-bình của các giáo sư đại-học (Lanson, Brunetière) hay các phê-bình gia không ở trong giáo giới nhưng cũng chuyên khảo về văn học : Vũ-Ngọc - Phan, Henri Lefebvre, Pierre de Boisseffre. Các nhà chuyên môn này chịu ảnh hưởng của văn-học sử và mỗi khi phê-phán một văn-phẩm, các ông nghĩ ngay đến việc liệt văn-phẩm vào thể văn nọ, văn-phái kia. Các ông lại đi khám phá những ảnh hưởng đã kết tinh trong tác phẩm ấy : ảnh hưởng gia-đình, giáo-dục, thời đại v.v. Đôi khi, các phê bình gia còn chê bai đoạn này, khen chỗ kia và khuyên tác giả nên sửa chữa thể này hay thể khác. Voltaire, với một giọng hài hước, đã ví các phê-bình gia ấy như những người chuyên khám lượm lợn ở chợ (des langueyeurs) để khám phá ra, trong số lợn mang tới chợ, con nào lành, con nào ốm. Mặc dầu lời nhạo báng ấy, các phê-bình chuyên-môn cũng vẫn cần thiết trong sự huấn luyện thẩm mỹ về văn chương cho thanh-niên và cho nền văn học dân-tộc. Dưới mắt các phê-bình gia

chuyên môn, các sách cổ kim, Đông Tây, lập thành một xã-hội có tôn ti, có truyền-thống, có luật pháp, và xã-hội ấy chỉ đón cái mới với một thái độ dè dặt. Các ông có trọng trách bảo tồn tinh thần dân tộc. Nhưng, trước những cao trào mới, trước những sáng-tác tân-kỳ, đa số trong các ông bỡ ngỡ, chậm hiểu, đôi khi nhận xét sai lầm, phê-bình trên một quan niệm lỗi thời và gây sự chia rẽ với thanh niên. Trong văn học sử Pháp, đại phê-bình gia Sainte Beuve sáng suốt và tế nhị bao nhiêu về các nhà văn cổ thì cũng bất công, nhằm lẫn bấy nhiêu với các nhà văn đồng thời với ông như Balzac, Baudelaire. Năm 1855, Ste Beuve được bổ nhiệm làm giáo-sư trường đại-học Collège de France, chỉ dạy được tới buổi thứ hai thì phải đình giảng vì thanh niên viết thư đe dọa ông và la ó, chửi bới ngay tại trong lớp. Ở nước ta, vào khoảng năm 1941-1944, một số thanh-niên trí-thức rất bất bình với lối phê bình « tạt xẩu », căn cứ vào tờ a, tờ b của Nguyễn-Văn-Tổ, trong tạp-chí Tri - Tân.

b) Thế nào là phê-bình của các nhà sáng tác ? —

Nếu các phê-bình gia chuyên-môn chú trọng nhiều về lịch-sử, thì các nhà sáng-tác, khi phê-bình văn-phẩm, lại đặc-biệt chú ý về nghệ-thuật về thẩm-mỹ. Các ông này là những nghệ-sĩ tài danh; gặp những áng văn có hiệu-lực truyền cảm mạnh, tâm hồn các ông dễ rung động, dễ đắm đuối trong luồng tư-tưởng tình-cảm của tác-phẩm. Nhận thấy cái hay, cái đẹp của người, các ông sáng-tác những tác-phẩm mới. Ở đây, phê-bình trở thành sáng-tác hay tạo-sáng-tác (création ou ré-creation). Chateaubriand

(trong sách *Génie du Christianisme*), V. Hugo (trong cuốn *William Shakespeare*) Malraux (trong bài tựa cho *Sanctuaire* của W. Faulkner) đã làm công việc phê-bình tìm cái đẹp của người (*la critique des beautés*) trái ngược với cái kiêu phê-bình về tật xấu (*la critique des défauts*).

Trong mấy cuốn *L'art romantique*, *Curiosités littéraires*, thi-sĩ Baudelaire đã nhận thấy rất sớm, trước hậu thế, rằng Honoré de Balzac là nhà ảo-tưởng (*visionnaire*) hơn là nhà quan-sát. Thi-sĩ lại còn tìm thấy trong thơ văn của: Vitor Hugo, Th. Gautier và ở Edgar Poe (người Mỹ) cái vạn vật tương ứng (*la correspondance universelle*) mà chính Baudelaire đã phô diễn trong câu thơ bất hủ:

*Les parfums, les couleurs et les sons se
répondent*

(Fleurs du Mal)

(Hương sắc, âm thanh tương ứng).

Ở nước ta, nói tới nghệ-sĩ phê-bình nghệ-sĩ, chúng ta liên tưởng ngay tới Nguyễn-công-Trứ đã phê-bình Thúy-Kiều của Nguyễn-Du trong hai bài hát nói và, sau khi diễn môn bài Tỳ-bà-Hành, đã soạn một bài Vịnh Tỳ-bà cực kỳ lý thú. Ai, đêm khuya thanh vắng, đã nghe đào nương hát bài ca của thi-sĩ họ Nguyễn cũng cảm thấy hồn mình bị xâm nhập bởi những âm điệu réo rắt và lâm ly thống thiết:

*Tầm-dương giang đầu dạ tổng khách,
Bóng trăng thu thấp thoáng trên thuyền.
Tiếng tỳ-bà ai khéo gảy nên,
Xui lòng khách thiên-nha luống những.*

*Ai oán nhẽ, bốn dây vàng vắn,
Như bất bình, như khắp, như, tổ như oán,
như than.*

*Nực cười thay cái phận hồng nhan
Nào những khách ngũ lẳng đầu vắng tá.*

Còn hai bài Vịnh Thúy-Kiều. — tuy không hẳn là văn phê-bình như ngày nay, nhưng trong một bài kết tội nàng Kiều, giọng rất đanh thép, lý luận rất xác đáng. Mở đầu, tác-giả thoa diệu Kiều rồi sau mới luận tội tà dâm của nàng:

*Từ Mã Giám-Sinh cho đến chàng Từ-Hải,
Cánh hoa tàn đem bán lại chốn thanh lâu
Bấy giờ Kiều còn hiểu vào đâu
Mà bướm chán ông chường cho đến thế.*

Kết luận, Nguyễn-công-Trứ chán ngán cho cái thái-độ dối trá của Kiều (mà có lẽ cũng ám chỉ cả thái-độ tòng quyền của Nguyễn-Du).

c) Thế nào là tự-phê-bình? —

Tự-phê-bình (*autocritique*) là thái-độ của một nhà văn đã trước tác rồi, nay mang chính tác-phẩm của mình ra « mổ xẻ ». Nhà văn kể từ khi thấy mình nẩy ra khuynh-hướng làm văn, « thai nghén » văn-phẩm của mình ra sao, đã bị hiểu nhầm thế nào, đính chính một vài dư luận. Nhà văn ấy tự cho văn mình sau một thời gian nhìn lại hay bào chữa cho nó. Thái-độ ấy phải cho thành thực, đừng khoe khoang mà cũng đừng khiêm tốn vờ (*fausse modestie*). Ở nước ta — có lẽ vì hoàn cảnh xã-hội không thuận tiện, vì bản tính e dè của người phương Đông — chưa một tiểu-thuyết gia hay một thi-sĩ nào đưa tác-phẩm ra tự phê bình để đọc - giả đỡ hiểu sai, hiểu lầm. Giá thử một Vũ-Hoàng-Chương,

một Khái-Hưng, nói trường-hợp nào mình đã có « hứng viết », đã « thai nghén », tài-liệu đã sưu tầm được, giải thích vài danh từ vài hình ảnh theo ý mình trong lúc cầm bút, nói cả cách viết giấy nháp, giữ đoạn nào, tại sao bỏ hẳn một trang, thêm một câu ; nếu được như vậy, thiệt là bổ ích cho thanh-niên muốn tiến trong nghề văn.

Về thời xưa, ở nước ta, tôi có thấy trong bài tựa Vịnh Thanh Tân Tài Nhân, thi-sĩ Chu-Mạnh-Trình có nói qua ông là « nòi tình » và ông mơ đúc nhà vàng, hú vía nàng Kiều về ở với ông.

Gần đây, trong tập - san « Văn - Hóa ngày nay » (số 1, 2, 3, 4 năm 1958) mục « Viết và đọc tiểu - thuyết » Ông Nhất-Linh tự phê-bình một cách thẳng thắn. Về mấy cuốn tiểu-thuyết luận đề của ông, ông đã tự phê bình như sau : « Sau hai mươi năm, giờ Đoạn-Tuyệt đọc lại, tôi thấy chỉ có một vài đoạn tả mẹ chồng nàng dâu có đôi chút giá trị, còn những cái về xung đột mới cũ (ý định chính của tôi) như việc Loan dọn nhà đi không đem bát hương Loan để con trai, lời cãi của trạng-sư v.v. thì đến nay chẳng còn gì là hay nữa.

« Về cuốn Lạnh-Lùng (tuy nghệ-thuật cao hơn Đoạn-Tuyệt) nhưng còn bao nhiêu chi tiết về tâm hồn một người góa trẻ, khao khát yêu đương v.v.. tôi đã bỏ qua, không chịu tìm kiếm thêm. Độ ấy tôi chỉ coi nhân vật như những quân cờ để đánh một ván bài, họ không phải là cái chính và chỉ dùng những chi tiết nào lợi cho cái ý chúng tôi của mình . . . » (số 1 trang 32 và 33).

Chính tại Pháp, trước thế-chiến thứ hai các nhà văn cũng chỉ tự phê-bình rứt rứt trong các bài tựa, nhưng gần đây, thể này rất phát đạt và rất được hoan nghênh. Jean

Paulhan đã nói : « Một nửa phần tác-phẩm của các ông dùng vào việc chứng minh về lý do gì các ông viết nửa phần kia ». Cả một loại sách ra đời Collection « Les auteurs juges de leurs oeuvres » (đừng nhầm với loại sách « Balzac par lui même », « Sartre par lui même »), độ chừng 10 văn-sĩ còn sống như André Maurois, G. Duhamel, Paul Valéry, Henry Bordeaux v.v... tự phê bình mình (tôi sẽ có dịp giới thiệu trong tạp-chí Bách-Khoa cuốn « Portrait d'un ami qui s'appelait moi » của André Maurois ngõ hầu kêu gọi một số nhà văn nhà thơ nước mình rời bỏ tháp ngà của các ông và phanh phui cho chúng ta biết vài cái bí quyết thành công của các ông). Không những sách tự-phê-bình xuất bản, các nhà văn, nhà báo người Pháp còn đăng đàn thuật lại đời làm báo làm văn của mình, sự thành công bất ngờ của cuốn tiểu-thuyết nọ, sự ngạc nhiên trước thất bại của tập kia. Những bài diễn - thuyết tự phê - bình ấy đã lần lần đăng trong tạp - chí Les Annales năm 1960. Tự phê-bình ở đây đã từ « viết » chuyển sang « lời », làm phong phú cho loại phê-bình miệng, bởi vậy tôi trở lại dưới đây mấy bài diễn thuyết này, khi bàn tới phê-bình miệng phát-triển ở Pháp.

* *

II. — Thế nào là phê-bình miệng ?

Phê bình miệng (critique orale) là phê bình bằng lời nói, khác với ba thể kia viết thành sách. Nó có tính chất tự nhiên, xuất phát từ bản năng nghệ thuật và khả năng cảm thụ của nhiều hạng người, quân-nhân, kỹ-sư, chính-trị gia, thợ thuyền, nông-phu, nghĩa là những người không có thì giờ chuyên về văn nghệ, không chịu ảnh hưởng

sách vở, văn-phái, và chỉ phê-bình-h theo ấn tượng của mình. « Phê bình miệng » ra đời rất sớm trong lịch-sử, từ ngày mới có bài ca thứ nhất, bài thơ thứ nhất, bản kịch, bản chèo còn diễn ở công trường chưa in thành sách. Nó xuất phát từ ở cửa miệng dân chúng khi dân chúng nghe thi-sĩ Homère đi lang thang từ đô-thị này sang đô-thị khác, những người ngâm thơ về rong đường (như trouvères Pháp thời trung cổ) các xẩm chợ, những gánh hát, về mùa xuân, đi từ đình miếu làng này sang xã khác.

Các nhà xã-hội thường phân lịch-sử truyền bá văn minh ra làm ba giai đoạn chính :

- 1.— Giai đoạn ngôn ngữ
- 2.— Giai đoạn văn-tự và sách in
- 3.— Giai đoạn âm-thanh và hình-ảnh

Trong giai-đoạn nào, « phê bình miệng » cũng đóng một vai trò linh động và quan trọng.

1.— Thời-kỳ chưa có chữ viết, người ta dùng ngôn ngữ để truyền bá giáo-dục và kinh-nghiệm, thì « phê bình miệng » đã có mặt rồi. Bằng chứng ở phương Đông : khi Khổng-Tử với môn-đệ đối đáp với nhau, sách Luận-ngữ, thiên Dương-Hóa còn ghi nhiều câu của ngài « phê bình miệng » với học-trò về ích lợi học Kinh Thi : « Thi Khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán. Nhĩ chi sự phụ, viễn chi sự quân, đa thức ư điều thú thảo mộc chi danh » (Đọc Kinh Thi khả dĩ hòa hợp mà không lưu đày, khả dĩ bày tỏ cái sầu oán. Gần trong nhà thì biết cách thờ cha, xa ra ngoài thì biết cách thờ vua, biết những tên các giống chim muông cây cỏ).

Ở Tây phương, những lời « phê bình miệng » về văn-học giữa Socrate và môn đệ

cũng còn ghi lại trong quyển Phèdre của Platon. Ở nước ta, ca-dao, tài-liệu vô giá về thơ truyền khẩu, cũng có những câu « phê-bình miệng », phê-bình theo lối ấn tượng :

Văn hay chẳng nở đọc dài.

Vừa mở đầu bài đã biết văn hay.

2)— Tới thời « Văn-tự và máy in », sách thay ngôn ngữ truyền bá văn-học, « phê bình miệng » vẫn giữ vai trò quan trọng. Trước kia, nói là « lời », bây giờ là chữ viết ra (conversation écrite). Trong tập tùy bút Essais, Montaigne không biết nói chuyện với ai được, thì ông đọc sách đến đâu ghi theo lối nhật ký những ý-nghĩ và cảm-tưởng của mình. Bà Sévigné, trong những bức thư viết cho con gái, cũng « phê-bình miệng » về những vở kịch của Racine vì thư là cuộc nói chuyện viết. Trong các tao-đàn (salons littéraires) ở thế-kỷ 17 ở Pháp giữa lúc sách vở bắt đầu in nhiều, loại « phê bình miệng » vẫn đóng hai vai trò rất quan trọng. Một là làm môi giới giữa các học - giả thời ấy (les doctes) với những các bà, các quân-nhân ít học. Hai là bênh vực cho Corneille, La Fontaine, Molière không chịu ép văn-phẩm của mình theo quan-niệm « học giả ». Với Molière, trong vở Critique de l'école des femmes, « phê bình miệng » nhảy lên sân khấu : qua cửa miệng của vài nhân vật (Uraïne, Dorante), Molière trình bày quan-diểm nghệ-thuật của mình. Nhờ thế, văn-chương Pháp thế-kỷ thứ 17 không đến « quá quý tộc » « quá hàn lâm » và không bị xa cách quần chúng như số lớn tác phẩm của Pháp ngày nay. Đặc tính của « phê bình miệng » là tính cách xã-hội của nó (caractère social). Nó phát triển mạnh vào những giai đoạn lịch-sử mà đời sống tập-thể thịnh. Nó có công bác một cái cầu thông



Molière vừa là tác-giả vừa là diễn-viên

cầm giữa con người với con người. Nước Việt-Nam, xưa nay, vẫn thích cầm cự, cả ngày trong thời vua quan xa biệt với công chúng, lập những thị-xã riêng để đọc sách làm thơ, giữa xã-hội bình dân, « phê bình miêng » vẫn giữ vai trò « liên lạc xã-hội » dưới một hình thức mới : đánh trống chầu. Ai đã đi xem hát chèo ở thôn quê hay nghe đào nương hát ở cửa đình, cửa miếu tất đã nghe thấy những tiếng tùng, tiếng các, một hình thức của « phê-bình miêng ». Dân chúng đến xem hay đến nghe hát nhiều lúc rất hứng thú khi thấy người cầm chầu cất trống (khen) đúng với cảm-tưởng của mình về đoạn văn đẹp hay giọng hát hay.

Một nhà xã-hội học Tây - Phương đã nhận thấy rằng : người nhà quê thích hội hè, đình đám, ý-kiến ấy đúng với dân Việt mình và chính trong buổi « đố chữ » « bình câu đối » ở đám ma, đám cưới, « chèo », « hát », « thai » mà dân chúng mới có phút thưởng

thức văn chương. (Thai là tục của một vài làng trong Nam, lấy những câu ở Kiều, ở Chinh-phụ, ở câu đố cổ, rồi đố, để cả dân làng đoán, ai trúng sẽ có thưởng).

Về thi ca in thành sách, bên cạnh nho sĩ, người bình-dân vẫn tiếp tục phê - bình miêng ». Về Đoạn Trường Tân-Thanh của Nguyễn-Du và về truyện Phan Trần, ca dao, phê-bình như sau :

Đàn ông chớ kể Phan Trần.

Đàn bà chớ kể Thúy-Vân, Thúy-Kiều

Hồ-Xuân-Hương, nữ-sĩ đầu thế-kỷ 19, bị nho sĩ khinh thường, thơ và tiểu-sử của bà không được ghi chép hẳn hoi nhưng bình dân thưởng thức thơ của bà, truyền tụng, ngâm vịnh và nhờ đó, ngày nay chúng ta còn vớt vát được một số bài thực là tài tình, (rất tiếc trong chương trình mới, thơ Hồ-Xuân-Hương đã bị loại ra ngoài học đường).

3) — Tới ngày nay, giai đoạn « văn minh hình ảnh và âm thanh », « phê bình miêng » lại được thể bành trướng mạnh, ở nước ta cũng như ở các nước khác, dưới những hình thức mới lạ. Nó là mục « Tao đàn » trên làn sóng điện của đài phát thanh, nó biến thành hình ảnh và âm thanh trên màn bạc, nó là tin-văn trên các báo chí, nó là bài diễn-văn hay là cuộc thảo luận tiếp vào hài diễn-thuyết.

a. — Ở mục « tao đàn » của đài phát thanh Saigon, cũng ở mục văn học của đài phát thanh các nước, « phê bình miêng » theo làn sóng điện truyền đi tới nhiều nơi hẻo lánh, hang cùng, ngõ hẻm xưa nay vẫn vắng bóng một Nguyễn-Du, một Shakespeare một Goethe, một Molière. Chúng ta hãy tưởng tượng một người lính gác ở nơi

đeo heo hút gió, một ngư thủy lênh đênh ngoài đại dương, để đoán xem người ấy rung cảm thế nào khi người ấy nghe những khúc vọng cổ, những bài hát nói, những áng thơ kim, thơ cổ, những đoạn kịch, đoạn chèo từ lục địa, hay thủ đồ xa xôi vang tới tai họ giữa lúc tâm hồn họ đang hiu quạnh.

buổi chiếu phim « La guerre et la paix », « Le vieil homme et la mer » (Ngư Ông và biển cả) « Les Misérables », (Những kẻ khốn nạn), hình của Tolstoi, E. Hemingway, của V.Hugo được chiếu lên màn bạc kèm theo lời giới thiệu về đời sống của tác-giả, người thường dân ít học cũng được sống trong giây phút với một « tinh hoa » của nhân-loại ; học-giả, trí-trúc, sinh-viên có dịp so sánh nguyên-văn với truyện phim.



Molière đọc tác-phẩm của mình cho người đầy tớ gái nghe để xem văn mình có dễ hiểu không

b. — Mấy năm gần đây, người ta mang những văn-phẩm vĩ đại ra quay phim. Mỗi

Nhờ khoa học, « phê - bình miệng » cổ truyền bước sang một con đường mới đầy hứa hẹn. Người ta còn dự tính đóng phim những vở kịch của Molière, của Racine, của Shakepeare, của Musset. Một số học-giả phản đối, nhưng mấy ông ấy quên rằng phải cần làm cho tiếng cười, tiếng khóc, ý nghĩ của các văn-nhân kia soi sáng một phần nào, — dù là tia sáng phai nhạt — vào những tâm hồn tối tăm, đau khổ của đa số dân chúng

c. — Vài nhà phê bình Pháp cho báo chí ngày nay, nhất là nhật báo cũng là một thứ « phê bình văn-học miệng » ở mục tin-văn, mục điểm sách. Tôi cũng đồng ý như vậy vì tôi thấy nhật-báo là một thứ tao-đàn trong 24 giờ (salon de 24 heures) của dân chúng.

Tờ nhật báo, sáng ra được tiếp nhận một cách niềm nở, tin-văn cũng có vẻ nóng sốt như các tin khác : nạn ô-tô, giá vàng cao hạ,

thực tiễn công quỹ v. v... Tin văn — giới thiệu và kèm thêm vài dòng phê bình—cũng cần nhanh chóng, đúng sự thực. Nó phản ánh một trong muôn mặt của sự sinh hoạt chung. Nếu đăng chậm hay đăng sai, nó sẽ mất « thời tính » của nó mà trở thành nhạt nhẽo. Tuy nó không sâu sắc, tinh vi như một quyển sách phê bình nhưng nó tạo chung quanh tác-phẩm một sinh khí, một bộ mặt tươi vui, một vẻ « tân thời ». Biết bao người bị lôi cuốn vào vòng sinh kế, vào những kinh doanh bề bộn, họ không có thì giờ đọc sách hay chỉ đọc những sách thuộc về chuyên môn của họ, nên họ chỉ biết sinh hoạt văn-ngệ của xã-hội, qua vài dòng báo. Nếu đôi khi, họ có nói đến giải Nobel, giải văn-chương toàn quốc, Camus hay Sartre thì cũng là nhắc qua những mẫu truyện văn-ngệ lượm được ở trong một phòng trà, một nơi diễn-thuyết, hay qua mục tin-văn.

Bởi vậy, người ký-giả về mục điểm sách (le courriériste littéraire) chỉ cần viết vài dòng đúng với sự thật, giản dị, sáng sủa và chú trọng vào thời sự và gạt bỏ chi tiết có tính-cách nghiên cứu hay « sách vở ». Nói tóm lại, « phê-bình miệng » trên báo chương chú trọng vào hiện tại trong khi các loại phê-bình khác quay về dĩ vãng, lý - thuyết hay nghệ thuật.

Tóm lại, trong giai đoạn « văn minh âm thanh và hình ảnh », làn sóng điện của các đài bá âm, điện ảnh, báo chí, đã mang lại một sinh lực mạnh mẽ cho « phê - bình miệng ». Từ câu chuyện giữa hai ba người, từ một đám hát chèo tiến tới một phòng « tao-dàn », một diễn đàn, nó vang dội ra bốn phương, trên các nẻo đường, tới nơi bể rộng, rừng sâu. Nếu được sửa soạn cẩn

thận và khách quan, nó là một phương-tiện truyền bá văn-học rất tốt trong đại chúng. Máy hình thức nói trên hiện được phát triển khắp các nước. Riêng từ 1950 đến giờ, thể « phê bình miệng » lại mang máy hình thể rất tân kỳ hợp với tinh-thần, tập-quán của vài quốc-gia.

*
* *

III.— Máy hình thức tân-kỳ của « phê bình miệng » sau 1950

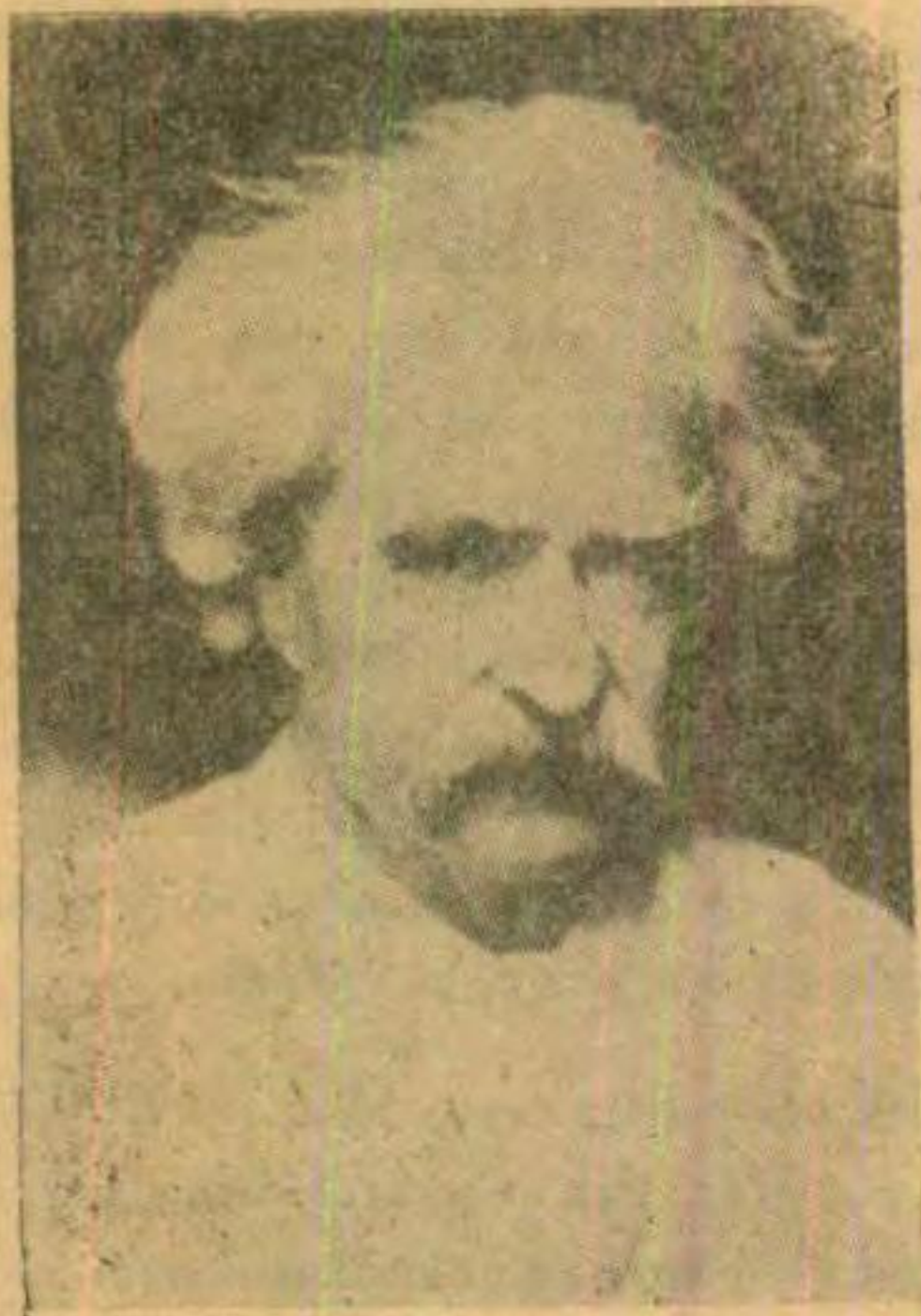
a) Phê bình miệng ở Mỹ quốc.

« Phê bình miệng » là « làm sống lại » những văn sĩ quá cố.

Ở nước Mỹ, văn-học mới tiến bộ vài chục năm nay. Trước đây các nhà văn Mỹ thường thường là những người tự học, làm thơ, viết tiểu thuyết trong cô đơn, nên văn học ít chịu ảnh hưởng của văn cổ hay văn - phái (khác với văn học nước Pháp chịu ảnh hưởng xã-hội, vì nhà văn sống ở Ba-lê và thành thị). Tuy vậy ở một nước trẻ, nên cái gì cũng tiến mau, tiến mạnh. Về văn - học, một số văn-sĩ Pháp như Sartre, Malraux, Camus, đều cảm phục kỹ - thuật viết tiểu thuyết của Dos Passos, Hemingway, của Faulkner, và các ông ấy đã lợi dụng ngay để cải tân tiểu-thuyết Pháp. Về phê-bình văn-học, nước Mỹ đã bắt đầu có vài nhà đại bút như Edgar Poe, Henry James, Ezra Pound, Eliot. Trong bài này, tôi chưa nói tới phê-bình Mỹ, tôi chỉ nêu ra đây một hình thức « phê bình miệng » rất mới, rất linh động, có thể nói rất hấp dẫn và bình dân : ấy là phương - pháp « làm sống lại » các nhà văn xưa. Trước khi giới thiệu một nhà văn đã quá cố, phê-bình gia phải thấu hiểu nếp sống, cách đi, y phục,

rồi khi trình diễn trước công chúng, phê-bình gia diễn lại cử chỉ, ngôn ngữ, hành văn đúng như nhà văn quá cố kia được sống lại. Để cụ thể hóa phương-pháp mới này, tôi xin thuật lại mấy trang của báo *Sélection du Reader's Digest*, bản in Pháp-văn, số 1960 nhan đề là : Marc Twain ressuscité. (Marc Twain (1835-1910) là một văn sĩ Mỹ, nổi tiếng ở Hoàn-cầu về văn trào phúng. Để kỷ niệm 50 năm sau khi ông mất, hai nhà xuất bản Ba-Lê cho in mấy tác phẩm của ông ; đài bá-âm Pháp dành một buổi phát thanh về thiên tài hài hước ấy. Ở Nữu-Uớc, nhân lễ kỷ niệm này, một phê-bình gia, 34 tuổi, Hal Holbrook, đã để 10 năm khảo cứu về M. Twain và đã bước được vào trong da thịt (entrer dans la peau) của văn sĩ. Vừa đây, phê bình gia Hal Holbrook lên sân khấu Broadway, diễn thuyết về Marc Twain.

Khi kéo màn lên, khán giả thấy xuất hiện một nhân vật y phục trắng, chòm râu mép



Ông Hal Holbrook đóng vai M. Twain

màu tuyết. Vừa cầm điệu si-gà khua lên, phê-bình gia vừa đọc những đoạn văn trào phúng trứ danh của M. Twain. Khán giả có cảm tưởng nghe, nhìn văn-sĩ hiện về thực sự, bằng xương bằng thịt, họ vỗ tay hoan hô nhiệt liệt. Sau đây, phê bình gia Hal Holbrook đi trình diễn như vậy ở nhiều tiểu bang và lượm được kết quả rục rờ.



Văn-sĩ M. Twain

Xin độc giả so sánh hai hình trên đây để nhận định lấy một sáng kiến tuyệt « mỹ », đầy công phu của loại « phê-bình miệng » ở Mỹ. Biết bao giờ, ở nước ta cũng có một nhà phê bình đội lốt Nguyễn-Khuyến với một chiếc khăn lượt, áo the, giầy ta, với một be rượu bên cạnh, chống gậy cất giọng lè nhè ngâm :

*Những lúc say sưa cũng muốn chừa
Muốn chừa, nhưng, tính lại hay ưa,
Hay ưa nên nổi không chừa được
Chừa được nhưng mà cũng chẳng chừa.*



Thi-sĩ Nguyễn-Khuyến

Khung cảnh và sinh hoạt của Nguyễn-Khuyến như : nhà cửa, đồ nhật dụng, y-phục, cái gậy, cái cối trầu cho đến nụ cười dí dỏm, tới lòng ái-quốc tiêu cực, với tình yêu thiên nhiên của một xử-sĩ muốn hòa mình vào vũ-trụ, tất cả những cái đó mà làm sống lại được trước mắt học-sinh hay khán-giả, thiết tưởng cũng là một phương-tiện truyền bá hiệu quả cho nền văn-học cổ mà cái nhân-bản đầy sinh-khí của nó đang bị khô héo dưới những lời phân tích tỉ mỉ, « chẻ cái tóc ra làm bốn », của phương-pháp giảng-văn bất chước vụng về của người Pháp.

b) Phê bình miệng Pháp quốc.

« Phê bình miệng » ở Pháp quốc là giải bày tâm-sự — Trước hết, một chuyện (ổ-tích rất có ý nghĩa lý thú và cần kể ở đây. Chuyện như sau : một bác thợ cạo hàng tuần được gọi vào cung sửa râu tóc cho một ông vua

chuyên chế. Bác thợ tò mò thấy nhà vua có đôi sừng mọc trên đầu. Tính thóc mách, bác muốn kể cái bí mật đó cho nhiều người nghe để cùng nhau khúc khích cười và phê-bình chơi, nhưng sợ tiết lộ và mất đầu. Mà không nói thì không chịu nổi. Bác bèn đào một cái hố rộng và sâu ở dưới đất, trồng sậy ở đây. Đêm đêm, canh khuya banh vắng, bác xuống hố trút hết « bầu tâm sự » trên các ngọn sậy. Từ đây về sau, cứ đêm đến các cây sậy lại rỉ rả tâm sự với nhau. « Phê-bình miệng » ở trong văn-học sử Pháp cũng tương tựa như tiếng rỉ rả của sậy, suốt khỏi thủy cho tới tiền bán thế-kỷ thứ 20. Dân tộc Pháp sớm theo chủ-nghĩa cá nhân, mỗi người Pháp đều muốn lấy câu chuyện mình mang ra nói. Nhưng dưới thời quân-chủ chuyên-chế, dưới sự áp bức của một xã-hội « ghét cái tôi » (le moi-haïssable) thành ra chỉ thì thầm trong khoảng khắc trong tập « tùy bút » của Montaigne, trong tao-đàn thế-kỷ thứ 17, chỉ rỉ rả qua vài trang sách của Voltaire, Diderot. Tới thời J. J. Rousseau, Chateaubriand trở đi « cái tôi » bắt đầu phơi bày trong nhiều tác-phẩm văn xuôi. Nhưng những nhà văn chưa dám công khai nói tới đời sống làm ăn của mình. Đầu thế-kỷ 20. A. France, J. Lemaître vẫn mượn văn của người mang ra phê-bình và nhân đó mới viết tới sở thích, cách đọc sách của mình. Các ông vẫn còn e dè như bác thợ cạo trong cổ tích, chưa dám nói lên trước công-chúng những cái khó nhọc, cái thăng trầm của nghề viết văn.

Đột nhiên năm nay, năm 1960, một số nhà văn hiện đại, còn trẻ, lên đăng đàn, phanh phui trước thính giả đời nghệ sĩ của mình, từ lúc bước vào làng văn, sự thành

công hay thất bại của mỗi tác-phẩm, cách dùng tiền được thưởng (prix) để tậu nhà, tổ chức lại gia-đình v.v...

Nói khác đi, các ông diễn thuyết về đời văn-sĩ của mình cho thế-nhân trông thấy « hậu trường » hay « xương thọt » của các ông. Những bài diễn-văn ấy đã lần lượt đăng trên báo Les Annales từ tháng ba 1960 tới nay dưới đề mục « Les auteurs et leurs livres ». Có ông (J.Dutourd) kể cả đến lúc sáng ngủ dậy, ông pha lấy cà phê uống, bắt thân thể vận động để chuyển động-tác từ thân thể sang tâm hồn nhà văn, rồi ông mới đủ hứng, đủ đà ngồi xuống làm văn, hay đánh máy những bản thảo.

Pierre Gascar thuật lại khi bị cầm làm tù binh với Đức, đã đánh lừa địch thế nào để lấy thì giờ viết tiểu-thuyết và dùng những mảnh khoé gì để gửi được bản thảo về Ba-lê, (vì lẽ mỗi tù binh chỉ được phép viết thư rất ngắn.) Ông còn trách các nhà phê-bình đã cho rằng ông chịu ảnh hưởng của Kalfa mà thực ra, hồi đó ông không hề đọc một dòng nào của Kalfa.

Roger Ikor (phần thưởng Goncourt) biện hộ cho tiểu-thuyết - luận đề và cuốn tiểu-thuyết « Eaux mêlées » của ông là nêu lên một luân lý, một nhân-sinh quan.

Jean Louis Curtis còn đi xa hơn nữa. Theo ông, tiểu-thuyết Pháp từ xưa đến Proust chỉ phân tích tâm-lý cá-nhân, bởi vậy ông đã đi tìm một con đường mới nghĩa là giảng buộc tâm-lý, con người vào xã-hội, vào biến cố lịch-sử : trong tiểu-thuyết của ông, sự say mê chính-trị (la passion politique) chiếm một phần quan trọng. Trái lại, Michel de St Pierre tuyên bố không làm chính-trị trong văn-phẩm của mình và chống lại các nhà làm văn thơ « tối nghĩa » hay « siêu

hình ». Theo ông, tiểu-thuyết gia phải là một nhân chứng rõ ràng, độc lập và tự do (un témoin clair, indépendant et libre).

Vài thí-dụ trên, tưởng cũng đủ cho độc-giả nhận thấy thể « phê-bình miệng » mới mẻ này rất hữu ích cho người đọc sách cũng như các nhà văn trẻ đang mong chờ những lời chỉ dẫn, những kinh nghiệm sống, những bí mật trong nghề của bậc đàn anh đã từng lăn lộn trong làng « bút mực. »

C. — Phê-bình miệng ở Việt-Nam

Ở Việt-Nam, « phê bình miệng » là thảo luận tiếp vào một bài diễn-thuyết. — Từ 1954 đến nay, ở Saigon, xuất hiện một hình-thức mới của thể « phê bình miệng ». Ngay sau mỗi một bài diễn thuyết, trong các thính-giả, ai cũng có quyền tham gia ý-kiến vào bài thuyết-trình hoặc bổ-khuyết, hoặc phản-đối. Thuyết-viên sẽ lần lượt trả lời hay giải-thích thêm để làm tỏ vấn-đề hay bênh vực lập-trường của mình.

Xưa kia, nước ta không có tục đăng đàn diễn thuyết, nhất là về văn-chương. Bài bịch của Trần-Hưng-Đạo, bài Bình Ngô đại cáo của Nguyễn-Trãi có nhiều tính chất quân-sự, chính-trị hơn là văn-học nhưng hai bằng chứng ấy tỏ ra dân ta có thể có văn hùng biện được. Vả lại dân ta vốn có bản năng xã-hội mạnh, có khiếu về văn-chương lại thích « lý-sự » trong cuộc hội họp. Rất tiếc, xưa kia, những năng khiếu ấy không được hoàn cảnh thuận tiện để phát triển. Đến khi tiếp xúc với Tây-phương, chưa đầy vài chục năm, mà Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Tổ v.v... đã tỏ ra rất hùng biện về nhiều vấn-đề, kể cả về văn-học.

Ai đã tới nghe ở hội Trí Tri (Hanoi), nhà Khai-Trí Tiến-Đức, giảng đường

Đại-học Hanoi, chắc còn nhớ những lời « thao thao bất tuyệt » của Nguyễn-Văn-Tổ, giọng hùng hồn của Phạm - Quỳnh, v.v... Nhưng, hồi ấy, thính-giả đều thụ động ngồi nghe rồi lẳng lẳng ra về. Tiếp tới lúc kháng chiến (1945) bùng nổ, người ta tổ-chức những buổi diễn thuyết và tiếp theo là mục « phát biểu ý kiến ». Trong khi tản cư về vùng Hải-dương, chúng tôi đã được nghe nhiều cô, nhiều bà nhà quê « phát biểu ý kiến » rất khúc chiết, minh bạch.

Nhưng hồi đó, « diễn thuyết » hay « phát biểu ý kiến » đều hướng về vấn-đề thời cuộc, ít dấn động tới văn-học. Mãi tới sau hiệp định Genève, chúng tôi di cư vào Saigon, mới được dự những buổi thuyết trình kiêm phần thảo-luận về văn-học ở Câu lạc-bộ thanh-niên (đường Phan-đình-Phùng), ở trụ sở Văn-hóa Á-châu, ở Câu lạc bộ Văn-hóa (đường Tự-Do) v. v... Tôi nhận thấy lời « phê bình miệng » ở đây đã có tổ-chức, cách trao đổi ý kiến phong phú, đôi khi sôi nổi. Về tổ-chức, việc quan-trọng là sự lựa chọn một số thính-giả thích hợp với vấn-đề để khi thảo-luận, câu hỏi đặt ra được dồi dào và góp phần xây dựng. Như khi nói về « thơ » thì gọi giấy mời số đông thi-sĩ và các nhà phê-bình về ngành thơ.

Khi diễn-thuyết về văn-đặc huyễn ngữ ở Đại-học, thì mời giáo-sư và sinh-viên. Người cử ra điều khiển buổi thảo-luận phải có khả-năng làm linh-động-viên (animateur), khéo mời thính-giả lên đặt câu hỏi và vui vẻ nhờ diễn-giả giải đáp mà vẫn khách quan không để mất thì giờ hay lạc đề.

Cố nhiên, lúc đầu còn nhiều khuyết điểm, số thuyết-viên còn ít, một số diễn-

văn còn mông mênh quá hay vụn vặt quá, không thể làm đầu đề cho một cuộc bàn cãi bổ ích và lý thú. Việc chọn vấn-đề mang ra nói và sự phối hợp giữa thuyết-trình và thảo-luận cần phải tổ-chức/ thận trọng hơn và khoa - học hơn. Dù sao, hình - thức « thảo-luận » đã tạo một không khí tốt để văn-ngệ-sĩ gặp nhau, thông cảm, để phái cũ, phái mới, phái già, phái trẻ, gần nhau hơn, nhất là để cho các thanh-niên ham sống tập đoàn có nơi giải trí lành mạnh học hỏi thêm được về mọi ngành văn-học.

*
* *

Kết - luận

Sau khi kiểm điểm các biến-thể qua lịch-sử và qua vài nước, chúng ta nhận thấy trong bốn loại phê-bình mà chúng ta phân ở trên (chuyên môn, sáng-tác, tự phê bình, phê-bình miệng) thì « phê-bình miệng » là cổ nhất mà cũng lại tự luôn luôn cải-tiến bằng cách lợi-dụng kỹ-thuật khoa-học và biết thích ứng với hoàn-cảnh riêng của mỗi dân - tộc để bành trướng mạnh mãi ra. Thời cổ, thời chưa có chữ viết, lời nói « làm vua làm chúa », ở Đông cũng như ở Tây. Ngày nay, trong thời-đại văn-minh đại-chúng này (civilisation de masse), đài phát-thanh, điện-ảnh, đĩa hát, báo-chí lại đưa « lời nói » lên địa-vị quan-trọng vào bậc nhất, nhì trong các phương-tiện truyền-bá tư-tuởng ; văn-chương nói (la littérature parlée) nhờ đấy lại khôi-phục uy-thế, « phê - bình miệng » cũng được thể phát-triển sâu và rộng. Tầm quan-trọng càng lớn bao nhiêu, số người hưởng ứng càng đông đảo bao nhiêu, nhiệm-vụ của người « phê-bình miệng » lại càng nặng nề bấy nhiêu.

Trước khi giới thiệu một tác-phẩm, dù trong một tờ báo, dù trên đài bá-âm, trên màn ảnh, phê-bình gia phải trung thực với tác-phẩm ấy, chỉ lựa cái cốt yếu mang ra nói, và nói một cách giản dị, hấp dẫn để vẫn giữ được tinh thần cổ hữu của thể « phê-bình miệng » : linh động, sáng sủa, hợp với sự hiểu biết của đa-số.

người đọc: Người đọc, nhờ cầu ấy, sẽ bắt gặp hình ảnh mình, tiếng vang của tâm hồn mình trong nguyên tác; người viết có mang văn-phẩm của mình ra thử thách nơi công cộng mới nhận thấy ưu, khuyết điểm để trau dồi nghệ thuật của mình, và nhất là lấp cái hố đang chia rẽ văn chương bác học với dân-chúng.

Trọng trách của phê-bình gia là bắc một cầu thông cảm mau lẹ giữa người viết và

BÙI-HỮU-SÙNG

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

吸請 金字烟

Cigarettes **JOB** *Surfines*

COFAT CHOLON

HOÀI CỔ-NHÂN

Bến vắng đêm đêm hoài cổ-nhân
Giòng trắng sương trải lụa phong-trần
Vườn lau thao thức ngàn hoa nến
Nửa lá buồm treo mộng gió Xuân

••

Xao xuyến khoang thuyền muôn ngấn ngọc
Con sào trở giấc nguyệt run môi
Cô liêu bờ nép lòng sông lạnh
Tiếng sáo làng xa bỗng ngậm ngùi

••

Giọt lá âm thầm nhỏ chẳng thôi
Chập chờn ngõ tối đóm đơn côi
Đã bao con nước triều lên xuống
Bật cánh buồm xưa bật cuối trời.

QUÁCH-GIAO

LÁ THƯ HẢI - NGOẠI

MINH - ĐỨC

Alger ngày. . . tháng. . . năm 1960

Anh Nguyễn,

TÔI vừa đi viếng cái « Marabout » của Sidi Yahaya về, tuy chân còn mỏi vì phải trèo mấy cái dốc, mấy cái đồi, nhưng sáng hôm nay tôi trót tự hứa sẽ viết thư cho anh, nên phải giữ lời vậy.

Marabout là tên vừa đề chỉ những ngôi mộ của các bậc thánh vừa đề chỉ cả những người hiền, suốt đời chỉ chuyên làm việc lành, tinh thông mọi sự : thiên văn, địa lý, đạo đức v.v... Trong vùng, ai có vấn đề gì thắc mắc đều đến hỏi thăm ý kiến.

Cái Marabout này không lớn lắm, kiến trúc như một cái đền theo lối cổ Á-Rập : trắng toát nổi bật lên giữa bãi tha ma ở trên đỉnh đồi. Tuy Alger có đến mười cái Marabout, nhưng tất cả Marabout đều gần giống nhau và có những Marabout đã biến thành chỗ buôn bán vì khách du lịch đến nhiều, làm mất hẳn cái tính chất tự nhiên, màu sắc dân tộc. Vì thế tôi chọn cái Marabout của Sidi Yahaya này, tương đối còn giữ nhiều dân tộc tính nhất....

Lệ thường, ngày nào cũng có người đến viếng, phần đông là đàn bà, vào ngày thứ ba và thứ tư thì chật không có chỗ chen. Người ta vào đó nằm ngồi, đốt đèn và mang thức ăn vào ăn, đến mãi tối mới ra về.

Bên trong, thì cái Marabout này cũng như mọi cái đền khác : tường lát gạch sành, màu xanh màu tím, chỉ khác ở chỗ trên trần có treo rất nhiều màn vuông đủ các màu sắc. Chính giữa đền, có đặt một cái quan tài tượng trưng (quan tài thật chôn ngay chỗ ấy). Trên mặt quan tài (tượng trưng) phủ một tấm lụa màu xanh lá cây nhạt, (màu của xứ Thiên-đường) Những người ốm vẫn đến trải áo lót mình lên trên quan tài để lấy khước. Một bình nước thiêng để trong góc và bên cạnh một bà cụ già ngồi bán trầm, ai đến xông khói trầm phải giả tiền, ai muốn mua bột trầm mang về cũng được.

Tuy đã hơn hai tháng sống ở Alger mà tôi vẫn chưa thấm nhuần được câu phườn, ngôn : « Ở hẳn sống lâu ». Tôi rất ngạc nhiên lúc bước chân vào đền. Thật là bần và bừa bãi ! Ngoài bụi đất ra, còn giấy vụn, rác và những người nằm ngồi lê lét. Cố nhiên là tôi vẫn phải cời giày để đi vào xem bên trong. Người ta đưa người ốm đến vuốt ve cái quan tài, uống nước thiêng và xông khói trầm cho chóng khỏi bệnh. Chỉ có mỗi một cái hũ nước mà ai cũng đến uống, hoặc vục tay vào để rửa mặt. Những người ốm nặng không leo núi được thì có bà con họ hàng đi mua nước về. Tôi theo họ đến chỗ lấy nước, phải xuống mãi dưới chân đồi và đi thêm một quãng xa. Nếu tôi bảo anh hãy đến xóm nhà lá ở những vùng ngoại ô Sàigòn, ra phía đằng sau bếp mà nhìn thì có lẽ anh sẽ có một ý niệm, anh có tin tôi không ?

Từ ngoài vào đến chỗ để nước thiêng, phải đi qua mấy gian nhà tắm bằng gỗ rất đơn sơ, nước từ trong phòng tắm chảy ra theo từng cái rãnh con. Khỏi kể chuyện muối với ruồi, người ta đến tắm để cầu cho khỏi bệnh, người ta mang gà vịt đến vật lông nấu ở đấy với nước thiêng để cho người ốm ăn. Mỗi một làn gió dù chỉ là rất « hiu hiu » cũng đủ làm bay phoi phới những đồng lông gà vịt. . . Và đây là chỗ để nước thiêng, nhà kiến trúc theo lối « bidonville » như thu trước tôi đã kể, giữa nhà có năm bảy cái hũ đựng nước, một ông cụ già nằm bên ngoài để canh, châm thêm nước khi nào hết và cũng là để thâu tiền. Anh đừng lo, nước thiêng này vốn từ một cái giếng có phép lạ người ta múc lên chứ không phải từ. . . trong phòng tắm chảy ra đâu.

Thấy tôi theo vào, họ tưởng tôi cũng ngoan đạo như ai (mọi người đều cho là tôi có máu Á-Rập vì giống người Á Rập). Một cô gái nhanh nhẩu mời tôi uống nước ; từ chối mấy lần không được, họ đổ nước trong hũ và kê tận miệng bắt tôi uống. Làm thế nào bây giờ, tôi vừa uống vừa gọi thầm : « Ôi anh Nguyễn ơi ! » vì muốn tả cho anh nghe cái vị của nước mà tôi

phải uống đấy nhé. Chẳng có mùi gì cả, chỉ hơi lơ lơ một tí thôi. Có lẽ chỉ vì thấy những cái lông gà, những mồ mả và mấy cái rãnh nước chung quanh làm tôi không dám nuốt, nếu không thấy gì, thì chắc tôi cũng nuốt rất ngon lành như họ. Ngậm trong miệng và nhớ đến câu thơ của cụ Ôn-Như-Hầu « Khạc chẳng ra cho nuốt chẳng vào ». Mãi đến khi mấy người đàn bà đưa cái hũ nước ra mời thêm, tôi phải vội vàng nuốt vội để giả lời : « Xin đủ ! » Rồi Marabout có phù hộ cho tôi không, anh nhỉ ? Phải công nhận là người Á-Rập có đức tin rất mạnh, nhìn họ chia nhau uống nước, rửa mặt một cách thành kính mà tôi thầm ghen với những con người sung sướng ấy.

Thế mà hôm nọ, có hai người đàn bà chặn đường chúng tôi hỏi giờ rồi tự xưng mình là Marabout, bắt tôi phải cầm trong tay một tờ giấy (cầm đồng bạc một trăm quan, họ không chịu). Lúc ấy không có giấy gì cả, tôi chỉ có đồng năm trăm quan giấy. Họ nói huyền thuyên một lúc rồi lấy mất tờ năm trăm quan trong tay tôi. Tự nhiên là tôi đòi, và tự nhiên là họ không giả. Tôi tức quá vì cảm thấy mình bị lừa một cách ngu ngốc, gặp mấy người bạn Á-Rập, tôi hỏi, ai cũng tức hộ tôi, thì ra đấy chỉ là những mụ phù thủy vật đi lang thang tìm những người nào ngờ ngác dễ lừa. Nếu lúc ấy mà tôi có giấy bút trong tay chắc tôi sẽ viết thư mách với anh rằng hãy tránh xa những người Marabout. . . sự thật không bao giờ có Marabout đàn đàn.

Thứ bảy trước, tôi cùng với mấy cô bạn đi mãi vào trong vùng Casbah nơi có những căn nhà cất từ hơn nghìn năm nay. Nhà xây rất chắc chắn, chủ nhân thời ấy hẳn phải là một vị đại phú ; ngay trong nhà, có giếng nước và có những phòng giam kín trong tường, dưới sàn nhà. Nếu họ không chỉ thì chịu không thể nào biết được. Vì là thời loạn nên họ ở chen chúc rất nhiều, và mới có hơn bốn năm nay chủ nhà mới dọn hết những xương xẩu, sọ người ở dưới hầm. Phần nhiều là xương và sọ đàn bà, có lẽ đấy là những tội đồi thê thiếp phạm lỗi, bị giết và vứt xuống đấy. Tôi xuống hầm nhìn và cảm thấy còn rợn rợn. . .

Dân vùng Casbah có thể đi lại với nhau ở trên gác thượng (terrasse) chứ không cần phải xuống đường. Dưới đất lại còn có lối đi ra đến ngoài cửa bể. Mấy người bạn Á-Rập hẹn sẽ đưa tôi đi chơi bằng lối ấy, nhưng tôi ngại vì trong các đền đài mà còn ngập rác với đủ các thứ mùi như thế dưới hầm thì không biết sẽ ra đến thế nào. Lối đi dưới hầm hiện giờ là

lối thoát của dân du kích ở vùng Casbah những khi phải vào hoạt động trong thành phố. Chắc vì ở dưới bàn quá nên lính Pháp chẳng câu nào dám chui xuống chăng ?

Anh biết không, người Á-Rập còn có một tục lệ là mỗi khi dọn nhà mới hoặc có chuyện vui mừng gì thì phải có máu chảy họ mới cho là đầy đủ hoàn toàn. Vì thế họ giết cừu, nhưng họ không giết bằng búa theo lối người Pháp, họ đâm bằng dao, ở xứ Việt ta thì sao anh nhỉ ?

Người Á-Rập cho rằng giết bằng búa là một cái tội lớn, nên mỗi nhà bán thịt đều có một ông đồ tề riêng chứ không cộng tác với đồ tề « pieds noirs »

Về những vùng quê, dân chúng còn « ngỡ ngác » chứ người Á-Rập ở tỉnh thành thì đã biết dùng các thứ máy điện, vào các nhà bạc trưng thời, anh cũng thấy nào vô tuyến truyền hình, nào máy nước đá, nào xe hơi v.v., rất là văn minh, nếu ai muốn cho rằng đấy là văn minh, và nếu chỉ nhìn đến cái lớp sơn mỏng bên ngoài.

Một giáo sư người ngoại quốc chuyên khảo cứu về xã hội học trước khi rời Alger có nhắn lại rằng : « Ngày nào dân tộc Á-Rập chịu giải phóng cho người đàn bà thì ngày ấy họ cũng được giải phóng vì họ sẽ được thêm một lực lượng thứ hai vô cùng mạnh để giúp họ tranh đấu ». Người Á-Rập đã nghe, đã bàn cãi rất nhiều, nhưng từ sự bàn cãi đến sự thực hành, còn phải qua rất nhiều đường đất.

Quên kể cho anh nghe hôm nọ Alger bị động đất, chỉ có mỗi một tí 'hót' mà nghe như bom 'thả bên' cạnh. Sau cái phút hồi hộp ấy tôi suy nghĩ mãi không biết rằng nên ôm cái gì đề... chạy (?) nếu đất Alger của xứ Algérie nay động thêm một lần nữa. Cây đàn và bầu búp-bê, và đàn những hai cái, biết ôm cái nào ?

Trong khi chờ đợi, hãy thăm anh vậy và hẹn anh thư sau,

MINH-ĐỨC

KHÔNG CÒN NỮA

Rượu cúc soi trăng cạn chén này
Khoang thuyền bạc bến sắp chia tay
Anh theo gió lộng buồm rung sóng
Tôi gửi hồn mơ nước nhớ mây
Sương khói buông tơ chìm cõi vắng
Nỗi niềm ru mộng lắng thơ say
Ngọn đèn, trang sách, mùa hoa nở
Tất cả, xuôi dòng khuất bóng cây.

Đ. T.

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « Thu chiều nay » đăng ở Bách-Khoa số 94, trang 72, có câu in lầm :

« Vườn chẳng đợi thu sầu lá úa »
xin đọc là

« Vườn chẳng đợi thu, đầy lá úa »

Giã tử

C ŨNG là một thắc mắc hợp lý nếu người ta hỏi : có lẽ nào tâm danh-thiệp nhỏ bé xinh xinh lại có thể nuôi sống nổi hai vợ chồng và ba người con ông đội Ba Thê hai mươi lăm năm trời ? Thực vậy, ở miền Trung căn cõi này, ruộng đất mầu kia mầu nọ không đủ bảo đảm một cuộc đời nhàn tản, huống chi tâm danh thiệp con con, rộng không đầy sáu mươi phân vuông !

Tôi xin nhận ngay sự bất bẻ đúng lý sự ấy. Tôi cũng ngờ rằng ông Ba Thê còn có những phương-tiện sinh nhai khác nữa, người ta không ai dám tự hào có thể thâu rõ hết những bí ẩn phong phú của cuộc sống. Có điều mọi phương kế sinh nhai được ông đội Ba Thê chịu dùng đến đều phải có một vài tính cách chung là đòi hỏi rất ít cố gắng, và nhất định không thể mang tên là một nghề. Bởi vậy ông đội Ba-Thê cứ mỗi lần gặp gỡ những người bạn những người « cher ami » đều nhận



nhớ than van là mình thiếu nghề nghiệp.

Cái thuở mà bạn bè ông Ba-Thê toan giúp đỡ ông ta thoát cảnh thiếu nghề là một thuở xa lắm, hồi đó tôi

còn là một đứa trẻ lên ba lên năm chưa hiểu biết gì. Sau này thì những người bạn bè đó biết về ông Ba Thê quá sâu xa rồi, họ không bao giờ dám mạo muội giới-thiệu một nghề nghiệp với ông ta nữa. Nhưng đối với bà đội Ba Thê thì thỉnh thoảng bà vẫn còn gặp một « a-văn-tuya » kỳ thú trong sự săn đuổi nghề nghiệp.

Bà đội Ba-Thê có một độ kết giao với bà Thái-hưng. Hai người đều lầy lăm hăm mộ nhau vì chỗ tính nết thù mị hiền lành. Bà đội than vãn : « Đời bây giờ làm ăn sao khó quá. Thú thiệt với chị, tôi không còn biết xoay trở ra làm sao nữa... » Bà Thái-hưng đề-nghị : « Hay là bác thử buôn bán coi ? » Bà đội Ba Thê cười buồn bã : « Tình cảnh chúng tôi, vốn liếng đâu mà ra buôn bán ! Đời bây giờ dễ gì ít vốn mà làm ăn được sao ? » Bà Thái-hưng suy nghĩ rồi bằng lòng đề cho bà đội mua chịu dầu lửa, thùng diêm, gạo, thuốc điều, v.v... mỗi thứ một ít, bán được tới đâu sẽ trả nợ dần dần cho mình tới đó. Bà đội Ba Thê thành thực cảm động, cuồn quít, nắm tay người bạn gái trẻ tuổi : « Tôi nghiệp chưa ! Cái tâm của chị thiệt là hiem có ».

Bà đội về tới nhà vội vã dục chồng « thử buôn bán » coi sao. Ông đội không phải là người thù ghét những cuộc thí-nghiệm. Ông ta thuê xe chở dầu, chở gạo của bà Thái-hưng về nhà, Trong khi người chồng và bà Thái-hưng lo cân lường, tính toán thì bà Ba Thê xoắn xuýt trầm trở về cái tâm của người bạn gái « Tội nghiệp ! Tội

ngiệp quá » Trong từ ngữ riêng của bà đội Ba-Thê, hai tiếng tội-nghiệp có nghĩa là đáng yêu chuộng.

Hàng hóa chở về nhà, bán được tới đâu, vợ chồng ông đội ăn tiêu tới đó, không hề tính trả nợ lại cho bà Thái-hưng đồng nào. Đến chừng bà này hoảng hốt chạy tới nhà can-thiệp thì hàng hóa đã chẳng còn gì nữa. Hai người đàn bà thù mị cùng tỏ ra vô cùng thất vọng trước một tình thế hết đường cứu gỡ.

Thê là một cuộc thí-nghiệm thất bại. Bà đội Ba-Thê đã có thiện chí đề buôn bán thử, nhưng buôn bán là một nghề rất khó thử.

Phê bình về câu chuyện làm ăn ấy, bà Thái-hưng thở dài : « Ai mà có ngờ đâu, người coi bộ hiền lành từ tẻ như vậy mà liều tới nước đó. Hai vợ chồng thiệt xứng đôi, không chịu làm gì cả. Lười biếng không tưởng tượng được ! » Bà Thái-hưng đã nói phạm đến một tiếng tối kỵ là « lười biếng ». Lời phê bình đó dội tới tai vợ chồng ông đội Ba-Thê, hai ông bà tức giận run lên, và thế không bao giờ ngó mặt bà Thái-hưng nữa.

Thỉnh thoảng một năm, đôi năm, bà đội Ba-Thê lại gặp một người bạn gái « tội-nghiệp » để cuối cùng đành không ngó mặt nhau được, chỉ bởi vì một tiếng tỉnh tự dùng thiếu chọn lựa. Theo ý kiến ông Ba-Thê không thể có một nguyên-nhân thất bại nào được đặt tên là biếng nhác. Ông ta đã tìm hiểu nguyên-nhân và đã đi phân trần với nhiều người bạn bè — người

cher ami — của ông ta. Ông bảo :
« Chán lắm, chán lắm ! Thời buổi bây giờ đừng có hồng giờ ra làm ăn... Đời bây giờ người khôn của hiếm... « Đời bây giờ » là nguyên - nhân căn bản. Ba tiếng ấy lần hồi rồi cũng len lách vào trong đám từ ngữ thông dụng của bà Ba Thê. Để cắt nghĩa lối sống của gia-đình, cả hai vợ chồng đều nói tới « đời bây giờ ». Và đối với những ai ưa sự rành mạch thì cần phải chưa rõ « đời bây giờ » là gồm quãng thời gian dài một phần tư thế kỷ, trải qua các chế độ phong kiến, thực dân, Pháp thuộc, Nhật thuộc, Cộng sản, Cộng-Hòa v.v... Bầy nhiều chế-độ để-huế chia nhau chịu trách-nhiệm về một sự thiếu-nghề của ông đội Ba-Thê.

Và « đời bây giờ » còn vui lòng kéo dài thêm một phần tư thế-kỷ nữa.

*
* *

Một buổi chiều chủ-nhật đã xa lắm, hồi tôi chừng mười hai, mười ba tuổi, tình cờ tôi lạc bước tới trước cửa nhà ông Ba-Thê.

Hôm ấy tôi đi chơi về phía Cầu Đồi, lúc trở về trời đã chạng vạng tôi lại bắt đầu mưa lác rác. Tuy mưa không đèn nổi nào làm trở ngại sự đi lại ngoài đường, nhưng tôi vẫn sợ hãi mưa gió. Mỗi lần trông thấy mưa mù bốn phía trời và nghe giọt nước từ trên cao mịt mờ gieo xuống người là tôi lo hãi, hoang mang, bồi hồi. Tôi ghé vào đứng núp bên hè một ngôi nhà bên đường.

Có những cánh điều tàn kín đáo,

thoạt trông qua nó gây một cảm giác lạnh lạnh trong lòng mà ta không kịp rõ do đâu. Nhà ông Ba-Thê có khu vườn khá rộng, trồng nhiều nhất là cây măng cầu. Cây không tốt, lá nhỏ choắt, trái nhỏ, có nhiều trái khô đen đeo trên cành. Giọt mưa tụ ở đuôi lá măng cầu, đuôi lá râm bụi trước rào, liên tiếp rụng xuống không tiếng tăm trên thảm cỏ tràn lan khắp vườn. Phía sau nhà rào rất thưa thớt, thành ra khu vườn gần như thông luôn với khu nghĩa địa có năm ba cái mả vôi cũ kỹ xam xám như những con trâu nằm to tướng. Lúc tôi chạy lên hè thì một con gà mái đang đứng mơ màng ở xó hè và có lẽ sắp nằm mẹp xuống ngủ ngay tại chỗ ấy, thấy tôi liền kêu đánh « tót » một tiếng, bước đi « bịch bịch » nặng nề trên nền xi-măng, tránh tìm một chỗ khác cách xa tôi vài thước.

Nhà có ba phòng, nhưng người nhà dồn lại một phòng ở đầu cùng xung quanh một ngọn đèn, còn hai phòng nữa để tôi. Chủ nhà không ai biết có tôi ngoài hè. Một mình tôi đứng ngoài tôi chạng vạng, vừa lo sợ nhìn ra trời mưa, vừa bối ngỡ trước một cảm tưởng mơ hồ về sự tàn tạ quanh mình mà không biết do đâu : có phải do ở khoảng rào thưa sau nhà, ở những giọt nước tụ ngoài đuôi lá măng cầu, có phải ở tiếng kêu « tót » nho nhỏ, khiêm tốn, kín đáo của con gà mái, ở thái-độ lạnh nhạt dè dặt của nó đối với tôi ?

Trong lúc tôi còn hoang mang bối ngỡ thì một tiếng hát trong nhà làm tôi

giật mình quay vào. Cảnh lạ lòng bày ra dưới mắt làm tôi quên mất lo hãi. Ngọn đèn dầu lửa để trên một chiếc bàn gần bên cửa sổ. Hai bên bàn, hai vợ chồng. Vợ ngồi xía răng, người chồng thì đặt một bàn tay lơ đãng xòe dầy lên tách nước. Giữa bàn, chén đĩa, đĩa bát ngon ngang. Ở đầu bàn một lọ sứ cũ, trong lọ cắm năm bảy cái hoa sen đã úa. Giữa nhà một đứa con gái vừa múa vừa hát :

« Rắn có chân, rắn biết
Đau lòng gỗ, gỗ kêu,
Tủi nữ nhi oan chịu đã nhiều điều
Cây quân tử kể chi xin quyết một.
(Như nay mà cứu sống đặng tôi
cũng là)

Như xuống nước vớt người trăm
một.

Bằng vào rừng dân kẻ họa tai,
Thà cam thác xuống dạ dài,
Đâu chịu hồ nơi dương thế !
Thiếp dầu có sai lời vàng đá,
Trời đừng cho đừng giữa non
sống !

(Chừ người liệu làm răng đây ?)

« Dù trăm phương chẳng vẹn cùng
chồng

(Thôi thì) :

Liệu một bước cho đành với mạng»

Đứa con gái nghiêng mình quơ hai tay lên cao quá đầu chơi với, giả bộ gieo mình xuống nước. Người cha vẫn ngồi xếp bằng trên ghế, điềm trông bằng mồm : « Bum, bum... Ầm ! », rồi vội vàng cất tiếng la lên :

« A khoan khoan đã ma »
Tình thậm hoảng, tình thậm hoảng.
Ý kha liên, ý kham liên,
Anh hùng này (mà) phụ gái
thuyền quyền

Nhứt đàn nỏ (đi) liệu mình thiên
cổ ?

(ở mô mà)

(cho uồng hề) » (1)

Đứa con gái mập mé mười tuổi, tóc chưa phủ kín ót uồng mình, múa hai tay dịu nhuốt, và khóc và than, và liếc mắt đưa tình thấp thoáng dưới ánh đèn mập mờ kéo theo cái bóng dài múa động chồn vờn trên nền nhà và trên bức vách phía sau lưng, tạo thành một quang cảnh dị thường, chứa đầy bí ẩn đối với óc tưởng tượng của tôi thừa nhỏ. Tôi không hiểu nổi cái ý nghĩa vô luân trong cảnh cha làm Lã Bố con giả Điêu - Thuyền, tôi cũng không hiểu nổi cái nghĩa buồn thảm trong cảnh tưng quăn của một người cha quen thói chơi bời, chiều chiều tập đứa con gái nhỏ uồng éo múa men nhắc lại những thú chơi ngày còn oanh liệt. Tôi chỉ biết ngẩn ngơ thán phục, mê mẩn nhìn theo đứa con gái ngâm nga một cách tài tình những câu hát mà tôi không tài nào hiểu nghĩa.

Trước cảnh ấy, người đàn bà co một chân lên ghế, ngồi trông theo với đôi mắt lạnh đậm một mối. Thình thoảng người đàn ông cự mình mạnh quá làm rung chiếc bàn và làm rụng cuồng một cánh hoa sen. Người đàn bà từ từ quay mặt nhìn lại một cánh hoa khác rụng tiếp theo, rơi lách vào giữa các cộng, mắc kẹt vào khoảng trên miệng bình. Và bà ta đưa hai ngón tay kẹp lượm những cánh hoa rụng, bỏ vào một cái hộp giấy nhỏ để bên cạnh.

Đêm hôm ấy tôi ngồi học bài, thình thoảng lại thấy các giọng chữ uồng mình

(1) Tuồng Tam-Quốc của cụ Tú Thận.



múa trên trang vở những điệu múa uyển chuyển như một hình dáng Điêu Thuyền. Và trong giấc ngủ tôi mơ thấy lộn xộn từ những con trâu đen nằm sập im lìm, những cái lá sen héo cuộn tròn lại như hình vỏ ốc, cho đến ánh đèn phớt trên vầng trán con gái bé nhỏ.

Về sau, khi mà một ý tưởng đầu tiên về chuyện vợ chồng thập thò xuất hiện trong trí trẻ thơ của tôi, tôi liền liên tưởng ngay đến cô con gái của ông đội Ba-Thê. Nhưng đôi với tôi, cô bé không có chút liên quan gì đến cái lon đội, đến hội Những-Người-Ăn-Bê-Thui, đến những tầm

danh thiệp. Đôi với tôi, cô bé ấy liên quan đến một thế giới huyền ảo trong đó có những Giáng-Hương, Tây-Vương-Mẫu, Hà Tiên Cô... Thỉnh thoảng trí phiêu lưu và khí phách anh hùng của tôi có thả rộng vào trong thế giới ấy một Tể-thiên-đại-Thánh quây phỉ chơi, nhưng còn riêng mình thì tự xét khó bề lấp ló đến lắm. Tôi nghĩ đến chuyện vợ chồng, rồi tôi thờ dài.

Tuy vậy mà từ dương trần đến chôn thần tiên ấy không đến nỗi quá xa cách như lòng tự ti của tôi đã ước lượng. Mười năm sau thì tôi đã với tới tiên cảnh, náu được người tiên.

Mười năm chưa phải là dài, nhưng cũng đủ để thực hiện một đôi biến hóa : Ông Đội Ba-Thê đã hóa ra ông Ba-Thê Đồng Thời !

Mỗi một thời kỳ người ta có một lối ăn nói đặc biệt rất dễ nhận ra. Nếu chịu khó bươi xới kho tàng ngôn ngữ của dân tộc như các nhà khảo cổ quật lên từng lớp đất, chắc chắn chỉ riêng cái cách ăn nói cũng giúp ta hiểu được nhiều về tâm lý, về cách sinh hoạt, về tổ chức xã hội, về đường lối chính trị, về sự hoạt-động văn hóa v.v.. của mỗi thời.

Riêng về trường hợp một cá nhân ông Ba-Thê, tôi nghĩ rằng các từ ngữ cũng đã chịu khó đánh dấu cẩn thận từng giai đoạn riêng biệt trong cuộc đời ông ta. Tiếng « se-a-mi » là thuộc về một giai đoạn huy hoàng có những cuộc vui suốt tháng trận cười thâu đêm dưới sự che chở của các quan cai-trị người Pháp. Rồi những tiếng « đời bây giờ » và « thời buổi bây giờ » là sản phẩm của giai đoạn tiếp theo, tiêu điều hơn. Nhằm tới những tiếng ấy, ý vị chán ngán tiêu cực thấm ngay vào đầu lưỡi.

May mà ông Ba-Thê không chịu ngã gục xuống ngay giai đoạn ấy. Sau biến cố chính-trị mùa thu năm 1945 ông Ba-Thê liền đổi một cuộc sống mới. Không phải rằng ông ta chịu nhận một nghề, nhưng chính là vì vẫn không có nghề-nghiệp mà ông ta thành ra một kẻ hoạt-động hăng hái theo lối mới. Hoạt-động lối mới cần nhất là ở cái mồm những người quen ăn không ngồi rồi thường lại hay khoe mồm.

Nói cách khác, giai-đoạn mới, ông đội Ba-Thê ăn rồi, toàn đi nói chính-trị, khắp từ đầu làng tới cuối xóm.

Nhân cơ hội ông ta há miệng ra, một vài từ ngữ mới lèn vào dính ở kẽ răng lúc nào mà ông ta không hề hay biết tới. Chẳng hạn trước kia ông không chú ý đến cái « lý đương nhiên », mà từ ngày mùa thu về sau mỗi lúc ông mới nói về « lý đương nhiên ». Trước kia ông ta vẫn nói « tuyệt-nhiên không có », từ ngày ông đâm ra nói nhiều theo đà của quần chúng xung quanh thì các từ ngữ xô nhau lẫn nhau gấp rút, gây ra nhiều sự lệch lạc : ông Ba-Thê bèn nói « thần nhiên không có » ! Trước kia ông ta nói : « Tôi tiếc... » về sau ông ta vẫn hoa hơn : « Tôi tiếc thay... ». Ông phản nản rằng : « Tôi tiếc thay thôn tôi ít con sồ... », và như thế có nghĩa là thôn ông ta dân sồ toi.

Ở chỗ công cộng, những khi đang đàn phát biểu ý kiến, ông Ba-Thê đang thao thao diễn giảng, nêu thỉnh lĩnh, thiếu ý, lúng túng, ông ta liền quần xung quanh một vài khẩu hiệu rỗng tuếch, nhưng những lúc ấy ông ta càng gắp mạnh từng chữ, càng chú ý đến lối phát âm một cách trịnh trọng : *zè zặt, cảnh zác v.v..* Cũng chính vào những lúc hiếm nghèo như thế mà ông Ba-Thê càng tỏ ra văn hoa : « Ta *ziết zặc zữ* nước, *đồng thời* ta xây *zựng* con người mới, *đồng thời* tiền về... »

Ông Ba-Thê biến ra ông Ba-Thê Đồng Thời trong trường hợp như vậy.

Tôi vốn có một ông bác già ưu thời mẫn thế. Nhưng tất cả sự đóng góp của người vào công cuộc cách mạng chung quy cũng chỉ trông cậy vào ba tác lưỡi dùng đề... động viên kẻ khác. Đối với kẻ hoang đàng nhác nhớn, người khuyên nên nghĩ

tới đại cuộc. Đối với kẻ bần xỉn ngần ngại trước những cuộc quyền góp, người cũng khuyên nghị tới đại cuộc. Đối với những cuộc xích mích chia rẽ giữa anh em, vợ chồng, người cũng ôn-tôn hòa giải, vì đại cuộc quốc-gia.. Mỗi lần nhắc tới đại cuộc trông người bác già có vẻ chân thành, thiết-tha, trịnh-trọng, và hơi nhuốm chút buồn rầu khả kính. Kẻ giỏi hoạt-động về khoa ngôn ngữ rốt cuộc được đến đáp lại bằng ngôn ngữ : Ông bác của tôi mang thêm cái tên mới « Ông Đại Cuộc ».

Ông Đồng Thời và ông Đại Cuộc sau mùa thu thường khi gặp gỡ gần gũi nhau. Nhờ đó mà tôi men tới gót ông bác, tìm đến gặp Loan. Nuôi giữ một hình ảnh tiên nữ trong mười năm, rồi được gần người tiên trong ba năm, như thế là tôi được thời vận ưu-đãi quá rồi. Ngày nay dầu tôi không còn có Loan ở bên mình nữa nhưng ông Đồng Thời vẫn còn đó ở Q.N. thì một phần nào hạnh-phúc của tôi vẫn còn có thể chiêu hồn được. Thậm chí tôi còn tin rằng đến khi xa rời Q.N., khuất mặt ông Ba-Thê, mà mỗi lần nhắc đến hai tiếng Đồng Thời tôi cũng có hy-vọng nhớ đến tình yêu của Loan. Bởi vậy tôi càng quý kho từ ngữ riêng của mỗi người, mỗi giai đoạn, như nhà khảo-cổ quý những xương cốt, những từ khí tiêu biểu cho từng thời kỳ văn-minh bị chôn vùi dưới các lớp đất. Một số người ở Bắc-Kinh, một mảnh tròng đồng đào được ở Đông-Sơn nhắc lại thế nào về một nền văn-hóa cũ, thì một tiếng « đồng thời » vùi lấp

lẫn lộn trong ngôn ngữ ông Ba-Thê cũng biết tỉ-tê kể lại với tôi nhiều vui buồn của một đoạn đời.

Ông Ba-Thê sống dài hơn nửa thế-kỷ. Qua mỗi một giai đoạn có một danh-từ riêng, một câu nói riêng, đánh dấu giai đoạn ấy. Đối với tôi giai đoạn Đồng Thời có nhiều liên hệ mật thiết hơn cả.

*
* *

Trong thời kỳ kháng - chiến tôi không ở Q.N., ông Ba-Thê Đồng Thời cũng không ở Q.N. Thành phố ấy sát bên mép biển, dễ bị tấn công bất ngờ, nên dân chúng bị bắt buộc tản cư. Nhưng chúng tôi không đi xa lắm. Chúng tôi tản cư từ chỗ làng mới mất vẫn có thể trông về Q.N. thấy hai cái bồ treo trên đỉnh núi Chóp Vung. Sự sinh hoạt hàng ngày của chúng tôi, từ vật chất đến đến tinh-thần, tùy thuộc rất nhiều ở hai chiếc bồ sơn đen ấy.

Khi nào có tàu giặc đi ngang qua ngoài khơi thì một chiếc bồ được kéo lên cao. Tàu quay ghé vào bờ thì một bồ kéo cao, một bồ kéo nửa chừng : một bồ rưỡi. Tàu cặp bến thì kéo lên cao cả hai chiếc bồ. Giặc bắt đầu đổ bộ thì kéo hai bồ và đánh kiếng từng hồi ba tiếng ; tiếng kiếng đầu tiên bắt đầu từ trên núi Chóp Vung, các làng kề cận nghe tiếng đánh tiếp theo và cứ thế chuyển đi.

Một bồ rưỡi trên núi Chóp Vung là dấu hiệu cho Q.N. và các miền thôn quê phụ cận chuẩn bị ráo riết. Hai bồ thì gánh xách đồ đạc mọi thứ đã sẵn sàng. Nghe tiếng kiếng, tất cả kéo đi tản cư về những làng xa, dưới

sự hướng dẫn của cán-bộ. (Ông Ba-Thê Đồng Thời là một cán-bộ hướng dẫn tản cư, đã hằng lâu ông mới có một công việc, tiếc thay đó vẫn chưa gọi được là một nghề).

Một chiếc bồ tròn treo lửng lơ giữa trời, đối với binh-sĩ trên chiếc tàu thủy đi ngoài cửa bể, là một mục tiêu hay hay. Nhiều lần họ quay súng nhắm vào bồ bắn thi nhau chơi. Vài lần họ bắn trúng đích, chiếc bồ phát hỏa, rụng xuống núi. Cả làng xóm xôn xao lo hãi như chứng kiến một điềm bất tường, như nghe tan vỡ vì sao chiều mệnh. Nhưng liền hôm sau đó một chiếc bồ khác được thay vào kéo lên, trước sự kiêu hãnh của cán-bộ. « Đồng thời giặc tấn công, đồng thời ta kháng cự hiệu quả tức khắc », cán-bộ Ba-Thê giải thích như vậy.

Và cứ thế, ngày ngày tất cả chúng tôi tin cần hướng nhìn lên lúc trái bồ tròn tìm hiểu sở phận của mình, suy đoán tình hình, tính toán chương trình làm ăn. Và ngày ngày hai trái bồ như hai con mắt tròn quay của cả một vùng nửa quận chúng tôi, mở thao láo nhìn ra ngoài bể khơi, lục soát, rình dò từng chút khói tàu phơ phất ở chân trời.

Đang làm lụng ngoài đồng, chợt có người trông thấy la lên : « Một bồ rươi ! », tức thì ai nấy tiếp theo báo động chuyển miệng : « Một bồ rươi ! Bà con ơi, một bồ rươi ! » và tất cả chạy về nhà dọn đồ đạc vào bao gánh. Một bồ rươi thì tuần nào cũng có một chuyến. Hai bồ thỉnh thoảng

mới xảy ra, mỗi tháng đôi lần. Bất cứ làm việc gì, chúng tôi cũng dành một phần dự liệu cho sự thăng trầm của những chiếc bồ. Giữa đám táng cha, đám ma chồng : « hai bồ ! », tức thì quan tài phải khiêng mà chạy. Đang đám cưới : « hai bồ » ! tân khách liền rút hết lập tức, còn lại vồn vện có cô dâu với chú rể, bố vợ như A-Dong và E-Và hối chưa kịp phạm tội. Vợ chồng đang hôn đôi, xóm diềng đang cãi cọ : « hai bồ ! », tức thì xích mích dẹp hết, ai nấy đều lú lú hợp tác như những « se a-mi »...

Trong hoàn cảnh như thế dĩ nhiên mỗi tình của tôi và cô Loan chịu ảnh hưởng của thời cuộc rất nặng nề. Nặng đến nỗi đối với Loan nó không được phép tự cho là một mối tình. Mỗi lần gặp tôi nàng chỉ nói toàn chính-trị, thật xứng đáng với cha nàng là ông Ba-Thê. Khởi đầu sự quen biết đã đành là những cuộc hội họp bàn luận về công-tác kháng-chiến chính-trị. Từ đó tiền tới ái tình nó se se, từ từ, chầm chậm, êm ru. Tôi nhận có sự tiền tới ấy, còn nàng thì phủ nhận hoàn-toàn, trong những cuộc hội họp vắng vẻ chỉ riêng có hai chúng tôi, nàng thân nhiên nói về nhiệm-vụ, về tác phong đạo đức, về liêm chính, trong lúc các ngón tay tôi luôn vào mớ tóc rất dày rất tốt của nàng, len lỏi tìm tôi trên người nàng. Cứ như vậy, chỉ đơn độc có một mình tôi phạm tội cho tới khi ông Ba-Thê Đồng-Thời suýt có cháu ngoại. Lúc nào tôi cũng buồn rầu ân hận về một cảnh cô độc đơn chiếc ấy.

Có lần tôi lợi dụng sự thân mật, liền hỏi đồ nàng một câu :

— Em có biết anh bắt đầu mê em từ lúc nào không ?

Nàng vội vã nói :

— Mê là để cho cảm tình sai khiến mình rồi. Em không bao giờ mê ai cả.

Thấy tôi không nói nữa, nàng quay lại an ủi :

— Anh đề ý em hỏi nào ?

— Từ buổi chiều chạng vạng em vừa múa vừa hát « Rắn có chân rắn biết » ấy. Như thế nghĩa là sao em ? Anh không hiểu gì hết, cho nên anh càng mê em. Anh trông thấy cái miệng chút xíu rất xinh của em, cái thân hình và các bàn tay, ngón tay bé xíu của em, hai mắt thơ dại của em cố gắng diễn tả một thứ tình cảm ở ngoài tầm với của chúng ta hồi đó, anh suy nghĩ mãi, thán phục em ghê lắm !

Nàng cười lơ đãng :

— Em làm Điều - Thuyền đó, anh không biết sao ? Hồi ấy phong kiến, xưa rồi, anh nhớ làm chi.

Phải như tôi không nghĩ lui những chuyện quá xưa và không nghĩ tới những chuyện quá viễn vông thì chắc hẳn tôi đã có thể tiếp tục hưởng mãi thứ hạnh-phúc đơn chiếc bên cạnh nàng. Nhưng mà một hôm tôi đang đùa xoa mơn bàn tay dưới cằm nàng và nàng đang nghiêm chỉnh nói về nhiệm-vụ phụ-nữ thì « hai bồ » kéo lên. Trước khi buông nhau chạy, nàng còn nói với mấy câu, rằng nhiệm-vụ thanh-niên những lúc « hai bồ » là ở ngoài chiến-trường. Tôi sức nhớ đến người anh trai của nàng, hỏi qua một câu :

— Anh Toàn có thư từ gì về không em ?

— Có, từ tháng giêng tới nay anh ấy dự bảy trận đánh ở Pleiku, Kontum rồi.

Tôi đùa :

— Còn em. Nhiệm-vụ phụ-nữ bảo em làm gì từ tháng giêng tới nay ?

Nàng dẩu mỏ cãi :

— Anh tưởng em không làm gì được hả ? Em sắp sửa đi cứu-thương, không ở đây nữa đâu.

Nàng đi cứu thương, tôi ở nhà mà đan áo gửi cho nàng sao ? Như vậy thì lại càng đơn chiếc lắm lắm, làm sao tôi chịu nổi ? Tôi liền đánh liều quyết nhập ngũ trước nàng.

Như vậy là sau cuộc báo động « hai bồ » ấy tôi biến thành một tên lính, tôi đi Cheo-Reo, Kanack, Komphong, Banmethuot... đi tới đâu tôi cũng có ý chờ người cứu thương con gái ông Ba-Thê. Nhưng không bao giờ tôi tìm ra nàng, vì « nhiệm-vụ » lại buộc nàng ở nhà.

Nàng làm việc gì ở làng trong thời gian ấy ? Nàng tiếp tục nói thao thao về tác-phong đạo đức với ai ? Những gì đã xảy đến trong sông chính-trị và tình cảm của nàng ? Tôi không bao giờ biết rõ được những chuyện đó.

Về sau này, có ý tra vấn tìm hiểu về số phận người con trai con gái của ông Ba-Thê, về nết na, hạnh kiểm của họ, về hành vi tư cách của họ, tôi chỉ biết rõ thêm một điều : là trên cuộc đời họ lúc nào cũng loáng thoáng những bóng dáng ám ảnh của các tầm danh thiếp và các người « se a-mi » của ông Ba-Thê Đồng Thời.

(còn tiếp)

VÕ-PHIẾN

THƠ HOÀNG-KHANH

CHIỀU

Mặt trời tự tử sau đồi
Máu phun lênh lảng khung trời đỏ gay
Phiêu bông mấy dải mây bay
Rừng co ro đứng sợ ngày chạy mau
Sông dềnh bờ cỏ ngậm sầu
Quán nằm trơ trọi nhuộm màu hoang sơ
Đường chiều lòng thấy bơ vơ
Mắt dong sương gió mùa thu ngổ ngàng

H. K.

KHÓC ĐÀU TRI-KỶ

*Un bel entêtement intellectuel de
fidélité et de tendresse...*

A. Gide

NGUYỄN-VĂN-XUÂN



KỶ-SĨ xuống ngựa, kéo vạt áo còn vắt nơi dây lưng xuống đầy cửa bước vào. Qua mấy hòn giả sơn, có cây tùng cây bách, y vượt qua luôn một cái hồ xây bằng đá hoa rồi bước lên thềm. Ở bên kia là ty Niệt ở bên này là nhà viên án sát. Y buộc cương ngựa vào gốc cây thông rất lớn cành lồi đốm trắng, lá tua tủa xoè ra xanh ngất như trong tranh vẽ rồi lên nhà bông.

Ở đầu hè, quyền Hường, người hầu riêng của ông án sát đang ngủ gà ngủ gật trên chiếc ghế mây, nghe tiếng động giạt mình ngó ra. Y nói bằng một giọng tỉnh-táo như chưa hề nhắm mắt bao giờ, đúng là giọng của kẻ nửa đời hầu cửa nhà quan :

— Kia, ông Bát.

Kỷ - sĩ khẽ gật đầu, tháo nón xuống :

— Quan lớn ngủ hay thức ?

— Quan lớn ngủ, nhưng ngài có dặn ông về lúc nào là phải báo tin ngay lúc ấy.

Kỷ-sĩ định nói gì, song im bật, vì liền đó có một tiếng ho, một tiếng dép, một tiếng kẹt cửa rồi Nguyễn-văn-Siêu nhẹ nhàng bước ra

— Bẩm quan lớn.

— Bác Hai đã về đây à ? tốt lắm vào đây ta hỏi.

— Dạ.

Quyển-Hường kéo hộ vạt áo của bát Hai xuống, cho được nghiêm chỉnh

và nói khẽ, nhưng cũng đủ cho người khác nghe :

— Mày hôm nay quan lớn thao-thức mãi; quan lớn chẳng ăn, chẳng ngủ gì được chắc là hết sức mong Ông đó.

— Ừ.

Nguyễn-Văn-Siêu ngồi ở trước một cái yên gụ, trên đặt tráp điều cần xac-cừ. Phía sau có đôi hạt bằng đồng, trên tường treo bộ tứ bình mai, lan, cúc trúc cần ngà voi.

Bát Hai đứng một bên.

— Cho phép chú ngồi. Ta cần biết rõ công việc nhờ chú đi mấy hôm nay ra sao ?

Bát Hai khúm-núm ngồi xuống một bên ghế.

— Bẩm tôi đã dò được tin đích xác việc Ông Cử Phú-Thị...

— Đầu đuôi ra sao kể ta nghe thử.

— Bẩm như Ông lớn đã biết: Ông Cử từ khi về giáo thụ ở Quốc-Oai có ngầm - ngầm giao thiệp với những người chồng triều-đình về sau ông có họp các người đồng chí, tôn Lê-Duy-Cự làm minh-chủ, Ông Cử đảm nhận chức quốc - sư, Ông Nguyễn Kim-Thanh làm Binh bộ thượng thư cùng nhau kéo cờ khởi sự. Trên cờ có đề hai câu :

Bình-Dương, Bỏ Bần Võ Nghiêu Thuần.

Mục Dã, Minh Điều hữu Võ Thang.

Nhân-dân qui phục rất đông. Họ chia quân làm hai cánh, một đánh

lên Bắc, một đánh xuống Đông. Nhưng quân lính chưa được tổ-chức hoàn bị, nên tan vỡ mau chóng. Ông Nguyễn - khắc - Quyết thủ lĩnh cánh quân ở Bắc-Ninh bị phó lĩnh binh Sơn-Tây là Nguyễn-Mao bắt sống. Còn ông Cử Phú-Thị trong khi đi tiếp viện cho cánh quân phía Đông đóng ở Yên-Sơn cũng bị phó lĩnh binh Sơn-Tây là Lê-Thuận-Đại bắt nốt được.

— Cao-Bá-Quát bị bắt !

— Dạ.

— Thề chú có biết hiện nay người ta giam ông Quát ở đâu và bao giờ thì đem ra xử không ?

— Dạ, tôi không thể nào hỏi cho được. Đường xá nhiều nơi canh gác cẩn mật và tôi lại vội về để trình cho quan lớn rõ tình hình.

— Thôi được. Chú vào nghỉ. Ta sẽ trọng thưởng chú. Chỉ có chú là ta tin cậy mới giao cho việc này, không được thổ lộ cho ai biết cả nhé.

Nguyễn-Văn-Siêu lão đảo đứng lên. Ông ôm lấy đầu, đi đi lại lại trong phòng. Một lát yên lặng đầy nghĩ ngợi.

— Bát Hai.

— Bẩm, thầy bát vừa đi ra.

— Gọi lại cho ta.

— Dạ.

Khi người ký sĩ trở lại, Nguyễn-Văn-Siêu chỉ dặn một câu :

— Chú về thu xếp việc nhà rồi sáng mai lên đây để đi với ta. Nhớ là đi nhiều ngày. Đây, ta cho chú mấy nén bạc để lo sửa soạn hành lý và chu cấp cho gia đình.



Nguyễn - Văn - Siêu cùng đoàn tùy tùng đi về Hà-nội. Ở đây, ông tìm đến một người bạn thân ở ngoài cửa ô. Vốn là tâm giao nên ông Tú Nguyễn đặt một tiệc rượu nhỏ để mừng bạn cũ và cũng để chia với nhau một mối tiếc hận: đó là việc Cao-Bá-Quát bị bắt. Ở đây, Nguyễn - Văn - Siêu còn được biết thêm: Cao-bá-Quát sau khi bị bắt thì bị kết án tử hình ngay vì ông là quân sư, tức là linh hồn cuộc khởi nghĩa của Lê-Duy-Cự, chỉ có giết ông thì đảng Lê mới tan. Nhà vua đã muốn nhờ cỏ, nhờ cả gốc nên cho tru di cả họ nhà ông...

— Trời! Thế còn ông Huyện Nông-Công?

— Cao-Bá-Đạt cũng bị bắt giải về Kinh. Nghe đâu trên đường đi, ông Đạt uống thuốc độc tự vẫn rồi.

Nguyễn-Văn-Siêu nín lặng. Thế là hết! Người bạn thân nhất của ông mà ông vẫn ngưỡng mộ thiên tài không còn sống nữa. Ông giật mình khi nghĩ đến những câu «thần Siêu thánh Quát» thiên hạ thường tặng ông và bạn ông, cùng câu thơ xưng tụng của nhà vua «Văn như Siêu Quát»... Ông tự thấy hình như định mệnh đã buộc hai cái tên ấy thì một số kiếp khiến kẻ này chảy máu kẻ kia phải chịu nhức nhối đau

thương. Cao-Bá-Quát, cái thiên tài lộ lộ ấy, như khối ngọc Châu giữa cát trắng, chết đi ít ra cũng phải còn lưu lại cho thiên hạ một người. Nay Cao-bá-Đạt cũng chết rồi thì còn ai đáng gọi là có trí, có dũng ở đời?

Nguyễn-Văn-Siêu tự thấy cô độc lạ lùng. Chén rượu càng uống vào càng khiến tâm hồn bấn loạn. Ngừng đầu lên, ông Tú Nguyễn vẫn mềm môi uống hết chén này sang chén nọ như một kẻ sợ không bao giờ còn cơ hội uống rượu thêm một lần. Đôi mắt kẻ đôi âm ông bắt đầu đỏ lên, lóng lánh những màu sắc khó hiểu. Nguyễn-Văn-Siêu hỏi bạn:

— Thế trước khi chết, ông Quát có nói gì không?

— Không. Ông Quát vẫn ăn, vẫn uống, vẫn ngâm thơ. Khí sắc ông vẫn như thường. Lúc đả phu thù sắp chặt đầu, ông còn sang sang ngâm thơ...

Ông Tú Nguyễn đã say lắm nên nhại đúng hệt cái giọng u uất ngang tàng của Cao-bá-Quát lúc ngắt cuộc đời vút ngoài thế cuộc. Tiếng ngâm thơ dồn dập như muốn xé toang mái tranh chật hẹp tung ra, bốc cháy cái vùng không khí lạnh nhạt thờ ơ nặng nề trên số kiếp con người. Nguyễn-Văn-Siêu vội nói:

— Ông Quát mới bị giết, tất người ta bủa lưới dò xét hàng văn thân để tuyệt trừ hậu hoạn. Tường bác cũng nên giữ gìn.

Ông Tú không đáp, lừ như uồng luôn mây chén. Mặt ông đỏ rực. mắt ông cũng đỏ rực. Bỗng trợn tròn đôi mắt điên dại ông vỗ một tay xuống bàn hét lên :

— Phải, họ có bốn phận dò xét, còn ta, ta có bốn phận thu hình lại như con ếch, con nhái để họ tùy sức mà đè đầu cưỡi cổ, làm gì mặc ý. Ông khỏi phải lo ! Dân tình đói khổ nheo nhóc, ngoại bang dòm dò, sĩ phu miền Bắc bị xem như con sâu, cái kiềng thì rồi đây chúng ta còn tha hồ mà làm kiếp trâu ngựa đời đời.

Nốc thêm một chén rượu, ông Tú Nguyễn run run xòe bàn tay ra. Nhưng giọng ông vẫn giữ nguyên cái khí phách của một người muốn lời nói của mình đập chan chát vào tai kẻ khác :

— Thằng Quát chết đi rồi thì... thì đời này.. chỉ còn một lũ hủ nho... một lũ thi sĩ lão !... lão tuốt !

Thầy bạn đã lú cả lưỡi, gục đầu xuống bàn, Nguyễn - Văn - Siêu cùng người nhà vực vào phòng. Còn ông, suốt đêm hôm ấy chỉ ngồi nhìn một ngọn đèn xanh.

*
* *

Nguyễn-Văn-Siêu về làng Phú-thị vào một buổi trưa khi chợ đã tan. Cả gia đình ông Quát bị giết, nhà cửa bị phá hủy, ông không còn biết hỏi tin bạn nơi đâu. Sức nhớ trước kia, ông Quát hay dẫn mình vào nhà một ông

đồ Nho ở trên đường vào làng, ông bèn tìm lại mái xưa.

Một vị lão trượng chồng gậy trúc-đứng xem cá vàng trong hồ ; trên hồ mây chạu tóc tiên bơ phờ xoã tóc xuống làn nước lờm đờm hoa lý trên giàn. Nghe tiếng động ông cụ ngừng lên, hai mắt hom hem ươn ướt ; có lẽ mắt cụ đã yếu lắm. Cụ dơ tay che một bên thái dương tuy lúc đó, trên đầu mọi người đã có một giàn hoa lý kín mít, che hết ánh nắng rực rỡ.

— Xin chào các thầy lạ.

— Xin chào cụ. Văn sinh lâu ngày, nhân đi qua đây ghé vào hầu thăm cụ.

— Lạ, tôi nghe tiếng nói quen lắm. Mặt người thì tôi không nhận ra, song tiếng nói, tôi có nghe nhiều lần... ừ... Tôi nhớ ra : ông có đến đây với... Mời ông vào nhà trong.

— Thưa cụ, xin cụ xem cháu như con cháu trong nhà. Cháu có điều muốn hỏi riêng cụ, chẳng biết có tiện không.

— Mời ông vào đây.

Nguyễn-Văn-Siêu đưa mắt cho mấy người nhà rồi đi theo. Ông cụ phân ngôi chủ khách xong khẽ hỏi :

— Xin lỗi ông. Tôi nhớ như ông là...

— Dạ cháu là Nguyễn - Văn - Siêu, bạn của ông Cử Phú-Thị.

— À. Tôi nghe nói ông đang làm quan..

— Vâng. Nhưng cháu được tin ông Cử bị bắt thì vội về để thăm. Thưa

KHỐC ĐẦU TRI - KỶ

cụ, thề ông Cử bị hành hình ở đầu !

— Tại Chợ Phú-Thị. Tội nghiệp. Bị hành hình, bị diệt tộc mà còn bị bêu đầu ba tháng mười ngày ở cuối chợ.

Nguyễn-Văn-Siêu nghẹn ngào. Ông ngạc nhiên hơn là thấy cụ đồ còn đủ sức để nhỏ hai hàng lệ. Giọng cụ nhoè đi trong nước mắt.

Nguyễn-Văn-Siêu đứng lên :

— Thôi, cháu không dám phiền nhiều cụ. Để cháu xin ra chợ, viếng bạn cháu một lần cuối cùng.

Ông đồ cũng đứng lên, dơ bàn tay run run :

— Tôi có mấy lời thưa ông.

— Cháu đâu dám. Xin cụ dạy.

— Tôi thấy ông đối với ông Cử như thề thật tận tình. Bằng hữu với nhau có thủy chung là điều người quân tử phải trọng. Nhưng nay dư đảng ông Quát vẫn còn, ông đến đó tôi sợ sẽ có điều không hay chẳng ? Và chẳng, ông là một vị trạng thần...

— Thưa cụ, xưa Anh Bô chỉ là kẻ vũ dũng chết mà còn có kẻ trí dũng đến kinh đô nhà Hán kêu oan. Đông-Trác là kẻ gian-thần bị phanh thây mà còn người thức-giả liễu chết đến ôm chân khóc. Thì lẽ nào một bậc anh tài có trí thức, có cơ mưu, có tầm lòng khảng khái như ông Cử chết mà sĩ-phu lãnh đạm hết hay sao ?

Trên đất nước này không còn một kẻ nào có tầm lòng vị nghĩa hay sao ?

Thưa cụ, tôi đến khóc một kẻ tri-kỷ mà cũng chính vì đám sĩ-phu chúng ta, vì cái danh-dự của kẻ thức-giả mà đến khóc một tinh-thần thượng đẳng trong thiên hạ.

Cụ đồ chấp tay xá một cái :

— Tôi xin lỗi ông là phải. Tôi quả mê muội, chưa nghĩ được như ông.

... Nguyễn-Văn-Siêu cùng kẻ tùy tùng đi thẳng ra chợ. Chợ đông làm bãi chém nên từ lâu rất vắng người lai vãng. Những di tích cuộc hành quyết còn lưu lại với một đồng đất vàng, mấy cây cọc tre tươi đầu, từng hàng vết máu đã đen sẫm và nứt nẻ dưới cái nắng xói sâu vào da thịt.

Mọi người cùng đưa mắt tìm kiếm. Rồi thốt nhiên, trái tim ai nấy đột ngột dừng lại, mạch hai bên thái-dương đập mạnh, đập dồn : trên một cành cây bàng lác-đác mấy chiếc lá đỏ, có treo một cái giỏ tre. Phía ngoài dán một tấm giấy trắng để chữ Hán đóng triện son. Giấy đã rách, son đã chảy rờn rờn như lệ máu ngả màu. Nguyễn-Văn-Siêu nôn nao đưa mắt nhìn quanh. Bọn dân canh buổi đèn, buổi không, trong thời gian nóng bức này chẳng còn một bóng người nào. Nhưng tự dưới gốc đa đằng xa bỗng nhô lên hình thù một đứa bé ra dáng du thủ du thực. Đứa bé thấy có người lạ liền chạy đến xem.

— Cậu em làm gì ở đây ?

— Mày anh tuần đinh trong làng thuê tôi canh ở đây.

— Bao giờ các anh ấy ra?

— Có lúc họ không ra. Có lúc mãi chiều tối họ mới ra một tí.

— Thề cậu chịu khó leo lên cây bàng, lấy cái giỏ kia xuống ta sẽ cho tiền.

Đứa bé có vẻ lo sợ. Nhưng khi thấy chuỗi tiền ăn mười lóng lánh trong tay ông khách sang trọng thì nó quên cả, trở nên háng hái ngay. Nó thon thót trèo lên cây trước sự hồi hộp của mọi người, tháo nút mây sợi lạt rồi xách y cả cái giỏ niêm phong xuống.

Cái giỏ quái dị đựng chiếc đầu lâu đã trao tay Quyển Hưởng.

Ông Siêu thắp mây cây hương, vái đầu bạn rồi mở giỏ ra; tóc ông Quát bị cắt ngắn để chém cho dễ còn vướng nơi miệng giỏ. Mặt ông bị dăng nắng lâu quá nên đen thui thui, co rúm lại, trông bé hẳn đi. Tuy nhiên, cái khí phách ngang tàng còn phảng phất đâu đây trên đôi môi hé mở, đôi mắt

chưa kịp nhắm kín lúc lưỡi dao oan nghiệt đi qua.

Nguyễn - Văn - Siêu dơ mặt bạn lên trước mặt mình, nước mắt rùng rùng chảy xuống. Các kẻ tùy tùng thấy ông làm nhăm gì rất lâu với đầu lâu, thân thiết chân thành như nói với người còn sống thật. Lát sau, rút cây bút lông, chằm vào nghiên mực do Bát Hai mài sẵn, Nguyễn-Văn-Siêu nói:

— Bạn ta chết đi, ta có đôi câu đối chẳng biết phúng bạn nơi nào. Thôi thì ta hãy viết đây để tạ người tri-ký.

Ông viết lên trên đôi má của cổ nhân mỗi bên một vè:

« Hu tai tai, quán cổ tài danh, nan đệ cánh nan huynh, bắt thề ngẫu sinh hoàn ngẫu tử.

« Khả tích dã, đảo đầu sự thề, thử nhơn như thử ngộ, hồn trần lưu xú diệt lưu phương. »

Ông phủ phục bên cạnh đầu lâu một lát rồi sai đứa bé đem giỏ treo lại lên ngọn cây bàng.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

VOYAGEZ PAR QUADRMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS, RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN.34

THƠ BÙI-KHÁNH-ĐẢN

TÂM-SỰ THÔN NGHÈO

Đường nhỏ quanh co đến xóm nghèo
Nơi này xơ-xác gặp hoang-liêu
Trời xa ý gởi mưa khoan nhặt
Đất lạ tình dâng nắng sớm chiều
Kẻ đếm ngày qua trong mái hẹp
Người buồn duyên trái cạnh tường xiêu
Đôi ta lòng lạnh hồn thu muộn
Chôn một mùa hương giữa quạnh hiu

B. K. Đ.



BA NGƯỜI

TỬ TÙ

Nguyên tác « *Le Mur* » của J.P. SARTRE

Bản dịch của : A.T

(Tiếp theo số 94)

OM vẫn tiếp tục nói lảm nhảm, như muốn nói để mà chơi, chắc chắn là hắn muốn nói để khỏi phải suy nghĩ. Bây giờ thì hắn sặc mùi nước tiểu như là những người già mắc bệnh nhiếp hộ tuyến. Dĩ nhiên tôi cũng cùng một ý niệm với hắn, tất cả những điều gì hắn nói tôi đều có thể nói : cái chết của chúng tôi không phải *tự nhiên*. Và khi mà tôi sắp sửa chết, thì không có cái gì đối với tôi, có vẻ tự nhiên nữa, cả cái đồng than kia, cái ghế dài này, cái miệng thô bỉ của thằng Pedro. Tuy nhiên, khi nghĩ rằng tôi có những tư tưởng giống Tom thì tôi lại lấy làm bức mình. Và tôi còn biết rằng, suốt cả đêm nay, chúng tôi có những tư-tưởng giống nhau mà cùng một lúc, chỉ chênh nhau chừng năm phút thôi và chúng tôi toát mồ hôi run lấy bầy cũng cùng một lúc. Rồi tôi nhìn nghiêng mặt hắn và lần đầu tiên trông hắn trở nên kinh hãi : sự chết chóc đã hiện rõ trên mặt hắn. Tôi cảm thấy lòng tự-tôn bị tổn thương, trong suốt hai mươi

bốn giờ sống cạnh Tom tôi đã được nghe hắn, nói với hắn và tôi biết rằng hắn và tôi không có điểm gì tương đồng cả. Ấy thế mà bây giờ chúng tôi lại giống nhau như anh em đẻ sinh đôi, chỉ vì chúng tôi sắp cùng nhau đón tử thần. Tom cầm tay tôi nhưng không nhìn tôi và nói :

— Pablo ơi, tao tự hỏi... tao tự hỏi có phải thật chúng ta đang tự hủy diệt không ?

Tôi rút tay ra bảo hắn :

— Mày thử nhìn xuống tay mày kia, đồ nhớp nhúa.

Giữa hai chân hắn, có một vũng nước và nước còn đang giở giọt từ quần hắn xuống.

Hắn kinh hãi hỏi :

— Cái gì thế này ?

Tôi đáp :

— Mày đi tiểu ra quần đấy.

Hắn tức giận cãi :

— Không phải đâu, tao không đi tiểu đâu, tao không thấy buồn đi mà. Lão Bỉ lại gần hán, hỏi với một vẻ ân cần giả tạo :

— Anh bị đau ư ?

Tom không đáp lại. Lão Bỉ nhìn vũng nước, không nói năng gì cả. Tom nói với một giọng dữ tợn :

— Tao không hiểu là cái gì, nhưng mà tao không có sợ hãi gì đâu. Tao thề là tao không hãi sợ gì.

Lão Bỉ không nói gì. Tom đứng dậy và đến một góc phòng đi tiểu. Hán vừa trở lại vừa cài cúc quần, đoạn ngồi xuống rồi không nói năng gì nữa. Lão Bỉ biên chép trong sổ tay.

Cả ba chúng tôi đều nhìn vào hán vì hán là một người sống. Hán có cử chỉ của một người sống, những sự lo âu của người sống. trong cái hầm này hán rét run lên như tất cả cái người sống đều phải rét run lên, hán có một tấm thân thể đầy đặn và tuân theo ý chí con người. Còn tụi chúng tôi, chúng tôi không cảm thấy rõ thân hình mình nữa, hoặc có cảm thấy nhưng cũng không giống như mọi người. Tôi muốn sờ vào quần tôi ở giữa hai ống chân, xem ra sao, nhưng tôi lại không dám ; tôi nhìn lão Bỉ đứng dang hai chân, chứng tỏ hán làm chủ động được những bắp thịt của hán — và hán lại có thể nghĩ đến ngày mai nữa. Còn ba chúng tôi cũng ở đây, nhưng khác nào như ba bóng ma, chúng tôi nhìn hán chằm chằm tựa hồ muốn hút lấy sự sống của hán y như những con ma cà-rồng hút máu người.

Đứng chán rồi lão Bỉ lại gần thằng nhỏ Juan. Không hiểu hán muốn lại sờ gáy

Juan vì lý do nghề nghiệp hay vì lòng nhân-ái ? Nếu có phải vì nhân-ái, thì đây là một cử chỉ nhân-ái duy nhất của hán trong đêm nay. Nó vuốt ve đầu và cổ thằng Juan. Thằng nhỏ này cứ để mặc cho tên Bỉ vuốt ve nhưng mắt Juan vẫn không rời hán, rồi đột nhiên Juan nắm lấy bàn tay tên Bỉ và nhìn bàn tay ấy với một vẻ rất kỳ khôi. Đoạn Juan lấy cả hai tay hán mà nắm lấy tay của tên Bỉ, hai bàn tay Juan như hai cái kim sấm cặp lấy một bàn tay mập và đỏ hồng.

Tôi ngờ rằng có sự gì không hay sắp xảy ra. Tom chắc cũng ngờ như tôi, nhưng tên Bỉ không hiểu gì cả, hán nở một nụ cười hiền từ. Nhìn một lát rồi quả nhiên thằng bé Juan đưa cái tay mập đỏ lên miệng toan cắn. Tên Bỉ rút vội được bàn tay ra và chệnh choạng lùi về phía tường. Trong một thoáng giây, hán nhìn chúng tôi với một vẻ kinh hãi, hán chợt hiểu ra rằng chúng tôi chẳng còn là những con người giống như hán nữa. Tôi thấy vậy mới cười lên khanh khách làm cho một tên lính canh giật nảy mình, còn tên kia đang ngủ bỗng mở bừng đôi mắt trắng dã.

Tôi vừa cảm thấy nhọc mệt vừa cúi kinh. Tôi không muốn nghĩ đến cái việc sắp sửa xảy ra vào lúc rạng đông này, đến cái chết. Nhưng ý nghĩ này không ăn nhập vào đâu cả, tôi chỉ thấy những chữ hoặc thấy sự trống rỗng. Khi tôi toan nghĩ đến một chuyện khác ngoài cái chết thì lập tức tôi lại thấy ngay những họng súng chĩa vào tôi. Có tới hai chục lần tôi thấy tôi đang sống cái cảnh chính tôi bị hành hình, lại có lần tôi thấy đích thị là tôi bị hành quyết rồi, lúc đó tôi ngủ thiếp đi một phút.

Tôi thấy chúng tôi về phía tường và tôi dấy dậy, tôi van lơn. Rồi chợt tôi giật mình tỉnh dậy và tôi nhìn tên Bỉ, trong lòng lo sợ, không biết mình có kêu lên trong giấc mơ không. Nhưng tôi thấy hắn thân nhiên vuốt bộ ria mép không để ý gì đến tôi cả. Nếu tôi muốn, có lẽ tôi cũng sẽ có thể ngủ được một lát, vì tôi đã thức suốt bốn mươi tám tiếng đồng hồ qua rồi và tôi đã kiệt sức. Nhưng tôi không muốn mất hai tiếng đồng hồ được sống; nếu tôi ngủ thì khi trời hửng sáng chúng sẽ đến đánh thức tôi, tôi sẽ còn ngây ngời vì ngái ngủ và tôi sẽ kêu la ầm ĩ, không, tôi không muốn thế, tôi không muốn chết như một con vật, mà muốn hiểu rõ việc mình phải chết. Và lại nếu ngủ thì tôi lại còn sợ sẽ mơ thấy những giấc mơ dữ dội. Tôi đứng dậy, đi bách bộ trong phòng và để thay đổi những tư-tưởng trong đầu óc tôi, tôi ngẫm nghĩ về cuộc đời của tôi. Một mớ kỷ niệm hỗn độn trở lại trong trí nhớ tôi, vui có, buồn có. Tôi thấy hiện ra khuôn mặt và nhớ lại những mẩu chuyện tôi hình dung ra khuôn mặt anh chàng bé nhỏ tập sự đầu bò rừng, đeo hai cái sừng trong ngày hội Feria ở tỉnh Valence (1), rồi đến mặt một người chú tôi, và sau nữa mặt thằng Ramon. Tôi nhớ lại những mẩu chuyện trong đời tôi: nào là thất nghiệp luôn trong ba tháng vào năm 1926 ra sao, suýt chết đói như thế nào. Tôi nhớ lại một đêm tại tỉnh Grenade (2), tôi phải ngủ trên một chiếc ghế gỗ dài: khi đó tôi đã nhịn đói suốt ba ngày, tôi phát điên lên nhưng vẫn không muốn chết đói — Nghĩ đến đây bất giác tôi mỉm cười. Tôi đã đuổi theo hạnh phúc, đàn bà và tự do với biết bao nhiêu

cay đắng, và như thế để làm gì? Tôi đã ước mong giải phóng được nước Tây - Ban - Nha, tôi khâm phục ông Pi Y Margall (3) tôi đã gia nhập phong trào giải phóng dân tộc tôi đã dấn thuyết trong các cuộc hội họp công-cộng: tôi đã coi mọi việc tôi làm là quan trọng lắm và tưởng như do-đó mà tôi được lưu danh ngàn đời.

Cho đến bây giờ, tôi cảm thấy như đã nhìn thấy rõ cuộc đời trước mắt, và tôi thầm nghĩ: « Thật là một ảo mộng đáng ngán » Cuộc đời tôi chẳng còn giá trị gì nữa, vì đến đây là hết. Tôi tự hỏi không hiểu tại sao trước kia tôi lại có thể đi chơi, đùa cợt với những cô con gái, nếu tôi có thể tưởng tượng rằng tôi sẽ chết khổ cực thế này thì chắc tôi chẳng buồn làm bất cứ một việc gì giờ đây tôi hình dung rõ rệt cuộc đời tôi đã khép kín, khác nào một chiếc túi đã được thắt lại rồi, nhưng trong đó mọi việc còn đang dở. Trong một lúc, tôi cố phán đoán về cuộc đời tôi, tôi muốn tự nhủ rằng: « đời tôi cũng là một cuộc đời đẹp rồi. » Nhưng không, người ta không thể phán đoán về cuộc đời của tôi được, vì nó cũng như một bức tranh chưa hoàn tất, chỉ mới có mấy nét phác họa. Tôi đã bỏ phí hết tháng năm để làm những công việc mà kết quả là vô hạn kỳ. Tôi có hiểu biết gì đâu? Tôi cũng không tiếc gì cả, mặc dầu có rất nhiều điều mà đáng lẽ tôi phải tiếc, như là hương vị của rượu Manzanilla, những cuộc tắm biển ở trong cái vũng nhỏ gần hải cảng Cadix; nhưng mà giờ đây thì bóng tử-thần đã khiến cho tôi thấy những thứ đó đều trở nên vô-vị.

(1) (2) Những tên tỉnh của xứ Tây-Ban-Nha — Grenade ở miền Nam xứ này.

(3) Pi Y Margall (1824-1901) một nhà chính luận và chính trị gia nổi tiếng, người Tây-Ban-Nha, đã giữ chức vụ Tổng Trưởng chính phủ Cộng Hòa Tây Ban Nha vào năm 1873.

Bất chợt, tên Bỉ thấy nảy ra một ý nghĩ rất hay. Hắn nói với chúng tôi :

— Nay các bạn, nếu nha quân - chính chấp thuận, tôi có thể phụ trách mang đến cho thân nhân của các bạn một lá thư hoặc một vật kỷ niệm gì của các bạn...

Tom cần nhân :

— Tôi chẳng có ai cả.

Còn tôi thời lặng thinh không buồn đáp. Tom đợi một lúc rồi nhìn tôi nói một vẻ tò mò :

— Mà không nhắn gì cho nàng Concha ư ?

— Không.

Tôi ghét sự a-tòng về mặt tình cảm này, nhưng là do lỗi của tôi, đêm hôm trước tôi đã nói chuyện với Tom về nàng Concha, đáng lẽ tôi không nên nói mới phải. Tôi và nàng đã yêu nhau từ một năm nay. Mới ngày hôm qua đây, giá phỏng có bị người ta lấy búa chặt đi một cánh tay để được gặp nàng trong năm phút, tôi cũng bằng lòng. Ý tưởng đó nung nấu lòng tôi quá nên tôi không nhịn được mới phải nói ra. Nhưng giờ đây, tôi lại không muốn được gặp nàng nữa, tôi không còn muốn nói gì với nàng cả. Có lẽ tôi cũng chẳng muốn ôm lấy nàng trong tay tôi nữa : tôi đã ghê tởm thân hình tôi vì lúc này nó xám ngắt và ướt nhè nhại mồ hôi, và tôi cũng không chắc gì có khối ghê tởm thân thể của nàng nữa. Có lẽ khi được tin tôi chết, Concha sẽ khóc lóc, và trong hàng mấy tháng, nàng sẽ thấy chán nản cuộc sống. Tôi liền-tưởng đến đôi mắt đẹp dịu hiền của nàng. Khi nàng nhìn tôi thì như có một cái gì truyền cảm từ nàng tới tôi. Nhưng tôi nghĩ rằng bao nhiêu thì hết cả rồi. Nếu giờ đây nàng

có nhìn tôi, thì cái nhìn đó ở lại trong mắt nàng, nó không thể truyền - cảm cho tôi được nữa. Tôi cảm thấy đơn độc.

Tom cũng đơn độc nhưng không giống tôi. Hắn ngồi dang hai chân ra, và chăm chú nhìn cái ghế gỗ dài, nhếch mép tựa hồ như muốn mỉm cười, hắn lại có vẻ ngạc nhiên nữa. Hắn đưa tay ra, sờ trên mặt gỗ với một vẻ thận trọng như e sợ làm vỡ đổ một vật gì, rồi hắn rút nhanh bàn tay về và rung mình. Nếu tôi là Tom thời tôi không nghịch ngợm sờ vào cái ghế gỗ làm gì, đó là trò hề của các người Ái-Nhĩ-Lan, tuy nhiên chính tôi, tôi cũng cảm thấy cái đồ vật quanh tôi có một vẻ gì ngộ lắm : các đồ vật này như có vẻ mờ đi và có vẻ nhẹ hơn lúc thường. Tôi chỉ cần nhìn vào cái ghế gỗ dài, cái đèn, đồng than vụn, là tôi có ngay cảm giác rằng tôi sắp lìa bỏ cuộc đời. Tất nhiên là tôi không thể suy luận rõ ràng về cái chết của tôi, nhưng tôi trông thấy cái chết đó ở khắp nơi, trên khắp mọi vật, tôi cảm thấy vì cái chết của tôi mà vạn vật như lùi lại, đứng cách xa tôi một cách kín đáo, như kiểu mọi người thường hạ thấp giọng nói khi đứng bên giường một kẻ hấp hối chết. Khi tôi sờ soạng trên mặt ghế gỗ dài thì chính là hắn đã sờ soạng *cái chết của hắn* đấy.

Trong cái trạng thái tâm lý hiện thời này, ví thử người ta có đến báo cho tôi biết rằng tôi có thể yên trí trở về nhà, người ta đã tha chết cho tôi, có lẽ tôi cũng hẳn nhiên lạnh lùng : vì lẽ, khi mà người ta đã mất hẳn cái ảo tưởng được trở thành bất-diệt thì vài giờ hay vài năm chờ đợi tử-thần cũng thế mà thôi. Tôi chẳng quan-tâm đến một điều gì cả, và nếu hiểu theo một ý nghĩa nào, thời

tôi trở nên bình tĩnh — Nhưng là một thứ bình tĩnh đáng kinh hãi — nguyên do là vì cái thể xác tôi : thể xác tôi vẫn còn, nghĩa là tôi vẫn trông được bằng mắt tôi, tôi vẫn nghe được bằng tai tôi, nhưng thể xác ấy chẳng phải là tôi nữa ; nó tự động đổ mồ hôi, và run lấy bầy ngoài ý muốn của tôi, và tôi không thừa nhận nó là của tôi nữa. Tôi bó buộc phải sờ vào nó và nhìn nó để xem nó ra làm sao, y như đó là thân thể của một kẻ khác vậy. Có đôi lúc tôi cũng còn cảm thấy cái thể xác ấy, tôi cảm thấy có cái gì chạy lướt qua thân thể tôi, và chạy đổ nhào xuống, tựa như khi ta ngồi trong một chiếc phi-cơ bay chúi mũi xuống, hoặc có khi tôi cảm thấy tim tôi đang đập. Tuy nhiên những điều đó không làm tôi yên tâm, vì tất cả những cái gì toát ra từ thể xác của tôi đều có vẻ xấu xa và ám muội. Nhiều lúc thể xác tôi im lìm lặng lẽ, và tôi chỉ còn cảm thấy nó là một vật gì nặng nề, một sự hiện diện ô-trọc để chống đối lại tôi. Tôi có cảm-tưởng rằng tôi bị gắn liền với một con sâu bọ khổng-lồ. Có một lúc, tôi sờ quần tôi, tôi thấy ướt đầm ; tôi không rõ quần tôi ướt vì mồ hôi hay nước tiểu, nhưng tôi cũng cẩn thận đi lại bên đồng than vụn để đi tiểu.

Tên Bỉ rút đồng hồ ra xem rồi nói :

— Đã ba giờ rưỡi rồi.

Thằng khốn kiếp, chắc nó cố ý nói vậy.

Tom nổi giận : cho tới khi ấy, chúng tôi vẫn chưa ý thức-được rằng thời gian đã trôi qua, mà đêm vây quanh chúng tôi như một khối và vô hình đến tối, và tôi cũng không nhớ ra lúc nào mà đêm bắt đầu buông bóng tối nữa.

Thằng bé Juan bắt đầu kêu la, soán hai tay lại với nhau, hấn rên rĩ :

— Tôi không muốn chết, tôi không muốn chết. Hấn chạy khắp gian nhà hầm, hai tay giơ lên cao, rồi ngã quỵ xuống nệm rom và khóc nức nở. Tom nhìn hấn bằng đôi mắt ử dột và cũng không buồn lại dỗ dành hấn nữa. Thực ra, cũng không cần phải dỗ hấn : hấn làm huyền não hơn chúng tôi nhưng hấn ít bị dày vò hơn chúng tôi, hấn như một người ốm mà cơ thể chống lại bệnh tật bằng cơn sốt. Khi ngay cơn sốt cũng không phát hiện ra được nữa thì bệnh tình trầm trọng hơn nhiều.

Thằng Tom vẫn khóc : tôi thấy rằng nó tiếc thương cho thân nó chứ nó không nghĩ về cái chết. Trong một giây, chỉ một thoáng giây thôi, chính tôi, tôi cũng muốn khóc lên, khóc thương xót cho thân tôi. Nhưng mà sự trái ngược lại đến với tôi ; tôi liếc nhìn thằng nhỏ, tôi thấy đôi vai gầy của hấn rung động vì thổn thức và tôi cảm thấy tôi, tôi đã mất nhân tính :

✱ Phải làm sao cho người thi hành công việc thích thú công việc của họ, thích thú vì khai thác được năng lực ăn sâu trong bản chất của họ ; công tác trong tập thể, hợp tác trong một công cuộc lớn lao phải làm sao đáp ứng được với nhu cầu quần tụ thành xã hội của mỗi người, để cho mỗi người không cảm thấy cô độc.

Khi người làm việc cảm thấy mình đang làm một công việc cao cả và đang hy sinh cho công việc ấy, tự nhiên cũng thấy mình cao cả và thấy thích thú tự trong thâm tâm với công việc của mình. (A.Carrard)

tôi không thể cảm thấy thương sót người khác mà cũng không cảm thấy thương chính bản thân tôi nữa. Thôi tự nhủ : « Ta muốn chết một cách thanh cao ».

Bây giờ Tom đứng đây, hấn ra đứng ngay bên dưới cái cửa hầm tròn và bắt đầu rình đợi trời sáng. Còn tôi thì tôi đã có một ý nghĩ làm chủ đích là muốn được chết một cách thanh cao nên tôi chỉ nghĩ đến điều đó. Nhưng mặt khác, từ khi viên y-sĩ nói cho chúng tôi biết là mấy giờ thì tôi cảm thấy thời gian trôi qua, chảy từng giọt, từng giọt.

Trời hãy còn tối khi tôi nghe thấy tiếng Tom hỏi :

— Mà có nghe thấy chúng không ?

— Có.

Có tiếng chân người đi trong sân.

— Không biết chúng nó làm cái gì vậy ? Trời còn tối thế này, chúng bắn làm sao được.

Một lúc sau chúng tôi không còn nghe thấy gì nữa.

Tôi nói với Tom :

— Sáng rồi đây này.

Lão Pedro đứng dậy ngáp và thổi tắt ngọn đèn. Hấn nói với tên gác ban hấn :

— Trời sao mà rét ghê.

— Căn nhà hầm trở nên xám ngắt. Chúng tôi nghe thấy mấy tiếng súng nổ ở đằng xa.

Tôi bảo Tom :

— Đã bắt đầu đấy nhé, chắc là chúng hành sự ngay ở cái sân sau.

Tom hỏi xin viên y-sĩ một liều thuốc lá. Còn tôi thì tôi không thích, tôi chẳng thích

thuốc lá cũng chẳng thích rượu. Từ lúc này trở đi, chúng không ngớt bắn. Tom nói :

— Mà thấy chưa ?

Hấn muốn nói thêm gì nữa nhưng hấn bỗng im bật. Cánh cửa chợt mở và một viên Trung-úy tiến vào với bốn người lính. Tom để rơi liều thuốc của hấn.

— Steinbock là ai ?

Tom không trả lời. Pedro chỉ vào hấn.

— Juan Mirbal là ai ?

— Đó là anh chàng nằm trên nệm rom kia.

Viên Trung-úy nói : Dậy đi chú !

Juan không nhúc nhích. Hai tên lính chạy lại sốc nách hấn lôi dậy. Nhưng chúng vừa buông hấn ra, hấn lại ngã gục xuống.

Mấy tên lính chần chừ. Viên Trung-úy ra lệnh :

— Chẳng phải lần đầu tiên có người như vậy, các anh cứ việc khiêng nó đi, đây hai anh này lại khiêng đi ; ra kia sẽ liệu.

Viên Trung-úy quay lại phía Tom :

— Nào đi anh.

Tom bước ra giữa hai tên lính đi kèm. Còn hai tên lính kia đi sau, chúng khiêng Juan, một đứa sốc hai nách, một đứa bẻ hai dượng chân. Juan không bị ngắt đi đâu, hấn mở to hai mắt thao láo và nước mắt chảy dòng trên hai má. Lúc tôi định theo ra thì viên Trung-úy ngăn tôi lại :

— Có phải anh là Ibbieta không ?

— Phải.

— Anh hãy đợi đấy : lát nữa sẽ có người đến tìm.

Chúng đi ra hết. Rồi tên Bỉ và hai tên ngục tốt cũng ra nốt, còn lại mình tôi. Tôi không hiểu có sự gì xảy đến cho tôi nhưng mà tôi muốn chúng cứ bắn ngay tôi đi còn hơn. Tôi nghe những tiếng đạn nổ rền sau những khoảng thời gian cách nhau đều đều, cứ mỗi lần nghe thấy đạn nổ tôi lại rùng mình. Tôi muốn gào thét lên và muốn rút tóc tôi. Nhưng mà tôi lại nghiêng rặng lại và đút hai tay vào sâu trong túi vì tôi muốn vẫn còn là con người thanh cao.

Sau một giờ, người ta tới tìm tôi và dẫn tôi lên tầng lầu thứ nhất, tới một căn phòng bé nhỏ sặc mùi thuốc lá « si-gà » và ở đây hơi nóng làm tôi muốn ngạt thở. Trong phòng có hai viên sĩ-quan đang hút thuốc, ngồi trong ghế bành và để các giấy tờ trên đầu gối họ.

— Mà tên là Ibbieta phải không ?

— Phải.

— Thằng Ramon Gris đâu ?

— Tôi không biết.

Cái lão hỏi tôi người bé thấp. Hắn đeo kính và có đôi mắt khắc nghiệt. Hắn bảo tôi :

— Lại gần đây.

Tôi xích lại gần. Hắn đứng dậy cầm lấy hai cánh tay tôi và nhìn tôi bằng một vẻ làm cho tôi muốn đập thối. Đồng thời, hắn cấu rất mạnh vào bắp thịt ở hai bên cánh tay tôi. Không phải hắn cố làm cho tôi đau đâu ; đó chỉ là cách khoe nhà nghề : hắn muốn chế ngự tôi. Hắn cũng lại thấy cần phải quật vào mặt tôi bằng cái hơi thở hôi thối của hắn. Chúng tôi đứng một lúc như vậy, đối với tôi thì cái kịch này đúng ra chỉ

làm tôi buồn cười thôi. Đối với một kẻ sắp chết thì phải nhiều thứ khác nữa mới làm nhụt chí họ được chứ cái tuồng này thì ăn thua gì. Bỗng nhiên hắn lại đẩy tôi ra thật mạnh rồi hắn lại ngồi xuống. Hắn nói :

— Đây là sinh mạng của mày đối chọi với sinh mạng của nó. Chúng tao sẽ tha chết cho mày nếu mày cho chúng tao biết nó ở đâu.

Hai tên này, dù được trang sức bằng roi da và giày ống, cũng chỉ là những kẻ sắp chết. Muốn hơn tôi một chút, nhưng cũng không lâu đâu. Thế mà, chúng chỉ bận tìm những tên tuổi trong tờ giấy lộn của chúng, chúng đuổi theo người khác để bắt người ta tù tội hoặc để giết : chúng có những quan-niệm riêng về tương-lai của Tây-Ban-Nha và về những vấn-đề khác nữa. Những hoạt-động nhỏ mọn của chúng trở nên chướng mắt và tức cười đối với tôi, thành thử tôi không thể nào tự đặt tôi vào địa-vị chúng được, tôi thấy chúng như kẻ điên rồ.

Thằng nhỏ người và thấp vẫn luôn luôn vừa nhìn tôi vừa dùng cái roi da quất mạnh vào đôi giày ống. Tất cả những cử chỉ được tính toán của hắn đều làm cho hắn có dáng điệu của một con vật hung hăng và dữ tợn :

— Thế nào ? Mày hiểu rồi chứ ?

Tôi đáp :

— Tôi không biết thằng Gris ở đâu cả. Tôi cứ tưởng nó đã tới Madrid.

Viên sĩ-quan kia giờ bàn tay xanh xao lên với một vẻ uể-oải. Cái vẻ uể-oải này cũng đã được tính toán. Tôi hiểu tất cả những thủ-đoạn của chúng và tôi kinh-ngạc

vì thấy có những con người được chuyên để chơi những trò ấy. Hấn thong thả nói :

— Anh có mười lăm phút để suy nghĩ. Các người hãy dẫn nó đến ra kho quần áo rồi mười lăm phút sau, lại dẫn ra đây. Nếu nó nhất định không chịu nói thì sẽ hành hình ngay lập tức.

Chúng hiểu rõ những điều chúng làm : tôi đã trải qua cả một đêm chờ chết, sau đó chúng còn bắt tôi phải đợi một giờ nữa ở trong hầm trong lúc chúng đem bắn Tom và Juan và bây giờ thì chúng nhốt tôi trong kho quần áo ; chắc hẳn chúng đã sửa soạn « miếng đòn » từ hôm qua. Chúng cho rằng chờ đợi lâu thì thần kinh sẽ suy nhược và chúng hy vọng sẽ được thấy tôi cũng ở trường hợp này.

Chúng đã làm quá. Trong kho quần áo, tôi ngồi trên một cái ghế kê vì tôi mệt quá, rồi tôi bắt đầu suy nghĩ. Nhưng không phải là nghĩ đến lời-nghị của bọn chúng. Tất nhiên là tôi có biết thằng Gris ở đâu rồi : nó trốn ở nhà các anh họ của nó, cách tỉnh bốn cây số. Tôi cũng biết rằng tôi sẽ không tố cáo nơi nó ẩn náu, trừ phi chúng tra tấn tôi (nhưng chúng không có vẻ nghĩ đến điều này). Tất cả những điều này được quyết định một cách rõ rệt, dứt khoát và không còn làm tôi phải lưu tâm đến nữa. Tuy nhiên tôi chỉ muốn tìm hiểu những lý do về thái độ của tôi. Tôi thà chịu chết còn hơn cung nạp thằng Gris. Tại sao thế nhỉ ? Tôi chẳng còn thương mến gì thằng Ramon Gris nữa. Tình bằng hữu của tôi đối với hấn đã chết từ trước lúc rạng đông, chết cùng một lúc với mối tình của tôi đối với nàng Concha, cùng một lúc với sự khao khát sống của tôi. Chắc hẳn rằng tôi cũng còn ưa thích

hấn, hấn là một con người cương nghị. Nhưng không phải vì lý do này mà tôi bằng lòng chết thế cho hấn ; sinh mạng của hấn cũng không có giá trị gì hơn sinh mạng của tôi ; không một sinh mạng nào có giá-trị gì cả. Người ta sắp sửa bắt một người đứng ép vào tường rồi nhăm bắn vào kẻ đó cho đến khi chết gục xuống : Kẻ đó dù là tôi, hay là Gris hay là một người khác nữa thì cũng vậy mà thôi. Tôi biết rằng hấn có ích lợi cho chính nghĩa của Tây - Ban - Nha hơn tôi, nhưng mà tôi có còn cần gì xứ Tây-Ban-Nha và cả sự giải phóng dân-tộc nữa đâu : không còn việc gì là quan trọng nữa. Tuy nhiên tôi còn đứng đây, tôi có thể tự cứu sống tôi bằng cách cung nạp Gris nhưng tôi vẫn từ chối việc này. Đứng ra thì cũng buồn cười thật : đó chỉ là sự bướng bỉnh. Tôi tự nhủ :

« Có nên bướng bỉnh không ? » Và một sự vui vẻ kỳ quặc xâm chiếm tâm hồn tôi.

Chúng đã đến tìm tôi và dẫn tôi trở lại với hai viên sĩ quan. Một con chuột chạy luồn qua dưới chân chúng tôi và làm cho tôi vui trí. Tôi bèn quay lại nói với một tên lính :

— Anh trông thấy con chuột chứ ?

Hấn không đáp gì. Mặt hấn đăm chiêu, hấn cố làm bộ nghiêm nghị. Còn tôi thì tôi buồn cười, nhưng tôi nhin ngay được vì tôi sợ khi đã cười thì không cầm lại được nữa. Thấy tên lính canh có ria mép, tôi lại bảo hấn :

— Đây, phải xén cái ria mép đi chứ, bờ.

Tôi thấy hấn còn sống mà để cho râu ria đầy mặt như thế thì kỳ quá. Ý chừng

chẳng tin gì lời tôi nói nên hắn đá tôi một chiếc và tôi im không nói nữa.

Viên sĩ-quan người mập hỏi tôi :

— Thế nào mày đã suy-nghĩ chưa ?

Tôi nhìn chúng với một vẻ tò mò như nhìn những loại côn trùng rất hiếm có. Đoạn tôi trả lời :

— Tôi biết chỗ nó ở. Nó trốn ở nghĩa-trang. Ở trong một cái hầm mộ hoặc trong túp lều của những người phu đào huyệt.

Tôi nói thế để làm trò giễu cợt chúng. Tôi muốn được thấy chúng đứng dậy, khóa lại thất lực và ban-hành mệnh lệnh một vẻ sốt sắng.

Chúng nẩy người lên.

— Phải tới đó ngay. Anh Moles đâu, hãy xin Trung úy Lopez mười lăm người.

Quay lại phía tôi, lão mập tiếp :

— Còn mày, nếu mày nói thật thì tao giữ lời hứa. Nhưng nếu mày coi thường chúng tao, mà nói láo thì mày sẽ phải trả giá đắt đấy.

Chúng ra đi rầm rộ và tôi lặng lẽ chờ đợi cạnh mấy tên lính canh gác tôi. Thỉnh thoảng tôi lại mỉm cười vì tôi nghĩ đến sự tức giận của chúng lát nữa đây. Tôi cảm thấy tôi đại dốt và lại tinh nghịch. Tôi tưởng tượng chúng đang nâng từng phiến đá trên các ngôi mộ, mở từng cửa các hầm mộ. Tôi hình dung cái cảnh tượng này như cách tôi là một kẻ bàng quan : một tên tù nhân bướng bỉnh này nhất định làm ra vẻ anh hùng, mấy tên lính kia có vẻ trang nghiêm với bộ ria mép và những người mặc binh phục nọ đang chạy giữa các ngôi mộ ; thật không nhìn cười được.

Sau nửa tiếng đồng hồ viên sĩ quan người mập trở lại một mình. Tôi nghĩ rằng hắn tới để ra lệnh hành hình tôi. Còn các người khác chắc ở lại nghĩa trang.

Viên sĩ-quan nhìn tôi. Hắn không có vẻ tiu nghỉu chút nào. Hắn nói :

— Tụi bây hãy dẫn nó ra ngoài sân lớn với những đứa khác. Khi xong chiến dịch, một toà án thường sẽ xét xử nó.

Tôi tưởng là tôi không hiểu được câu nói của hắn. Tôi hỏi hắn :

— Thế người ta không... không bắn tôi ư ?

— Dù sao thì cũng không phải vào lúc này. Còn sau nữa ra sao, điều đó không liên quan đến tao.

Tôi vẫn không hiểu gì. Tôi lại hỏi hắn :

— Nhưng mà tại sao ?

Hắn nhún vai không trả lời và những tên lính dẫn tôi đi. Trong sân lớn có hàng trăm người tù nhân, đàn bà, trẻ con và vài người già lão nữa. Tôi bắt đầu đi quanh bãi cỏ ở giữa sân, tôi trở nên ngây dại. Trưa tới, người ta cho chúng tôi dùng cơm trong nhà ăn. Có hai ba người hỏi tôi, chắc là tôi có biết họ đấy nhưng mà tôi không trả lời họ : vì tôi cũng chẳng hiểu hiện tôi đang ở đâu cả.

Vào buổi chiều, người ta đẩy vào trong sân chừng mười người tù mới. Tôi nhận ra Garcia, người hàng bánh mì. Hắn bảo tôi :

— Thành may mắn lạ đời, tao tưởng không được trông thấy mày còn sống nữa.

— Chúng đã lên án tao, buộc tội tử-hình nhưng rồi lại đổi ý-kiến. Tao không hiểu tại làm sao cả.

BA NGƯỜI TỬ TÙ

Garcia lại tiếp :

— Chúng bắt tao hồi hai giờ trưa nay.

— Tại sao ?

Garcia không làm chính-trị. Hấn nói :

— Tao cũng không hiểu : Chúng bắt tất cả những người nào không nghĩ như chúng.

Rồi nó hạ thấp giọng :

— Chúng bắt được cả thằng Gris rồi.

Tôi bắt đầu run.

— Bao giờ ?

— Sáng hôm nay. Nó ngốc quá. Nó đã bỏ nhà người anh họ nó hôm thứ ba vì chúng nó đã nhận được giấy báo. Thiếu gì các bạn khác sẽ vui lòng

cho nó trú ẩn, nhưng nó không muốn chịu ơn ai cả. Nó nói « Đáng lẽ thì tao đến trú tại nhà thằng Ibbieta, nhưng nó đã bị bắt rồi nên tao sẽ ra núp ở nghĩa-trang »

— Ở nghĩa-trang à ?

—Ừ, thế mới ngốc. Dĩ nhiên là sáng nay chúng đi qua đó và việc chẳng lành tất phải xảy ra. Chúng đã tìm thấy nó trong túp lều của phu đào huyệt. Chúng bắn vào căn nhà ấy và buộc nó phải xuống.

— Ở Nghĩa-trang !

Tất cả mọi vật đều quay cuồng chung quanh tôi và tôi phải ngồi xuống đất : tôi cười đến chảy nước mắt.

A.T. (phỏng dịch)

CÁC BẠN ĐÓN COI :

BÁCH-KHOA SỐ KỶ-NIỆM

ĐỆ TỬ CHU-NIÊN

Ra ngày 15-1-1961

— Những vấn đề trọng đại mà bạn đọc thường băn khoăn tìm hiểu.

— Những sáng tác độc đáo mà bạn đọc hằng mong đợi.

Sẽ làm cho số kỷ-niệm 4 năm của Bách-Khoa thành số báo phong phú nhất trong gần 100 số báo ra mắt các bạn từ trước tới nay.

Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIẾNG ĂN
GAY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc

NGUYỄN-CAO-THANG, Dược-Sư

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT (INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.421 — Boîte postale : 276

1, Duong Nguyen-Sien — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMES DU COMMERCE,
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES,
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

20 phút với ông Francis Trébinjac, trưởng ban tổ-chức cuộc triển-lãm sách Pháp

● NGUYỄN-NGU-Í

Cuộc triển-lãm sách Pháp tại hội-trường Diên-hồng, đã khai mạc ngày 9 tháng 12, và kéo dài trong mười lăm hôm. Trước ngày khai mạc, tôi được gặp ông trưởng-ban tổ-chức, cùng ông trò chuyện trong vòng hai chục phút. Và sau đây là câu chuyện của chúng tôi:

Sau lời giới thiệu, ông Francis Trébinjac vừa bắt tay tôi vừa thu dọn giấy mực và sốt sắng mời tôi qua phòng bên để tiện bề nói chuyện. Biết thì giờ ông dư quá ít, tôi vội vào đề ngay :

— Thưa ông, cuộc triển-lãm này do ai đứng ra tổ-chức ?

Một nụ cười nhẹ làm tươi lên gương mặt hiền hậu của người đối-diện chưa quá năm mươi.

— Tôi xin phép dài dòng một tí. Gần một thế-kỷ nay, từ năm 1872, nếu tôi nhớ không lầm, ở nước chúng tôi có thành lập một tổ-chức nhà nghề, trông lo việc giới thiệu sách với công chúng. Tên gọi là Ủy-ban thường trực các cuộc Triển-lãm Sách và các Nghệ-thuật đồ-họa của nước Pháp, (Comité permanent des Expositions du Livre et des Arts

graphiques français). Ủy-ban này đứng ra tổ-chức các cuộc triển-lãm sách và cuộc triển lãm này được tổ chức với sự hợp-tác của sở Văn-hóa tòa Đại-sứ Pháp ở Việt-Nam và dưới sự chủ tọa của bộ Quốc-gia giáo-dục Việt-Nam.

— Ủy-Ban sách thịnh-thoảng mới hoạt-động ?

— Không, ông à. Hoạt-động thường xuyên và hoạt-động khắp thế-giới. Chúng tôi đã có những triển-lãm ở Hoa-Kỳ, ở Nhật-Bồn và ở các nước châu Âu.

— Ông cho phép tôi tò mò một chút... Công việc của quý ông chỉ có một mục-đích văn-hóa thôi sao ?

Ông vừa tủm tỉm cười vừa phác-họa một cử-chỉ như muốn bảo : trên đời, bao giờ cũng một công mà hai ba việc.

ĐI COI TRIỂN LÃM SÁCH PHÁP

— Có hai mục-đích. Trước hết là mục-đích văn - hóa. Giới thiệu, phổ biến các loại sách xuất - bản ở nước Pháp cho giới trí-thức nước ngoài. (Ông cũng đủ biết một hiệu sách làm sao mà giới-thiệu sách của mọi nhà xuất-bản cho được). Thứ đến mục-đích thương-mại.

Ông ngừng một chút, một ánh nghịch ngợm thoáng qua đôi mắt rộng, làm tôi nghĩ đến câu : « Có thực mới vực được đạo ».

— Ông có thể cho biết rõ mục đích thứ hai này.

— Được chứ. Tìm khách hàng thêm, tìm những trở ngại, rồi thương thuyết với nhà cầm quyền sở tại để loại chúng. Chúng là những trở ngại, ông đừng hiểu là khách hàng mà khó cho tôi.

Chúng tôi cùng cười.

Tôi ngược nhìn qua các bàn, các kệ trong phòng. Phòng này dành cho các loại sách về : Văn - chương, Thanh-niên, Giáo-khoa, Bác-học ; có cả một góc cho sách Nhi-đồng.

— Sách triển-lãm chắc trên vài ngàn quyển ?

— Báo, tạp-chí, tài-liệu, không kể, còn sách thì 3.899 quyển, đủ loại, đủ môn, đủ cỡ.

— Toàn là sách mới ra ?

— Toàn là sách mới ra trong ba năm nay. Có thể nói rằng loại nào cũng có sách tiêu-biểu cả, chỉ trừ loại bách-khoa tự - điển, chúng tôi chỉ mang theo vài bộ.

— Và sở nhà xuất bản có sách triển-lãm ?

— 103 nhà.

— Ông có thể nào đưa tôi đi xem qua các phòng triển-lãm để có một cái nhìn chung ?

— Và tại sao không ?

« Chúng mình hãy bắt đầu bằng cái ban đầu nhé.

« Bước vào, là phòng của « Mỹ-thuật, Địa-lý và Du-lịch » (Beaux-Arts, Géographie et Voyages)

— A ! Ông trưởng - ban tổ - chức quả là một tâm-hồn đầy Thơ ?

— Ông nói sao ?

— Ông quên bài thơ « L'invitation au voyage »...

— Của Beaudelaire.

Và bỗng hai tôi, một người từng đi đó đi đây, một người chưa bước ra khỏi nước, cùng mơ màng trong giây phút, để cùng nhâm nhay vần thơ :

« Mon enfant, ma soeur,

Songe à la douceur

D'aller là-bas vivre ensemble :

Aimer à loisir,

Aimer et mourir

Au pays qui te ressemble »... (1)

Tạm dịch :

(1) « Em của anh ơi !

Hãy nghĩ đến nỗi ấm êm

Đến nơi xa vời đó để cùng nhau chung sống,

Tha hồ mà yêu,

Yêu rồi cùng chết

Tại chốn đất trời giống hệt như em. »

Mà lớp sách du lịch với hình với ảnh, với màu với chữ... như mời mọc người xem...

Nhưng ôc hự 12 giờ trưa. Mà công việc của ban tổ chức còn bộn bề. Chúng tôi đi lướt qua.

— Đây, ảnh phóng đại của các văn hào được những giải thưởng văn chương danh tiếng nước Pháp, từ 1957 đến 1959. Về năm 1960, chúng tôi chưa có kịp. Bù lại, ảnh của Saint John Perse vừa được giải văn chương Nobel có đây, ở giữa ; ấy cũng vì ông đã được giải quốc-gia về Văn-học năm 1959.

« Phòng thứ hai đây, chúng tôi dành cho « *Kỹ thuật và Khoa học thuần túy* » (Technique et Sciences pures). Chúng tôi đặc biệt chú trọng đến ngành này trong cuộc triển lãm vì chúng tôi nghĩ nước Việt là một nước trẻ, cần đào tạo rất nhiều cán bộ, bậc trung cũng như bậc cao.

« Phòng này để triển lãm sách về Y-học và Vạn vật học (Médecine et Sciences naturelles). Và đây là phòng của « Tôn giáo, và các môn học : Luật, Kinh-tế, Chính-trị, Xã-hội (Religions, Droit Sciences économiques, politiques et sociales).

« Còn dựa tường, là những tác phẩm của các họa sĩ danh tiếng in lại, và những tranh in tay trên vải của nhà Corot.

« Giờ, chúng ta trở qua dãy phòng bên mặt. Phòng *Báo chí*, phòng *Tài liệu*, và phòng cuối, phòng chúng ta giả từ được mười phút :

phòng của Văn-học, Thanh-niên, Giáo-huấn, Bác-học và Nhi-đồng : (Littérature, Jeunesse, Enseignement, Érudition, Enfants).

« Để chứng tỏ ngành xuất bản sách có ảnh hưởng nhiều đến sự sản xuất phim, chúng tôi trình bày một số bìa sách phóng đại và một số áp phích phim ở tường đây.

— Trong tất cả loại sách triển-lãm, ông trưởng ban tổ chức thấy loại nào đáng chú ý hơn hết !

— Tôi thì cho loại sách Giáo-khoa đáng ta để ý hơn cả. Thật là những cô gắng không ngừng. Đây là cuốn sách *Sử và Địa mới nhất* : tranh ảnh, hình vẽ đầy cả, chữ không dày đặc như thời xưa. Lại màu sắc vui tươi, hấp dẫn. Còn đây là một cuốn sách về Vạn vật. Hình màu, chữ rõ, giấy láng, giá phải chăng ; thật là khác hẳn những cuốn sách chúng ta học hồi còn nhỏ. Lại còn những miếng phim màu để chiếu cho học sinh coi.

À, tôi quên hỏi ông : chẳng hay sách của những nhà xuất-bản Pháp ở Việt-Nam có trưng bày ở đây không ?

— Có chứ. Hai cái tủ kính nhỏ dựa tường đựng sách của nhà xuất-bản France-Asie và của hội « Khảo cổ Đông-Dương ».

— Ở nước nào, ông cũng tổ-chức cuộc triển-lãm sách, báo y như thế ?

ĐI COI TRIỂN LÃM SÁCH PHÁP

— Đâu có. Mỗi nước mỗi khác. Triển-lãm ở Nữu-Uớc khác triển-lãm, ở La-Mã, triển-lãm ở I-Pha-Nho khác triển-lãm ở Việt-Nam..,

— Trung bình mỗi năm, Ủy-ban Sách Pháp tổ-chức bao nhiêu cuộc triển-lãm ?

— Từ 35 đến 38.

— Riêng ông, ông đã tổ-chức triển-lãm trong mấy năm ?

— Trong sáu năm, ông ạ.

— Chắc là ông mệt lắm.

— Mệt, thì làm sao tránh khỏi. Nhưng khi tôi được thấy người

đi xem đông, tỏ ra thích thú, thì bao nhiêu cái mệt đều tiêu tan hết.

— Tôi tin rằng đồng-bào chúng tôi sẽ hoan-ngình cuộc triển-lãm văn-hóa này. Ông có thể kéo dài thêm thời hạn triển lãm chẳng ?

— Không được, ông ạ. Mười lăm hôm, đủ cho khán giả xem ; và lại, tới đó, người xem cũng... mệt. Và cũng cần cho sách nghỉ ngơi với chớ, phải không, ông bạn ?

NGUYỄN-NGU-Í

ĐÃ PHÁT HÀNH :

MAI SỐ 11 (10-12-1960)

🕒 **Sáng-tác Văn-Nghệ :**

PHAN - DU — LIÊN - VĂN

TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ — MINH - HỮU

Những câu chuyện :

Văn-Nghệ : Người đàn bà thoát nạn (VĂN-TRANG)

Khoa-học : Mê tin — Dự-đoan (CÔ-LIÊU)

Giáo-dục : Đánh hay không đánh trẻ em ?

(THIÊN-GIANG)

Phụ-nữ : Thư gửi người em muốn theo đuổi nghề văn (ÁI-LAN)

Nghệ-thuật : Cắm hoa của người Nhật

Phỏng-vấn : Sinh-viên với tổng hội sinh-viên (NGUYỄN-NGU-Í)

Và các mục : **Điểm người điểm việc, Tin Văn, Nụ cười lợm lặt v...v...**

★ **MAI** phát hành ngày **10** và **25** mỗi tháng. **GIÁ 5\$**

Chúng tôi vừa nhận được :

Ý sống (Đặng - Ngọc - Thanh) —
Cửa bể Thuận-An (Bửu-Kế) — Thử
đặt lại vấn-đề Đông và Tây (Thăng-
Long H. Phúc) — Ngõ về ; Không
nói ; Mưa đêm nay (Hoài-Chương)
— Núi mùa Xuân (Trần-Gia-Thoại)
Tự tử ; Trở về ; Thoáng buồn ;
Suy tư ; Ác mộng ; Phương An ;
Tháng chín ; Chiều ; Nghĩa trang ;
Rừng hoang (Hoàng-Khanh) — Đêm
nhớ thương (Tô - Chiêu - Hân) —
Chuyến đò trăng ; Lòng chết
(Nguyễn-Xuân-Sơn) — Một hoài
bão ; Băn khoăn ; Linh tính ; Đưa
ra mười ngón tay (Huyền-Lan-
Phương) Giải Nobel khoa-học năm
1960 (Võ-Quang-Yến) — Dư ảnh
(Kim-Thu).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn
tất cả những bài trên đây, nếu bài
nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn
chưa đăng (trừ trường - hợp đặc-
biệt có thư riêng) thì xin các bạn
coi như là không đăng mà thông-
cảm cho. Đa tạ.

Em L.N. Hồng-Long-Thành.— Có được
thư em, nhưng không có địa chỉ ;
em nhớ cho địa chỉ trong thư sau.

Anh Nguyễn - Phúc, Huế.— Về « Nỗi
loạn », anh V. P. sẽ có thư riêng.
Đã gửi « Mai » như anh dẫn.

Bạn Vương-Huy, K.B.C. 4522.— Đã có
thư riêng và nhân trên báo về
truyện « Câu chuyện bốn ngày »
của bạn, mà sao chẳng được tin
tức gì của bạn cả. Xin cho biết
địa chỉ có đổi không ?

Cô Hà-Hợp-Nguyễn, giáo - viên trường
N.T.T., Vĩnh-Long.— Có được thư,
dấu bưu điện ngày 5-12. Đoạn thư
hỏi về anh V.P., đã đưa anh ấy
xem. Lấy làm lạ không thấy nói gì
về việc ngày 3-12. Truyện sau cùng
có cái tên « dài lê thê », anh em
trong tòa soạn còn đang xem. Bản
thảo « Cô Ba » và truyện đầu gửi
từ miền đất đỏ, tiếc thay, đã
thất lạc.

B. K.



SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

« Địa-lý tỉnh Phong-Dinh », soạn-giả
Trương - Quan - Liêm, trong « một
nhóm giáo-viên Việt-Hương », do
nhà xuất-bản Việt-Hương xuất-bản
và phát-hành.

Đây là quyển sách đầu tiên của
nhà xuất-bản, trong loại sách « Tìm
hiểu Địa-lý nước Việt » giới-thiệu
một tỉnh trù phú nhất, nhì miền
Hậu-giang.

Sách soạn đúng chương trình
lớp Ba ban Tiều - học, gồm nhiều
tranh ảnh, bản đồ. Dày 34 trang,
giá 17\$00.



Xin trân trọng cảm ơn tác-
giả và ân cần giới - thiệu với độc-
giả thân mến.

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

NHỮNG PHIM ĐẶC SẮC NHẤT

SẮP CHIẾU TẠI THỦ-ĐÔ SAIGON - CHỢ LỚN

EDEN — CASINO — PALACE

Qui était donc cette dame
(Nặng số đào hoa)

(Từ ngày 24-11-60)

Tony Curtis, Dean Martin, Janet Leigh

EDEN — OLYMPIC

Chérie recommençons
(Yêu nhau lắm cần nhau đau)

(Từ ngày 15-12-60)

Yu Brynner — Kay Kendall

CASINO-KHAI-HOAN - PALACE

Commando de Destruction
(Trên đường ly loạn)

(Từ ngày 15-12-60)

James Steward — Lisa Lu — Glenn Corbett

Babette s'en va t-en guerre

(Từ ngày 22-12-60)

Brigitte Bardot, Jacques Charrier

HÃNG PHIM COLUMBIA

23 Đường Gia-Long Saigon

D.T. 24.710

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TAN-NARIVE-TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Spring



Chuốc thơm điển dãi :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

**GIA
BÌNH DÂN**

10%

DUC THU 60

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

**Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

**THE PREMIUM MOTOR OIL
H. D.**

Hút Chuốc Thơm

Mã nhất tâm

Sang Tinh Thôn

Văn -

- Nghe -

- Li



GIÁ HẠ

15\$





LA-VIE

“33”

HẢO HẠNG

Chủ-nhiệm : HUỖNH-VAN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :

In tại nhà in VĂN-HÓA
412 414, Trần-Hưng-Đạo - SAIGON